

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 208 – Chúa nhật 27.10.2013

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

Hoạt Động Của Nhân Loại Trong Vũ Trụ	Vatican 2
CUỐI CÙNG, PHÁN QUYẾT VẪN LÀ CHÚA	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.
NHẬN ĐỊNH THIÊNG LIÊNG VÀ QUẢN TRỊ TRONG HỘI THÁNH	
.....	Lm. Giuse Nguyễn Công Đoan, SJ
ĐỌC CUỐN SÁCH : FAIRE BOUGER L'EGLISE CATHOLIQUE CỦA CHA JOSEPH MOINGT (DÒNG TÊN)	Gs. Trần Văn Toàn
YÊU THẬT – MÂY AI?	Mẫu Bút Chì
SỐNG SỰ THẬT NÂNG CAO PHẨM GIÁ	Cát Minh
ĐƯỢC SAI ĐI	Lm. Vĩnh Sang, DCCT
ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN - THIÊN CHÚA CÔNG BẰNG NHÂN TỬ VÀ HÌNH PHẠT HỎA NGỤC - VẤN ĐỀ 14	Lm. Đan Vinh, HHTM
Tôi là nhà trí thức sao?	Lm. Minh Anh chuyển ngữ
TÔNG HIỆU	Lm. Stêphanô Huỳnh Trụ
DỊ ỨNG THỰC PHẨM	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, MD.
LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 01 đến 06	Lm TRĂNG THẬP TỰ VÕ TÁ KHÁNH

Hoạt Động Của Nhân Loại Trong Vũ Trụ

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Hiến Chế Mục Vụ

Về Giáo Hội

Trong Thế Giới Ngày Nay

Gaudium Et Spes

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Phần Thứ Nhất

Chương III

Hoạt Động Của Nhân Loại Trong Vũ Trụ ^{36*}

33. Đặt vấn đề. Con người đã luôn cố gắng phát triển thêm mãi đời sống của mình bằng việc làm và tài năng. Ngày nay, nhất là với sự trợ giúp của khoa học và kỹ thuật con người đã và còn đang không ngừng nói rộng sự thống trị của mình gần như trên tất cả thiên nhiên, và đặc biệt nhờ sự gia tăng đủ loại phương tiện trao đổi giữa các quốc gia, gia đình nhân loại dần dần ý thức về mình và hợp thành gần như một cộng đoàn duy nhất trong vũ trụ. Do đó, ngày nay con người đã dùng sức cần lao tự cung ứng nhiều phẩm vật mà xưa kia họ mong đợi trước nhất nơi các quyền lực thần linh.

Trước nỗ lực lớn lao đang lan rộng tới tất cả nhân loại này, nhiều câu hỏi đang được con người nêu lên. Đây là ý nghĩa và giá trị của hoạt động cần lao ấy? Phải xử dụng tất cả các sự ấy ra sao? Đây là mục đích của những cố gắng cá nhân cũng như tập thể? Dầu Giáo Hội là quản thủ kho tàng lời Chúa để từ đó rút ra những nguyên tắc luân lý và tôn giáo, nhưng không phải lúc nào Giáo Hội cũng có ngay câu trả lời cho mỗi một vấn đề. Tuy nhiên bao giờ Giáo Hội cũng ao ước nổi kết ánh sáng mạc khải với sự khôn khéo của mọi người để soi dẫn con đường mà nhân loại vừa bước chân vào ^{37*}.

34. Giá trị của hoạt động nhân loại. Đối với các tín hữu, chắc chắn hoạt động cá nhân cũng như tập thể của nhân loại, hoặc nỗ lực vĩ đại của con người vất vả qua các thế kỷ nhằm cải thiện hoàn cảnh sinh sống, tự nó vốn phù hợp với ý định của Thiên Chúa. Thực vậy, được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa, con người đã nhận mệnh lệnh chinh phục trái đất cùng tất cả những gì chứa đựng trong đó, cai quản vũ trụ trong công bình và thánh thiện ¹ và khi nhìn nhận Thiên Chúa là Đấng tạo dựng mọi loài, họ qui hướng về Người chính bản thân mình cũng như muôn vật: như thế, khi con người chinh phục tất cả thì danh Chúa được tôn vinh khắp địa cầu ², ^{38*}

Những điều nhận định trên đây cũng ứng dụng được nơi những công việc hoàn toàn thường nhật. Thực vậy trong khi mưu sinh cho mình và cho gia đình, tất cả những người nam cũng như nữ hoạt động để phục vụ xã hội một cách hữu hiệu đều có lý để tin rằng nhờ lao công của mình, họ tiếp nối công trình của Đấng Tạo Hóa, phụng sự anh em, đóng góp công lao mình vào việc hoàn thành ý định của Thiên Chúa trong lịch sử ³.

Người Kitô hữu không những không coi các công trình do con người dùng tài năng và sức lực riêng để thực hiện là chống đối quyền năng của Thiên Chúa, không coi thụ tạo có lý trí như một địch thủ của Tạo Hóa, mà lại xác tín rằng các thắng lợi của nhân loại là dấu hiệu biểu dương Thiên Chúa cao cả và là kết quả của ý định khôn lường của Ngài. Tuy nhiên, quyền lực con người càng gia tăng, trách nhiệm cá nhân hay tập thể lại càng nói rộng. Do đó, chúng ta thấy sứ điệp Kitô giáo không làm cho con người tránh né khỏi công cuộc xây dựng thế giới hoặc khiến họ không còn thiết tha đến lợi ích của đồng loại, nhưng trái lại bổn phận thực hiện những điều ấy còn thúc bách họ hơn nữa ⁴.

35. Trật tự hoạt động con người. Hoạt động của con người phát xuất từ con người nên qui hướng về con người. Thật vậy, khi làm việc con người không những biến đổi sự vật và xã hội mà còn cải thiện chính mình. Bởi vì khi làm việc con người học biết được nhiều điều, phát triển tài năng cũng như thoát ra và vượt khỏi chính mình. Nếu được hiểu cho đúng thì sự tăng tiến này đáng giá hơn mọi của cải có thể thu tích được. Giá trị con người hệ tại ở "cái mình là" hơn hệ tại ở "cái mình có" ⁵. Cũng vậy, tất cả cái gì con người làm để đạt tới một mức độ công bình cao hơn, một tình huynh đệ rộng lớn hơn và một trật tự nhân đạo hơn trong các tương quan xã hội, đều quý trọng hơn các tiến bộ kỹ thuật, bởi vì, các tiến bộ ấy tuy có thể cung cấp chất liệu cho việc thăng tiến con người, nhưng tự chúng mà thôi không thể thực hiện được công cuộc thăng tiến ấy.

Vậy nên, đây là tiêu chuẩn hoạt động của con người: mọi hoạt động của con người phải phù hợp với lợi ích đích thực của nhân loại theo như ý định và ý muốn của Thiên Chúa, lại phải giúp con người, cá nhân cũng như tập thể, trau dồi và thực hiện ơn gọi toàn diện của mình.

36. Sự độc lập đúng mức của các thực tại trần thế. Tuy nhiên, nhiều người đương thời dường như e ngại rằng sự liên kết khá chặt chẽ giữa hoạt động của con người và tôn giáo sẽ làm ngăn trở sự độc lập của con người, của xã hội hoặc của khoa học [39*](#).

Nếu sự độc lập của các thực tại trần thế có nghĩa là các tạo vật và các xã hội đều có những định luật và những giá trị riêng mà con người phải khám phá dần dần, xử dụng và điều hòa, thì đòi hỏi một sự độc lập như thế là một việc hoàn toàn chính đáng: đó là điều không những người đương thời đòi hỏi mà còn phù hợp với ý muốn của Tạo Hóa. Thực vậy, chính vì được tạo dựng mà mọi vật đều có sự vững chãi, chân thực và tốt lành cùng những định luật và trật tự riêng. Con người phải tôn trọng tất cả những điều ấy, phải nhìn nhận các phương pháp cá biệt của mỗi khoa học và kỹ thuật. Bởi vậy, việc khảo sát có phương pháp trong mọi ngành, nếu tiến hành một cách khoa học thực sự và theo các tiêu chuẩn luân lý, sẽ không bao giờ thực sự trái nghịch với đức tin, vì các thực tại trần thế và các thực tại đức tin đều bởi một Thiên Chúa mà ra [6](#). Hơn nữa, những ai kiên nhẫn và khiêm tốn cố gắng nghiên cứu sâu xa những bí ẩn của sự vật, mặc dù không ý thức, nhưng vẫn được bàn tay Chúa hướng dẫn, vì Ngài là Đấng bảo trì muôn loài và khiến chúng hiện hữu theo bản tính riêng của mỗi loài. Do đó đôi khi chúng ta có thể phàn nàn một số tâm trạng cả nơi các Kitô hữu, không hiểu rõ sự độc lập hợp lý của khoa học. Những tâm trạng này gây nên nhiều cuộc tranh luận và bất đồng khiến nhiều người nghĩ rằng đức tin và khoa học đối nghịch nhau [7](#), [40*](#)

Nhưng, nếu "sự độc lập của thực tại trần thế" có nghĩa là: các tạo vật không lệ thuộc Thiên Chúa và con người có thể xử dụng chúng mà không cần quy hướng về Đấng Tạo Hóa thì không một ai nhìn nhận Thiên Chúa lại không thấy rằng lập trường đó hết sức sai lầm. Thực vậy, không có Tạo Hóa, tạo vật đều tiêu tan. Ngoài ra mọi tín hữu, dù thuộc tôn giáo nào đi nữa, cũng luôn nghe tiếng Thiên Chúa và thấy Ngài hiển hiện qua tiếng nói của tạo vật. Lại nữa, quên mất Thiên Chúa, mọi tạo vật đều trở nên mờ tối.

37. Tội lỗi làm hư hỏng hoạt động của nhân loại. Thánh Kinh cũng như kinh nghiệm nhiều thời đại dạy cho gia đình nhân loại biết rằng: tiến bộ tuy là một lợi ích lớn lao của con người, nhưng cũng đem theo một cái dỗi mãnh liệt. Thực vậy, khi bậc thang giá trị bị đảo lộn, khi ác và thiện lẫn lộn, thì cá nhân cũng như tập thể chỉ xét quyền lợi của mình chứ không để ý đến quyền lợi kẻ khác. Do đó, thế giới chưa phải là nơi có tình huynh đệ thật, và sự gia tăng quyền lực của con người lại đe dọa hủy diệt chính nhân loại.

Một cuộc chiến cam go chống lại quyền lực bóng tối tiếp diễn trong suốt lịch sử nhân loại, khởi đầu từ khi thế giới khai nguyên và sẽ kéo dài đến ngày cuối cùng như lời Chúa phán [8](#). Dấn thân vào cuộc chiến này, con người phải luôn luôn chiến đấu để gắn bó với sự thiện và chỉ tìm được sự thống nhất trong chính mình [41*](#) sau khi hết sức cố gắng với sự trợ giúp của ơn Chúa.

Bởi vậy, Giáo Hội Chúa Kitô, tin tưởng vào ý định của Tạo Hóa, vẫn nhìn nhận rằng tiến bộ của nhân loại có thể phục vụ hạnh phúc chân chính của con người. Nhưng Giáo Hội không thể không lặp lại lời sau đây của Thánh Phaolô: "Đừng theo thói thế trần này" (Rm 12,2) nghĩa là đừng buông mình ham chuộng hư danh và gian xảo khiến hoạt động con người vốn qui hướng về phụng sự Thiên Chúa và phục vụ con người, lại biến thành phương tiện phạm tội.

Vậy, nếu có ai hỏi phải làm gì để vượt qua tình trạng khốn khổ ấy [42*](#), người Kitô hữu sẽ tuyên xưng rằng: mọi hoạt động của con người hàng ngày đang lâm nguy vì kiêu ngạo và lòng vị kỷ thái quá, cần được thanh tẩy và hoàn thiện nhờ thập giá và sự sống lại của Chúa Kitô. Bởi vì đã được Chúa Kitô cứu chuộc và được biến đổi thành tạo vật mới trong Chúa Thánh Thần, nên con người có thể và phải yêu mến chính các tạo vật do Thiên Chúa dựng nên. Vì nhận được tạo vật do Chúa ban, nên con người coi chúng như xuất phát từ tay Chúa

và kính trọng chúng. Đang khi cảm tạ Thiên Chúa là Đấng Ban Ơn vì các tạo vật ấy cũng như đang khi xử dụng và thụ hưởng chúng trong tinh thần khó nghèo và tự do, con người thực sự thi hành quyền làm chủ thế giới, như một kẻ không có gì hết nhưng lại sở hữu tất cả [9](#). "Vì mọi sự đều thuộc về anh em còn anh em thuộc về Chúa Kitô và Chúa Kitô thuộc về Thiên Chúa" (1Cor 3,22-23).

38. Kiện toàn hoạt động nhân loại trong mẫu nhiệm phục sinh. Ngôi Lời Thiên Chúa, nhờ Người mà muôn vật được tạo thành, đã làm người và đến sống ở trên trái đất con người [10](#). Là con người hoàn hảo, Người đã đi vào lịch sử thế giới, đảm nhiệm và thâu kết lịch sử ấy nơi Người [11](#). Chính Người mạc khải cho chúng ta "Thiên Chúa là tình yêu" (1Gio 4,8) và dạy cho chúng ta biết rằng: luật căn bản để kiện toàn con người, và do đó để cải biến thế giới, là điều răn mới về tình yêu. Vậy, đối với những ai tin vào tình yêu Thiên Chúa, Người cho họ xác tín rằng con đường tình yêu mở rộng cho tất cả mọi người, và nỗ lực thiết lập tình huynh đệ đại đồng không bao giờ luống công. Người cũng nhắc nhở cho biết đức bác ái ấy không phải chỉ được thực hiện trong những việc vĩ đại, nhưng trước hết trong những hoàn cảnh thông thường của cuộc sống. Chịu chết cho tất cả chúng ta là những người tội lỗi [12](#), Người lấy gương sáng dạy chúng ta vác thập giá mà xác thịt và thế gian đặt nặng trên vai những kẻ mưu tìm hòa bình và công lý. Đức Kitô được tôn làm Chúa khi sống lại và được lãnh nhận toàn quyền thống trị trên trời dưới đất [13](#); từ nay Người hoạt động trong lòng con người nhờ quyền năng Thánh Thần của Người không những bằng cách khơi dậy những khát vọng đời sau, nhưng còn từ những khát vọng đó cổ vũ, tinh luyện và củng cố những ước vọng quảng đại thúc đẩy gia đình nhân loại biến cải cuộc sống của mình trở nên nhân đạo hơn và qui phục trái đất về cùng mục đích ấy. Quả thật ơn Chúa Thánh Thần tác động mỗi người một khác: có những người được gọi làm chứng nhân tỏ tường cho sự mong đợi quê trời bảo tồn chứng tá sống động trong gia đình nhân loại, một số khác được gọi để hiến thân phục vụ con người trong phạm vi thế trần, dùng sự phục vụ ấy chuẩn bị chất liệu cho nước trời. Người giải thoát tất cả, để sau khi từ bỏ lòng vị kỷ và tập trung mọi năng lực trần thế cho cuộc sống con người, tất cả hướng về ngày mai, ngày mà nhân loại trở nên của lễ đẹp lòng Thiên Chúa [14](#).

Chúa đã để lại cho những kẻ thuộc về Người bảo chứng cây trông và lương thực đi đường trong bí tích đức tin; trong bí tích ấy, những yếu tố thế trần, kết quả của lao công con người, được biến thành Minh và Máu vinh hiển, nên bữa ăn hiệp thông huynh đệ và nếm hưởng trước bữa tiệc trên trời.

39. Trời mới và đất mới [43*](#). Chúng ta không biết được thời gian hoàn tất của trái đất và nhân loại [15](#), chúng ta cũng chẳng biết cách thức biến đổi vũ trụ. Chắc chắn hình ảnh của một thế gian lệch lạc vì tội lỗi sẽ qua đi [16](#), nhưng chúng ta được biết Thiên Chúa đã dọn sẵn một chỗ ở mới và một đất mới, nơi công bằng ngự trị [17](#). Hạnh phúc nơi ấy sẽ thỏa mãn và đáp đầy mọi ước vọng hòa bình trào dâng trong lòng con người [18](#). Khi ấy, sự chết sẽ bị đánh bại, con cái Thiên Chúa sẽ phục sinh trong Chúa Kitô và những gì được gieo vãi trong yếu hèn, mục nát, sẽ mặc lấy sự không hư nát [19](#); tình yêu và các hoạt động bác ái sẽ tồn tại [20](#) và toàn thể tạo vật mà Thiên Chúa đã dựng nên cho con người sẽ được giải thoát khỏi ách nô lệ phù vân [21](#).

Chúng ta đã được cảnh giác là lời lãi cả thế gian mà chính mình hư mất nào ích lợi gì [22](#). Nhưng sự trông đợi đất mới không được làm suy giảm, trái lại phải kích thích nỗ lực phát triển trái đất này, nơi mà Thân Thể gia đình nhân loại mới đang tăng trưởng và tiên báo một vài hình ảnh của thời đại mới. Bởi vậy, tuy phải phân biệt rõ rệt những tiến bộ trần thế với sự bành trướng Vương Quyền Chúa Kitô, nhưng những tiến bộ này trở thành quan trọng đối với Nước Thiên Chúa tùy theo mức độ chúng có thể góp phần vào việc tổ chức xã hội loài người cho tốt đẹp hơn [23](#).

Thực vậy, sau khi đã theo mệnh lệnh Chúa và nhờ Chúa Thánh Thần phổ biến trên trái đất các giá trị về nhân phẩm, về hiệp thông huynh đệ và tự do, nghĩa là mọi thành quả tốt đẹp do bản tính và hoạt động con người đem lại, chúng ta sẽ gặp lại chúng, nhưng là gặp lại sau khi chúng được thanh tẩy khỏi mọi ô nhiễm, được chiếu sáng và biến đổi, nghĩa là khi Chúa Kitô giao hoàn lại Chúa Cha vương quốc vĩnh cửu và đại đồng: "Vương quốc của chân lý và

sự sống, vương quốc thánh thiện và diễm phúc, vương quốc công bình, yêu thương và bình an" 24. Vương quốc ấy đã hiện diện cách mẫu nhiệm ở trần gian này và sẽ được kiện toàn khi Chúa đến.

Chú Thích:

36* Khi chưa để ý đến sinh hoạt của con người, ta chưa hiểu biết con người và phẩm giá của họ. Qua lịch sử, con người đã nỗ lực để chế ngự thiên nhiên và vũ trụ, hiện nay con người đã đạt tới một mức độ lớn lao trong công việc ấy. Trước sự kiện này, Công Đồng nêu ra ba thách thức:

1) Sinh hoạt có giá trị nào? Và Công Đồng trả lời: a) nó là phương tiện để phát triển và tiến tới việc thích hợp với ý muốn của Đấng Tạo Hóa. Đức tin không trái ngược với ý muốn tiến bộ đó (số 34); b) hơn thế nữa, sinh hoạt làm cho con người lớn lên về nhân cách, do đó chính con người trở nên tiêu chuẩn luân lý của sinh hoạt (số 35).

2) Sinh hoạt như thế nào? a) Làm theo những đòi hỏi riêng và chính thức của thực tại trần tục là không bao giờ đi ngược với đức tin (số 36); b) đồng thời, tội lỗi, lòng kiêu ngạo và ích kỷ có thể làm cho sinh hoạt ấy đổi ý nghĩa (số 37); c) nhưng ơn Chúa Cứu Thế thanh luyện nó. Chính Chúa Giêsu, Thiên Chúa Nhập Thể, dạy con người sinh hoạt: nhờ đức ái con người có thể xây dựng và đổi mới thế giới (số 38).

3) Sinh hoạt với mục đích gì? Thế giới cuối cùng sẽ đổi mới, chứ không hoàn toàn hư mất. (số 39).

37* Ba câu hỏi trên của Công Đồng có lẽ chưa đủ để biểu lộ các vấn đề bao gồm trong chương này. Hơn bao giờ hết, thần học hiện đại đang tìm hiểu thực tại trần thế. Trong chương này ta sẽ tìm thấy một số nguyên tắc căn bản để giải quyết nhiều vấn đề có thể đặt ra dưới nhiều khía cạnh khác nhau:

1) Khía cạnh tín lý thần học: a) Ta phải có quan niệm gì về vũ trụ, về lịch sử, về sinh hoạt? b) Một thuyết thần học về thực tại trần thế phải dựa trên nền tảng nào? c) Có một nhân bản chủ nghĩa Kitô giáo không? d) Cần phải nhờ thuyết "trần tục hóa" tân thời để có một học thuyết thần học về thực tại trần thế không?

2) Khía cạnh luân lý thần học: a) Giữa đòi hỏi của Nước Thiên Chúa và của thực tại trần thế, con người phải có thái độ nào? Phải sống thế mạng (chỉ hướng về đời sau) hay nhập thể? Hay là, đúng hơn: ta phải làm thế nào để điều hòa hai cực đoan ấy một cách thực tế? b) Các tín hữu có chỗ đứng ở giữa cộng đoàn nhân loại đang lo việc xây dựng thế giới không? Hay là các tín hữu phải quay lưng lại thế giới và tiến bước trên con đường khác biệt? c) Các tín hữu có chung một thứ ngôn ngữ với người ngoại giáo và người vô thần để mở cuộc đối thoại với họ được không?

3) Khía cạnh tu đức: Căn cứ vào thực tại trần thế ta có thể lập ra một thuyết nào về đời sống thiêng liêng không? Đặc biệt về đời sống giáo dân?

4) Khía cạnh tranh luận: Ta phải trả lời như thế nào? a) trước những lời tố cáo cho rằng đức tin làm cho các tín hữu tách biệt với thực tại trần thế và với các vấn đề cụ thể của cuộc sống? b) Cũng như khi người ta đồng hóa tôn giáo với những việc dị đoan phải bị khoa học loại trừ?

1 Xem Stk 1,26-27; 9,2-3; Kn 9,2-3.

2 Xem Tv 8,7 và 10.

38* Việc làm không phải là sự trừng phạt vì tội lỗi, chỉ tính cách khó nhọc của việc làm mới là kết quả của tội phạm. Do việc làm: 1) con người khắc phục thiên nhiên, 2) kiện toàn vạn vật, 3) thể hiện nhân cách: đào tạo quyền tự do, trí tuệ và ý chí cũng như sự khéo léo tinh thần và thể xác, 4) nên chính con người hoàn thiện hóa bản thân, 5) xây dựng xã hội, 6) cổ vũ sự hiệp nhất giữa nhân loại, 7) giúp kiến tạo hòa bình (vì việc làm đòi hỏi sự cộng tác

của nhiều người). Do đó việc làm mưu ích riêng cho con người cũng như ích chung cho xã hội và còn có thể nói là mưu ích cho cả vũ trụ nữa.

Đức tin còn cho ta biết những khía cạnh mới: 8) là nhờ việc làm ta thực hiện ý muốn của Chúa Tạo Hóa, 9) và ta góp phần để làm sáng Danh Chúa, 10) khi làm việc, con người càng giống như hình ảnh của Thiên Chúa Tạo Hóa, 11) và cộng tác với Ngài, 12) cũng như bắt chước Đấng Cứu Thế (x. GH 41e). 13) Đồng thời, nhờ ơn Chúa, chính việc làm của con người được một giá trị siêu nhiên, giống như công việc của Đấng Cứu Chuộc, để đền tội, để cầu xin, để giúp tha nhân về cùng Chúa và thánh hóa bản thân cũng như người khác: như vậy việc làm trở nên một phương tiện để thực hiện đức thương yêu.

3 Xem Gioan XXIII, Tđ. *Pacem in terris*: A AS 55 (1963), trg 297.

4 Xem Sứ điệp các Nghị Phụ gửi toàn thể nhân loại vào dịp khai mạc Công Đồng Vaticanô II, tháng 10, 1962: AAS 54 (1962), trg 822-823.

5 Xem Phaolô VI, *Alloc. Ad Corpus diplomaticum*, 7-1-1965; AAS 57 (1965), trg 232.

39* Đây là thành kiến của những hình thức nhân bản chủ nghĩa (xem trên, số 7c). Đảng khác, nó cũng có thể là kết quả do kinh nghiệm lịch sử không tốt đẹp gây nên (xem cuối đoạn b trong số này).

6 Xem CD Vat. I, Hiến chế tín lý về đức tin Công Giáo Dei Filius, ch. III: Dz 1785-1786 (3004-3005).

7 Xem Piô Paschini, *Vita e opere di Galileo Galilei*, 2 quyển, Pont. Accademia delle Scienze, Città del Vatic., 1964.

40* Các ngành nghệ thuật, văn chương, khoa học, kinh tế, chính trị, xã hội học, v.v... đều có đối tượng riêng biệt, phương pháp riêng biệt, kỹ thuật riêng biệt. Xét đoán một tài liệu văn chương chẳng hạn, theo những tiêu chuẩn kinh tế mà thôi, hay là theo kỹ thuật của khoa học chính xác, dĩ nhiên là vô nghĩa! Cũng thế, xét các vấn đề tôn giáo với đầu óc mỹ thuật, văn chương, khoa học..., khi chưa được đào tạo theo nguyên tắc tôn giáo cũng không kém nguy hiểm. Bởi vậy, Công Đồng nhấn mạnh rằng thật là hết sức khôi hài, nếu chúng ta dựa trên những nguyên tắc tôn giáo để quyết định phải áp dụng kỹ thuật nào cho các thực tại trần thế. Các nhà sinh vật học, toán học, kinh tế học, chính trị..., đều phải khám phá và áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật riêng biệt của từng ngành. Đức tin sẽ không giúp họ giải quyết các vấn đề chuyên môn của họ.

Đảng khác, chân lý không thể mâu thuẫn với chân lý. Bởi thế những kết luận đúng sự thật của khoa học không thể mâu thuẫn với đức tin được (về các thực tại trần thế khác cũng phải lý luận một cách tương tự). Thiên Chúa, Đấng đã mạc khải các tín điều cũng là Đấng đã tạo nên thực tại trần thế. Thiên Chúa không thể mâu thuẫn với chính Ngài. Do đó, khi nào người ta đặt tới kết luận khoa học có vẻ trái ngược với đức tin thì phải xét lại: hoặc những kết luận đó chưa vững chắc (có thể chỉ là những giả thuyết nhất thời), hoặc cách hiểu biết tín điều còn ở trên bình diện thiếu sót, hoặc là cả hai.

Trong ghi chú, Công Đồng nhắc lại vụ án Galileô để chấp nhận phần trách nhiệm của Giáo Hội khi vội vã quyết đoán rằng giữa kết luận khoa học (quả đất xoay chung quanh mặt trời) và lời Thánh Kinh ("mặt trời dừng lại", chẳng hạn) có mâu thuẫn. Hôm nay ai cũng hiểu câu nói như vậy không khác gì những câu nói thông thường của chúng ta: "mặt trời mọc lên, lặn xuống". Về phần trách nhiệm của chính ông Galileô khi ông vượt quá biên giới khoa học để cắt nghĩa lời Thánh Kinh, thì ở đây Công Đồng không muốn nhắc đến làm gì.

8 Xem Mt 24,13; 13,24-30 và 36-43.

41* Công Đồng nói về cuộc chiến đấu giữa sự lành và sự dữ, trước hết diễn ra tại nội tâm của con người. Con người ước ao sự lành nhưng bị sự dữ lôi cuốn, nên con người bị chia rẽ, như Công Đồng đã nhắc ở phần trước (số 10a).

42* Trong đoạn này Công Đồng phác họa chương trình sinh hoạt về thực tại trần thế:

1) Để tránh mối nguy cơ do lòng kiêu ngạo và tánh ích kỷ gây nên, ta phải ý thức mà chấp nhận thập giá, "nghĩa là hàng ngàn hình thức thất bại" và ngăn trở có thể xảy đến mặc

dù ta đầy thiện chí và hết sức cố gắng. Thập giá đưa chúng ta đến sự phục sinh, sự thắng trận cuối cùng trên phạm vi cao hơn.

2) Ta phải yêu mến tạo vật với một lòng mến mới mẻ là kết quả của công cuộc chuộc tội. Mến tạo vật vì tạo vật là những quà tặng của Thiên Chúa.

3) Ta phải sử dụng và thụ hưởng tạo vật: nó là những phương tiện giúp ta đến cùng Thiên Chúa, đồng thời làm tròn sứ mệnh thống trị cũng như phát triển vũ trụ nói chung và bản thân nói riêng. Ta phải sử dụng và hưởng thụ tạo vật với tinh thần biết ơn, tinh thần khó nghèo (nghĩa là tinh thần siêu thoát) tạo nên sự tự do thiêng liêng, không để tạo vật buộc ta làm nô lệ nó, bất chấp những khía cạnh quyến rũ của tạo vật.

4) Thực tại trần thế có giá trị mới sau khi Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thể; đức bác ái là điều răn mới của Chúa Kitô phải điều khiển các sinh hoạt thuộc về thực tại trần thế dưới ơn thúc đẩy của Chúa Thánh Thần (số 38a).

5) Trong thực tế, thái độ của tín hữu đối với thực tại trần thế sẽ khác nhau tùy theo ơn Chúa Thánh Thần đổ: tuy rằng không hề khinh dễ tạo vật nhưng một số người thoát tục và do đó làm chứng cho đời sau, trong khi người khác dấn thân để nhờ tạo vật phục vụ đồng loại (số 38a).

9 Xem 2Cor 6,10.

10 Xem Gio 1,3 và 14.

11 Xem Eph 1,10.

12 Xem Gio 3, 14-16; Rm 5,8-10.

13 Xem CvTđ 2,36; Mt 28,18.

14 Xem Rm 15,16.

43* Trong số này Công Đồng giải quyết thắc mắc sau đây: nếu thế giới, sau khi được xây dựng với biết bao nỗ lực, việc làm, vất vả, sẽ phải bị tiêu tan trong ngày tận thế, thì sinh hoạt về thực tại trần thế có phải thành vô nghĩa không? Công Đồng dạy: a) Theo như Thánh Kinh cho biết, thế giới sẽ đổi mới, chứ không tan nát. b) Tuy chưa biết rõ như thế nào, nhưng việc làm của ta sẽ đem lại kết quả đời đời. Đặc biệt những công việc bác ái, cũng như chính đức ái, sẽ tồn tại vĩnh viễn. c) Tuy rằng ta không thể đồng hóa sự tiến bộ trần thế của nhân loại với sự mở rộng nước Thiên Chúa, nhưng khi chúng ta phục vụ nhân loại và làm cho phẩm giá con người hay tình anh em và sự tự do, v.v... phát triển, tức là chúng ta đóng góp vào nước Thiên Chúa những điều sẽ tồn tại mãi mãi sau khi thế giới này được tẩy luyện và biến hình.

15 Xem CvTđ 1,7.

16 Xem 1Cor 7,31; T. Ireneô, Adv. Haereses, V, 36, 1: PG 7,1222.

17 Xem 2Cor 5,2; 2P 3,13.

18 Xem 1Cor 2,9; Kh 21,4-5.

19 Xem 1Cor 15,42 và 53.

20 Xem 1Cor 13,8; 3,14.

21 Xem Rm 8,19-21.

22 Xem Lc 9,25.

23 Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931), trg 207.

24 Missale Romanum, Kinh Tiền Tụng Lễ Chúa Kitô Vua.

VỀ MỤC LỤC

Bài Phúc Âm hôm nay bàn về cầu nguyện qua 2 dụ ngôn (18:9-15), một dụ ngôn nói về thái độ tự cao tự đại của một người biệt phái, coi mình là đạo đức tốt lành hơn người, một dụ ngôn khuyên chúng ta phải biết tự nhận mình là kẻ tội lỗi, và hoàn toàn phụ thuộc vào lòng thương xót của Chúa.



Bài Phúc Âm đã gọi chúng ta nhớ lại chuyện Chúa Giesu tha thứ cho người đàn bà tội lỗi (Lc 7: 36-50), trong đó cũng có cảnh trái ngược giữa thái độ của người biệt phái tên Simon và người đàn bà phạm tội nhưng yêu Chúa nên được Chúa tha thứ.

Một trong những chủ đề mà Luca ưa thích là sự đảo

ngược kết quả ngày Chúa đến, đã được Luca diễn tả rất tài tình trong bài Tin Mừng hôm nay. Câu chuyện nhắm vào một loại người đặc biệt thời bấy giờ: những người tự coi mình là giữ luật lệ khắt khe và coi những người khác là bê bối tội lỗi. Người biệt phái thuộc thành phần gọi là công chính, cầu nguyện với “chính mình”; toàn thể bài cầu nguyện của ông là nói về mình, về những cái hay đẹp của mình; ông cho ông là thần tượng, là gương sáng cho mọi người, khác hẳn với người thu thuế, một loại người bị xã hội khinh khi.

ĐỨNG THẬT XA MÀ CẦU NGUYỆN

Nhưng trái lại, người thu thuế biết mình chẳng tốt lành gì. Ông không thể làm đảo ngược được những việc gian dối của ông. Nếu ông hối hận, cố gắng bồi hoàn lại những cái ông đã ăn gian thì cũng chẳng giúp gì được ông. Ông chẳng trông mong người ta bỏ qua và tha thứ cho ông. Điều duy nhất ông biết và có thể là ông đến trước mặt Chúa và nhận mình có tội, dù Chúa có tha thứ cho ông, ông cũng không dám hy vọng. Đây là cách duy nhất mà ông khả dĩ có thể cảm nghiệm được lời Chúa nói với ông: *“Con tốt lành bởi vì cha đã chấp nhận lời con.”*^[1]

Trong chuyện dụ ngôn ta thấy người thu thuế đứng thật xa mà cầu nguyện. Khoảng cách xa này không phải chỉ là khoảng cách địa dư mà còn có nghĩa khác biệt về tình trạng và thái độ của hai người trong xã hội. Khi người thu thuế cầu nguyện, ông kêu cầu Chúa, van xin lòng Chúa thương xót!

Câu chuyện đầy vẻ thách đố này cảnh cáo chúng ta phải coi chừng cung cách, lời ăn tiếng nói và việc làm khi cầu nguyện. Thoạt nghe, câu chuyện dụ ngôn này làm chúng ta khó chịu. Trong Do Thái giáo, nếu có ai về nhà mà không đi qua đền thánh để kiểm chứng, thì chỉ có thể là người thu thuế. Người nào làm việc cho chính phủ nước ngoài để thu thuế dân mình, kẻ

cộng tác với chế độ hà khắc và tham nhũng, kẻ phản bội chính trị, kẻ có đạo nhưng gian ác, một tên thu thuế đáng khinh bỉ, đều là những đặc trưng đáng ghét. Miệng hắn cầu nguyện thì leo lẻo “*Xin Chúa Thương xót tôi / Miserere*” (Tv.51), nhưng cuộc sống của hắn thì gian dối.

CUỐI CÙNG, PHÁN QUYẾT VẪN LÀ CHÚA

Đúng thế, theo như câu chuyện thì người biệt phái đâu phải là người lưu manh, láu cá và người thu thuế cũng không phải là người quảng đại, tốt lành gì. Nếu vẽ dụ ngôn này thành bức tranh hoạt họa thì thiết nghĩ không được trung thực và thiếu công bằng. Nếu người biệt phái được vẽ thành một tên lưu manh và người thu thuế thành một anh hùng thì mỗi người đều có giá trị riêng của họ, chẳng có gì là ngạc nhiên về ân sủng Chúa ban và câu chuyện dụ ngôn mất đi ý nghĩa đích thực của nó. Không phải tất cả mọi người biệt phái đều bất lương, gian xảo, kiêu căng, và không phải tất cả những người thu thuế đều thực sự nghèo khó, khiêm tốn và thành thật, có đời sống nội tâm sâu xa. Luca đã chẳng nói với chúng ta là tự đặt mình xa cách, khác biệt với “mọi người” là “*đi về nhà cách bất chính, không được Chúa chấp nhận và ban ơn.*”

Theo như dụ ngôn của chúa Giesu, thì điều mà mỗi người nhận được đều là ơn Chúa ban nhưng không “*mặc dù bất xứng*” chứ không phải “*bởi vì tôi tốt lành, tài giỏi.*” Nếu hai nhân vật này được xem xét lại cẩn thận theo những đức tính của họ và sự mong đợi của xã hội một cách công bằng, không thiên kiến, thiên vị, thì câu chuyện vẫn gây xúc động chúng ta, vẫn tạo sức mạnh cho cả người tội lỗi lẫn người được chúc phúc, cả hai người đều có cái hay cái dở của họ. Chúng ta không thể diễn nghĩa chuyện này bằng cách miêu tả những đặc tính của các nhân vật theo nghĩa đen để khi ra khỏi cửa nhà thờ, người ta sẽ tự nhủ hay nói với người khác rằng: “*Cám ơn Chúa, tôi không giống như người biệt phái.*” Nên nhớ, điều đảo ngược này rất có thể bị đảo lộn lại! Cuối cùng, phán quyết vẫn là Chúa!

NGƯỜI KHIÊM TỐN CẦU NGUYỆN THÌ ĐƯỢC CHÚA LẮNG NGHE

Tuy nhiên, người khiêm tốn cầu nguyện thì được Chúa lắng nghe. Bài đọc 1 hôm nay trong sách Sira (35:12-14, 16-18) rất phù hợp với ý nghĩa của dụ ngôn trong bài Tin Mừng Phúc Âm: “*Những ai tự nguyện phụng sự Chúa thì được Chúa lắng nghe; lời khẩn cầu của họ đạt tới thiên cung. Lời cầu nguyện của những kẻ kiêu tốn vọng lên các tầng mây; nó không ngồi yên cho đến khi đạt được yêu cầu, cũng chẳng chịu thoái lui cho đến khi dâng Tới Cao đáp ứng, phán xét công minh và xác nhận người công chính và Chúa sẽ không trì hoãn.*”

ĐỜI SỐNG THÁNH PHAOLÔ TRẦN ĐẦY NHƯ SUỐI NƯỚC THÁNH

Bài đọc 2 thư thánh Phaolô gửi Timothy (2Tm 4:6-8, 16-18) cho chúng ta thấy công cuộc mục vụ của thánh Phaolô quả là quan trọng. Lúc ở trong tù tại Rome, Phaolô đã nhìn thấy cái chết của mình gần kề nên đã chấp nhận và hy vọng. Phaolô đã an bình trong Chúa và với chính mình, đối đầu với tử thần một cách bình thản vì biết rằng mình đã không ngại gian khổ, luôn luôn cố gắng cả cuộc đời để phục vụ Tin Mừng. Phaolô biết rằng cái chết của mình là tử vì đạo và cấp thiết. Ông coi đó là một cử chỉ hiến tế thờ phượng và ông sẽ hy sinh đổ máu đào (Xh 29: 38-40; Pl 2:17). Lúc kết thúc cuộc đời, Phaolô đã có thể chứng minh rằng mình đã hoàn thành điều mà chính chúa Kito đã nói trước về ông lúc ông ngã ngựa trở lại: “*Ta sẽ chỉ cho người ấy thấy tất cả những đau khổ người ấy chịu vì danh ta*”(Cv 9:16).

Ngày nay, hình ảnh hai thánh Phero và Phaolô vẫn sừng sững tại Rome. Hai thánh Phero và Phaolô, với những đức tính đặc thù riêng của mỗi người và những cảm nghiệm của cá nhân và giáo hội chứng minh rằng Thiên Chúa không bao giờ bỏ rơi các ngài, ngay cả những lúc bị thử thách cam go nhất. Chúa đã ở với Phero để giải cứu ông khỏi tay những kẻ thù tại Jerusalem; Chúa đã ở với Phaolô liên tục trong mọi công tác tông đồ để truyền thông cho ông sức mạnh của ân sủng Chúa, để biến ông thành kẻ tuyên xưng Tin Mừng cho dân ngoại, cho mọi quốc gia không hề hoảng sợ (2Tm 4:17).

Cuộc đời Phaolô đã rập khuôn với cuộc đời chúa Giesu. Trong bữa tiệc ly, chúa Giesu đã nói trước về biến cố trên đồi Calvary, Người chấp nhận cái chết trên thập giá, và với sự chấp nhận ấy, ngài biến bạo động thành ban ơn và tận hiến, *“Ngay cả nếu tôi phải đổ máu ra như suối nước thánh để làm của lễ cho niềm tin của anh em dâng lên Chúa thì tôi cũng vui mừng và chia sẻ niềm vui ấy với tất cả anh em”*. Phaolô nói như vậy trong thư gửi cho tín hữu Philiphe 2:17 trong lúc việc tử đạo của chính ngài đã sát kề. Tại bữa tiệc ly, thánh giá đã hiện diện, chúa Giesu đã chấp nhận và hiến tế.

ĐÔI LỜI KẾT: SỐNG LIÊN LÍ MẬT THIẾT VỚI THIÊN CHÚA

Để kết luận, xin trích một đoạn trong thư Đức Biển Đức XVI gửi các chủng sinh, được công bố ngày 18-10-2010 để cùng suy niệm. Dù được viết vào dịp kết thúc năm linh mục, lá thư cũng có thể áp dụng cho tất cả chúng ta vì được viết dưới ánh sáng bài Tin Mừng Phúc Âm hôm nay.

“Bất cứ ai ước muốn trở thành linh mục thì trước tiên và trên hết phải là ‘người của Chúa’ như kiểu nói của thánh Phaolô (2Tm 4:16). Đối với chúng ta, Thiên Chúa không phải là một giả thiết trừu tượng, người cũng không phải là kẻ xa lạ đã để lại quang cảnh sau hiện tượng ‘big bang’. Thiên Chúa biểu lộ chính Người trong Đức Giesu Kitô. Trước mặt Đức Giesu Kitô, ta thấy mặt Thiên Chúa. Trong lời Người, chúng ta nghe chính lời Thiên Chúa nói với chúng ta. Nó cho thấy, điều quan trọng nhất trên bước đường đi tới thiên chức linh mục và trong suốt đời sống linh mục của chúng ta là tình liên đới của từng cá nhân chúng ta với Thiên Chúa trong Đức Giesu Kitô.

“Linh mục không phải là người lãnh đạo một đoàn thể phải cố công bảo toàn và phát triển các hội viên. Linh mục là sứ giả của Thiên Chúa được sai đến với dân người. Chúa muốn ông hướng dẫn họ đến với Chúa, và theo phương cách đó, nuôi dưỡng sự hiệp thông thực sự giữa mọi người nam và nữ. Do đó, quả là quan trọng, anh em thân mến, anh em phải học cách sống mật thiết và liên lí với Thiên Chúa. Khi Chúa biểu chúng ta phải ‘cầu nguyện liên lí’, rõ ràng Người không đòi hỏi chúng ta phải đọc những kinh cầu dài vô tận, nhưng người khuyến cáo chúng ta đừng bao giờ để mất tình thân thiết nội tâm của chúng ta với Thiên Chúa.

“Cầu nguyện là làm triển nở tình thân thiết ấy. Vậy thì điều quan trọng là mỗi ngày của chúng ta đều phải bắt đầu và kết thúc bằng cầu nguyện; Chúng ta lắng nghe Chúa như là đọc Kinh Thánh vậy; Chúng ta chia sẻ với Người những ước nguyện và hy vọng của chúng ta, những vui mừng và sầu buồn của chúng ta, những thất bại và những tri ân của chúng ta đối với tất cả những ân phúc người ban, vậy thì chúng ta phải luôn luôn có Người hiện diện trước mặt chúng ta như điểm tham khảo hướng dẫn cho đời sống chúng ta. Với phương cách đó, chúng ta sẽ nhận ra những thất bại của chúng ta và cải tiến, nhưng cũng nhận thức ra được vẻ đẹp và tốt lành mà chúng ta có được nhưng không để mà tạ ơn. Với lòng biết ơn, chúng ta sẽ hứng khởi vì có Thiên Chúa ở gần chúng ta và chúng ta có thể phụng sự Người”

Chớ gì Chúa biến chúng ta thành những người đầy tớ xứng đáng hơn để chúng ta làm những điều chúng ta phải làm, không bon chen, không chú ý đến chuyện tốt hơn người hay cao

trọng hơn người, nhưng nhận thức ra mình là những đầy tớ thấp hèn hơn những đầy tớ khác, vì lẽ chúng ta đã được cho, được tha thứ và được chúc phúc quá nhiều.

Chớ gì Thiên Chúa ban cho chúng ta trái tim quảng đại khi chúng ta phục vụ Chúa và yêu Chúa nơi tha nhân. Sáng danh Thiên Chúa bây giờ và đến muôn đời!

Fleming Island, Florida

Oct. 23, 2013

NTC

[1] Câu này nên hiểu là: Chúa chấp nhận lời con nên con mới trở nên tốt lành, không phải chỉ vì con tốt lành mà Chúa chấp nhận lời!

VỀ MỤC LỤC

NHẬN ĐỊNH THIÊN LIÊNG VÀ QUẢN TRỊ TRONG HỘI THÁNH

LTS. "Không phải bất cứ ai thừa với Thầy: Lạy Chúa, lạy Chúa là được vào Nước Trời cả đâu ! Nhưng chỉ ai thi hành ý muốn của Cha Thầy, Đấng ngự trên trời mới được vào mà thôi" (Mt 7,21), điều ấy dường như ai cũng đã biết; nhưng Ý Chúa dành cho mỗi người lại chẳng giống nhau, vì thế việc tìm hiểu Ý Chúa thế nào cho cả đời mình hay từng biến cố lớn nhỏ trong cuộc sống cá nhân cũng như cộng đoàn, sẽ trở thành công việc thật cấp bách và tối quan trọng. Chúa Kitô Giêsu đã từng gọi "thế hệ này là thế hệ gian ác" không phải vì chúng ta phạm những tội hình sự tày đình mà chỉ vì chúng ta đã không làm theo Ý Chúa muốn.

"Nhận Định Thiên Liêng và Quản Trị Trong Hội Thánh" là một tài liệu quý giá và công phu với ngôn từ giản dị rất dễ hiểu, được Cha Giuse Nguyễn Công Đoàn, SJ soạn thảo cho các hội dòng tại VN, tuy nhiên những điều tác giả trình bày lại rất thực tế đến nỗi có thể áp dụng trong hầu hết mọi hoàn cảnh, kể cả trong các gia đình, những cộng đoàn lớn nhỏ, giáo xứ, giáo phận. Xin đặc biệt ưu ái đến với những giáo dân, tu sĩ, giáo sĩ vùng sâu vùng xa, nơi mà giao thông và mọi phương tiện đều khó khăn, Quý vị có thể tự "Nhận Định Thiên Liêng" như một cuộc Linh Thao thực sự hữu hiệu - một khí cụ tối ưu của truyền thống Dòng Tên.

BBT chúng con hân hạnh được chia ra làm nhiều phần đăng liên tiếp trên các số báo GSVN. Hoặc quý vị có thể tải về máy trọn bản văn đầy đủ tại địa chỉ:

<http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=home&v=detail&ia=11781>

Hoặc cũng có thể gửi email cho BBT: giaosivietnam@gmail.com

hoặc conggiaovietnam@gmail.com để có thể nhận qua email trọn bản văn trên file word.



Chúng con cũng xin chân thành cảm ơn Cha Giuse đã dành cho chúng con món quà giá trị và rất ý nghĩa này, đặc biệt là đúng vào thời điểm khởi đầu Sứ vụ Giáo hoàng của người con ưu tú của Dòng Tên: Đức Thánh Cha Phanxicô. Tài liệu này sẽ giúp hiểu thêm chính cung cách Quản Trị của Ngài.

BBT CGVN.

***NB.** Linh mục Giuse Nguyễn Công Doan, Dòng Tên, ngoài các trách nhiệm trong nội bộ Dòng Tên tại Việt Nam, đã góp phần dưới nhiều hình thức trong việc phục vụ các Dòng Tu tại Tổng Giáo Phận Saigon từ năm 1975-2003. Sau đó ngài đã được Cha Bề Trên Tổng Quyền Peter-Hans Kolvenbach bổ nhiệm làm Phụ tá Bề Trên Tổng quyền đặc trách Vùng Đông Á - Úc. Từ năm 2008, ngài là Giám đốc Giáo Hoàng Học Viện Thánh Kinh tại Giêrusalem, và phụ trách các tu sĩ Dòng Tên phục vụ tại Thánh Địa.*

Quản trị hành chánh và quản trị Hội Thánh.

Trong lịch sử, từ sau khi thoát khỏi cuộc bách hại của đế quốc Roma, Giáo Hội vẫn đòi quyền được coi là một xã hội hoàn hảo, nghĩa là một xã hội với đầy đủ mọi yếu tố cấu tạo, do đó ngang hàng với bất cứ xã hội trần thế nào khác, có guồng máy quản trị riêng, luật lệ riêng. Rồi từ chỗ đòi quyền ngang hàng với mọi xã hội trần thế, Giáo Hội còn vươn lên đặt mình trên mọi xã hội trần thế, trở thành người ban phát quyền lực cho mọi bậc quân vương ở châu Âu. Hệ quả của quan niệm này là Giáo Hội trở thành một tổ chức quá giống với xã hội trần thế, đồng thời sự khẳng định tính cách thánh thiêng làm cho mọi cơ cấu tổ chức và luật lệ của Giáo Hội trở thành những cái tuyệt đối không gì lay chuyển được. Việc quản trị trong Giáo Hội thì có vẻ hoàn toàn hành chánh như xã hội trần thế: cứ theo cơ chế, cứ theo luật lệ mà thi hành, còn tính cách thánh thiêng trở thành cái áo giáp bảo vệ cho cơ chế và luật lệ.

Thực trạng này đòi chúng ta phải suy nghĩ và tự hỏi: Nếu Giáo Hội có tính thánh thiêng thì cái thánh thiêng ở đâu? Nó có ảnh hưởng gì đến vấn đề quản trị không? Việc quản trị trong Giáo Hội có thể hoàn toàn theo lối quản trị hành chánh không? Những câu hỏi này không chỉ đặt ra với Hội Thánh phổ quát, mà ở mọi cấp cộng đoàn Hội Thánh, trong đó có cộng đoàn giáo phận, giáo xứ và cả cộng đoàn tu sĩ, bởi vì ở cấp độ nào thì cộng đoàn cũng là một cách thể hiện hay tham dự bản chất của Hội Thánh.

Để trả lời những câu hỏi trên đây, tôi đề nghị chúng ta hãy trở về nguồn, nhìn lại giai đoạn hình thành của Hội Thánh như sách Công Vụ Tông Đồ và các thư của thánh Phaolô trình bày để xem tính thánh thiêng ở đâu và nó ảnh hưởng thế nào đến việc quản trị trong Hội Thánh.

Cộng Đoàn Hội Thánh tự ý thức về mình như thế nào?

Ngay trong bức thư thứ nhất gửi Hội Thánh Thê-xa-lo-ni-ca, được coi là văn bản sớm nhất của sách Tân Ước, thánh Phaolô Tông Đồ đã dùng một kiểu nói vừa mượn từ Cựu Ước vừa mang tính mới mẻ của Tân Ước để nói về Hội Thánh: (tạm dịch sát bản văn Hy Lạp) Hội (thánh) gồm (của) những người dân Thê-xa-lo-ni-ca ở trong Thiên Chúa Cha và ở trong Chúa Giêsu Kitô.

Cần xem xét từng từ một : Hội Thánh (ecclesia), Cựu Ước đã dùng kèm theo Danh Thiên Chúa để nói về cộng đoàn Dân Thiên Chúa, tức là dân It-ra-en, nay là Hội Thánh gồm những người dân Thê-xa-lo-ni-ca. Cái gì làm cho họ là Hội Thánh, dù họ không phải là dân It-ra-en? Ở trong Thiên Chúa Cha và ở trong Chúa Giêsu Kitô.

Nếu chúng ta hỏi tiếp : cái gì làm cho họ ở trong Thiên Chúa Cha và ở trong Chúa Giêsu Kitô?

Thánh Phaolô trả lời cho chúng ta trong thư gửi tín hữu Ga-lat ch.4 và thư gửi tín hữu Rôma, ch. 8 : Thần Khí của Thiên Chúa, Thần Khí của Đức Kitô ở trong chúng ta. Chính Thần Khí làm cho chúng ta kêu lên Abba, Cha ơi (Gl 4,4; Rm 8,15) và hướng dẫn chúng ta sống làm con Thiên Chúa. Cũng chính Thần Khí làm cho chúng ta tuyên xưng Đức Giêsu là Chúa (x.l Cr 12,3).

Như vậy chúng ta thấy rõ ý nghĩa và hệ quả của của Phép Rửa “Nhân Danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần”. *Chính sự thuộc về Thiên Chúa Ba Ngôi tới mức ở trong Chúa Cha, ở trong Chúa Con và ở trong Chúa Thánh Thần làm cho Cộng đồng tín hữu trở thành Hội Thánh của Thiên Chúa. Chính Thánh Thần là sự hợp nhất giữa Cha và Con làm cho chúng ta được ở trong Thiên Chúa Cha và ở trong Chúa Giêsu Kitô. Chính Thánh Thần làm cho chúng ta gọi Thiên Chúa là Cha bằng cách gọi thân mật nhất, Abba và dẫn dắt chúng ta sống làm con Thiên Chúa (x.Rm 8,14). Chính vì Thánh Thần nối kết mỗi người đã chịu Phép Rửa nhân danh Ba Ngôi với Chúa Cha và Chúa Con nên cũng chính Thánh Thần nối kết họ với nhau để làm nên Hội Thánh của Thiên Chúa. Chúng ta hãy đọc lại một đoạn trong thư gửi tín hữu Ephesô sẽ thấy rõ điều này : Nhờ Người (Đức Kitô) cả đôi bên (Do Thái và Dân ngoại), chúng ta được liên kết trong một Thần Khí duy nhất mà đến cùng Chúa Cha... Trong Người, cả anh em nữa, cũng được xây dựng cùng với những người khác thành ngôi nhà Thiên Chúa ngự, nhờ Thần Khí (Ep 3,18.22).*

Từ những điều trên đây chúng ta đã có thể kết luận rằng Thánh Thần không chỉ hướng dẫn mỗi người sống làm Con Thiên Chúa mà còn hướng dẫn cả cộng đồng tín hữu sống làm Dân Thiên Chúa, Hội Thánh của Thiên Chúa.

Sách Tông Đồ Công Vụ và mô hình quản trị của Hội Thánh sơ khai

Sách Công Vụ cho chúng ta chiêm ngắm cộng đồng Hội Thánh trong bước hình thành và phát triển, từ đó chúng ta có thể nhận ra nhiều điều liên quan tới ý thức của cộng đồng về chính mình và mô hình quản trị hình thành từng bước dưới sự dẫn dắt của Thánh Thần.

Từ đầu đến cuối sách Công Vụ chúng ta thấy sự hiện diện và hoạt động của Thánh Thần bao trùm tất cả. Từng bước chân của các Tông Đồ trong sứ mạng đem Tin Mừng đến tận cùng thế giới đều như được Thánh Thần trực tiếp dẫn đưa. Từng cộng đoàn luôn được Thánh Thần điều khiển, dắt dìu.

Tác giả cho chúng ta thấy ngay từ đầu sự khác biệt trong cách điều hành trước và sau khi cộng đoàn nhận được quyền năng Thánh Thần. Trong thời gian chờ đợi, việc chọn người thay thế ông Giu-đa được tiến hành theo cách thức của Cựu Ước là cầu nguyện rồi rút thăm. Sau này không thấy có lần nào sách Công Vụ hay các sách khác trong Tân Ước nói đến việc rút thăm nữa. Từ khi Thánh Thần xuống trên cộng đoàn chúng ta thấy mọi hoạt động, di chuyển đều do Thánh Thần chỉ đạo và tiêu chuẩn chọn người phục vụ cộng đoàn bao giờ cũng phải là người đầy Thánh Thần.

Tác động đầu tiên của Thánh Thần là các tông đồ, (những người đã từng bỏ chạy và chối Chúa trong đêm Chúa bị bắt, rồi sau khi Chúa phục sinh, vẫn còn ở trong nhà đóng kín cửa vì sợ người Do Thái) có thể đứng lên làm chứng về Chúa Giêsu trước đám đông gồm những

người thuộc mọi dân mọi nước tuân về Giêrusalem, cũng như khi (hai tông đồ Phêrô và Gioan) bị điệu ra trước Thượng Hội Đồng: “bấy giờ ông Phêrô được đầy Thánh Thần, liền nói với họ...” (Cv 4,8).

Sau khi hai ông được tha về và kể lại mọi chuyện cho cộng đoàn, “họ đồng tâm nhất trí cất tiếng lên cùng Thiên Chúa...” và khi “họ cầu nguyện xong thì nơi họ họp nhau rung chuyển; ai nấy đều được tràn đầy Thánh Thần và bắt đầu mạnh dạn nói lời Thiên Chúa” (Cv 4,24.31). Như vậy là Thánh Thần mở miệng cho họ nói lời Thiên Chúa và cũng Thánh Thần làm cho lời Thiên Chúa tiếp tục vang lên mà không quyền lực trần gian nào có thể dập tắt được. “Phần chúng tôi, những gì tai đã nghe, mắt đã thấy, chúng tôi không thể không nói ra” (4,20).

Chương 5 của sách Công Vụ bắt đầu cho chúng ta thấy sự hiện diện của Thánh Thần trong việc điều hành cộng đoàn. Khi hai vợ chồng Kha-na-ni-a và Sa-phi-ra âm mưu lừa dối các tông đồ, thánh Phêrô nói với người chồng: “anh lừa dối Thánh Thần”, và nói với bà vợ: “Sao anh chị đồng lòng với nhau để thử thách Thần Khí Chúa”. Thánh Thần hiện diện trong cộng đoàn Hội Thánh và bảo tồn sự thánh thiêng của cộng đoàn bằng cách loại trừ ngay những kẻ muốn “qua mặt Thánh Thần”. Cũng may là chuyện này chỉ xảy ra một lần và được ghi lại như một lời cảnh cáo, một lời nhắc nhở và mời gọi tôn trọng sự thánh thiêng của cộng đồng Hội Thánh vì là Đền Thờ sống động của Thiên Chúa (x.Ep 2,20-22).

Chương 6 của sách Công Vụ cho chúng ta thấy một cuộc khủng hoảng cơ cấu của cộng đồng Hội Thánh và cách giải quyết. Sự hiện diện của hai nhóm có văn hóa và quyền lợi khác nhau chưa được tôn trọng đúng mức dẫn tới cuộc khủng hoảng. Cách trình bày ở đây giản lược hóa vào chuyện các bà góa của nhóm tín hữu thuộc văn hóa Hy Lạp bị bỏ quên trong việc cấp phát nhu yếu phẩm hàng ngày. Nhưng đọc kỹ phần tiếp theo có thể nhận ra đây là một cuộc khủng hoảng về cơ cấu. Ở các chương 2,4,5 chúng ta thấy nhóm 12 bao thầu hết mọi việc, từ việc công bố Tin Mừng, làm Phép Rửa, dạy dỗ cộng đoàn hàng ngày đến việc quản lý và phân phát lương thực và các nhu cầu vật chất. Chính việc chọn nhóm 7 người phụ tá toàn là những người thuộc văn hóa Hy Lạp hé mở cho chúng ta thấy vấn đề cơ cấu quản trị chưa đáp ứng thành phần cấu tạo của cộng đoàn.

Khi vấn đề được đặt ra, chúng ta thấy các tông đồ đưa ra giải đáp rất nhanh, không thấy hội họp bàn bạc chi cả. Nhưng đọc kỹ cách giải đáp, có thể thấy rằng đã có một cuộc nhận định rất chi tiết và sáng suốt.

Trước hết là phân định lại xem trong những việc nhóm 12 vẫn bao thầu từ trước tới nay, việc gì có thể giao cho người khác, việc gì là của riêng nhiệm vụ tông đồ, không thể giao cho người khác.

Đọc câu đầu tiên trong lời phát biểu của nhóm 12, ta thấy hai loại công việc: rao giảng Lời Chúa và phục vụ bàn ăn. Bấy giờ phải chọn một trong hai thì nhóm 12 chọn việc rao giảng Lời Chúa, đó là nhiệm vụ riêng của các ngài. Nếu thế thì việc còn lại là phục vụ bàn ăn có thể giao cho người khác.

Vấn đề tiếp theo : ai có thể đảm nhận công việc đó? 3 tiêu chuẩn vẫn gọn được đề ra ngay : người được tiếng tốt trong cộng đoàn, đầy Thần Khí và khôn ngoan. Tiêu chuẩn thứ nhất dễ hiểu: muốn phục vụ cộng đoàn thì phải là người được cộng đoàn tín nhiệm. Tiêu chuẩn thứ hai và thứ ba đi với nhau, có vẻ khó hiểu : tại sao phục vụ bàn ăn mà cũng phải là người đầy Thánh Thần và khôn ngoan?

Nếu đọc tiếp cho đến chương 8, chúng ta có thể đặt vấn đề về chính cái gọi là “lo việc ăn uống”. Có vẻ như “nói vậy mà không phải vậy”, bởi vì ngay sau khi kể việc thiết lập nhóm 7 người thì chẳng thấy nói đến việc các ông này lo việc bếp núc, nhưng lại kể chuyện ông Tê-pha-nô giảng dạy, tranh luận và bị giết, rồi ông Phi-lip đi rao giảng cho dân Samari, thực hiện

bước thứ ba trong chương trình Chúa Giêsu đã vạch ra cho hành trình làm chứng : Giêrusalem, Giuđê, Samari.

Như vậy tác giả để một khoảng trống cho người đọc tự điền thêm! Nhưng tại sao tác giả không gở cho chúng ta cái khúc mắc này mà vẫn cứ nói công việc của nhóm 7 người là lo việc ăn uống, và tiêu chuẩn là phải đầy Thần Khí và khôn ngoan? Thiết nghĩ chỉ có thể hiểu là việc phục vụ cộng đoàn Hội Thánh, dù là lo việc ăn uống thì cũng phải “đầy Thần Khí và khôn ngoan”, bởi vì cộng đoàn này do Thánh Thần nối kết và làm cho sống động, phát triển. Chúng ta thấy một hiện tượng tương tự trong sách Xuất Hành : người đứng đầu công việc xây dựng nơi thánh là người đầy Thần Khí của Thiên Chúa, còn người phụ tá và những người thợ được tuyển chọn là những người đầy khôn ngoan (x. Xh 31,1-8 và 35,30tt). Việc xây dựng Hội Thánh là công việc của Thiên Chúa được thực hiện bởi quyền năng Thánh Thần (x. Ep 2,20-22; I Pr 2,4-8).

Trở lại phần đầu chương 6, các tông đồ dành cho mình công việc : “Còn chúng tôi, *chúng tôi sẽ chuyên lo cầu nguyện và phục vụ Lời Thiên Chúa*” (Cv 6,4). Hai nhóm cùng lo việc xây dựng Hội Thánh: một bên lo phục vụ Lời Chúa và một bên lo phục vụ bàn ăn, bên nào cũng phải đầy Thánh Thần, vì là cộng tác viên của Thiên Chúa (x. I Tx 3,2; Mc 16,20; Cv 14,27).

Chúng ta có thể đặt thêm một câu hỏi nữa ở đây: tại sao việc phục vụ Lời Chúa lại gắn với cầu nguyện như một công việc duy nhất gồm hai thì, còn việc phục vụ bàn ăn thì không thấy gắn với cầu nguyện? Ngay ở chương 2, câu 42, chúng ta đã thấy các tín hữu cầu nguyện không ngừng, và hiệu quả của cầu nguyện là được Thánh Thần (x. Cv 4,31; Lc 11,13). Vậy thì có lẽ phải đặt vấn đề cách khác: tại sao việc phục vụ Lời Chúa lại gắn với cầu nguyện một cách đặc biệt đến mức làm thành một công việc duy nhất cho nhóm 12 ? Lời Chúa là phương thế đầu tiên để qui tụ và nuôi dưỡng cộng đoàn: nhờ nghe Lời Chúa người ta tin và chịu Phép Rửa để gia nhập cộng đoàn và toàn thể các tín hữu chuyên cần nghe các *tông đồ giảng dạy* (Cv 2,42). *Việc phục vụ Lời Chúa có hai thì: nghe Lời Chúa và giảng Lời Chúa*, cũng như việc đón nhận Lời Chúa có hai thì: nghe và giữ Lời Chúa. Người giảng phải nghe Chúa nói trong cầu nguyện, bởi vì Lời Chúa thì phải đến từ Chúa chứ đâu có thể rút từ trong bụng mình ra được.

Nhưng còn phải để ý tới một khía cạnh khác trong nhiệm vụ của nhóm 12: các ngài là những người lãnh đạo cộng đoàn thông qua việc giảng dạy Lời Chúa. Công việc của các ngài giống công việc của ông Môsê trong sách Xuất Hành : đứng ra thay mặt dân trước nhan Thiên Chúa: trình các việc lên Chúa, dạy cho dân các thánh chỉ, lề luật, đường lối phải đi và cách xử sự (x. Xh 18,19-20).

Khi đối chiếu công việc của các tông đồ với công việc của ông Môsê, chúng ta nhận ra nguyên tắc quản trị của người lãnh đạo Dân Chúa : dân là dân của Chúa, nên người thay mặt Chúa lãnh đạo dân phải đứng trước mặt Chúa thay cho dân, trình mọi việc lên Chúa và truyền đạt cho dân các mệnh lệnh của Chúa, ý muốn của Chúa. Dân là đàn chiên của Chúa và Chúa là mục tử, là Đấng chăn dắt It-ra-en. Môsê cũng như những người lãnh đạo chỉ như con chiên đầu đàn đi theo Chúa để cả đoàn chiên đi theo. Câu chuyện vua Đa-vit ra lệnh kiểm tra dân số cho thấy Chúa khẳng định quyền tuyệt đối của Ngài và vai trò của người lãnh đạo. Trong sách E-dê-khi-ên, chương 34, Thiên Chúa quở trách các mục tử Chúa đã đặt lên coi sóc It-ra-en vì họ chỉ lo ăn mà không lo cho sự sống và an toàn của bầy chiên, họ thống trị cách tàn bạo và hà khắc. Ở phần cuối chương này, ngôn sứ lại ví các mục tử tàn bạo như những con chiên mạnh, vừa ăn vừa đạp nát cỏ, khiến những con chiên yếu phải ăn cỏ giập, vừa uống vừa quây đục nước khiến các con chiên yếu phải uống nước đục. Vậy thì người lãnh đạo trong cộng đồng Dân Chúa cũng là chiên được Chúa dùng làm chiên đầu đàn để những chiên khác đi theo. Trách nhiệm của con chiên đầu đàn là phải đi theo đường của Chúa.

Đọc trong Cựu Ước, chúng ta thấy những lúc bí, vua quan và dân chúng tìm đến các tư tế, các ngôn sứ để thỉnh ý Thiên Chúa. Câu chuyện vua Sa-un, lúc đi tìm con lừa cũng đến tìm

ngôn sứ Sa-mu-ên để hỏi, rồi đến cuối đời, khi Sa-mu-ên đã chết còn nhờ bà đồng gọi hồn ông lên để hỏi ý Chúa. Câu chuyện vua A-kháp gọi các ngôn sứ để hỏi xem Chúa có cho đi đánh Ga-la-at hay không (x.l Vua, 22). Tình trạng bị đát lên đến tột cùng khi mà cả ngôn sứ cùng là tư tế, lang thang khắp *xứ mà không hiểu biết gì (Gr 14,18)*.

Tất cả những minh họa trên đây giúp chúng ta thấy rõ hơn việc quản trị cộng đồng Dân Chúa không đơn thuần là quản trị theo kiểu hành chánh mà phải dựa vào việc tìm kiếm và thi hành ý muốn của Thiên Chúa, tức là theo sự hướng dẫn **của Thánh Thần, Đấng luôn hiện diện và hướng dẫn Dân Chúa**.

Trở lại sách Công Vụ, đọc tiếp từ chương thứ 8, chúng ta sẽ thấy mỗi bước tiến quan trọng trong sự phát triển của Hội Thánh hay đúng hơn, của Lời Chúa, đều do Thánh Thần trực tiếp chỉ đạo như thế nào. Ông Philip (thuộc nhóm 7 người) được Thánh Thần thúc đẩy chạy theo xe của ông quan người E-ti-ô-pi, rồi sau khi rửa tội cho ông quan lớn này, Thần Khí lại đem ông đi và người ta gặp thấy ông ở At-đốt, và ông đi rao giảng tại các thành phố ven biển cho tới Xê-da-rê. Tác giả cho chúng ta theo ông Phi-líp ngưng tại đây để chuẩn bị đón thánh Phê-rô và theo ngài vào một bước thúc đẩy mới của Thánh Thần.

Trước khi kể câu chuyện tiếp theo xảy ra ở Xê-da-rê với thánh Phê-rô, tác giả giới thiệu cho chúng ta một nhân vật sẽ đi tiếp bước khai phá của thánh Phê-rô, đem Tin Mừng đến tận cùng thế giới, đó là ông Saolô, người có mặt và ủng hộ việc giết ông Tê-pha-nô, nay lại được Chúa chọn để đem Tin Mừng đến tận cùng thế giới.

Kế hoạch Chúa Giêsu đích thân đề ra cho các tông đồ là phải làm chứng cho Chúa tại Giêrusalem, Giuđê, Samari và cho đến tận cùng thế giới. Nhưng sau khi đã *làm cho Giêrusalem ngập đầy giáo lý của các ông như chính vị Thượng Tế nhìn nhận (x.Cv 5,28)*, các ông vẫn chưa ra khỏi Giêrusalem. Chính cuộc bách hại mở đầu với cái chết của ông Tê-pha-nô làm cho mọi người tản mác về các vùng quê miền Giu-đê và Sa-ma-ri cùng với nhóm 7 người mới được thành lập, đi đến đâu họ loan báo Tin Mừng đến đấy. Thế là Chúa dùng một biện cố bí đát để thực hiện bước tiếp theo. Khi Tin Mừng đã tới Xê-da-rê, thành phố cảng rất thuận lợi cho bước đi đến tận cùng thế giới, chúng ta lại thấy các tông đồ vẫn dậm chân tại vùng đất quen thuộc và lui tới với đồng bào Do Thái thôi. Hồi ấy, trong *khắp miền Giuđê, Galilê và Samari, Hội Thánh được bình an... Ông Phê-rô rao khắp nơi, xuống thăm cả dân thánh cư ngụ tại Lốt (Cv 9,31-32)*. Đọc những chương này chúng ta thấy thánh Phê-rô và nhóm 12 chưa bao giờ chủ động đi một bước mới.

Bước ra khỏi Giêrusalem là do biến cố bách hại thúc đẩy và những người khác thực hiện. Chỉ khi Samari đã lãnh nhận Tin Mừng thì các tông đồ mới cử ông Phê-rô và ông Gioan đến xác nhận bằng cách cầu nguyện và đặt tay trên họ để họ nhận được Thánh Thần. Sau khi Hội Thánh đã có mặt và được bình an khắp miền Giuđê, Galilê và Samari, ông Phê-rô đi khắp nơi thăm viếng dân thánh, như để xác nhận là bước thứ nhất và bước thứ hai đã hoàn thành, nhưng không hề có dấu hiệu cho thấy ông có ý định đi xa hơn. Câu chuyện ở Xêdarê cho thấy ông chưa bao giờ nghĩ tới chuyện đem Tin Mừng ra ngoài giới đồng bào Do Thái của ông. Nhưng Thánh Thần can thiệp cách quyết liệt bắt ông phải đi đến với người ngoài Do Thái. Thánh Thần đã gọi sẵn người tới đón và phải nói đến lần thứ ba ông mới chịu đi. Một chi tiết cần lưu ý là tại nhà ông Co-nê-li-ô thánh Phê-rô giảng, rồi xác nhận rằng không ai có thể ngăn cản việc lấy nước làm phép Rửa cho những người này, *bởi vì họ đã nhận được Thánh Thần cũng như chúng ta. Thánh Phê-rô cũng không tự tay làm phép rửa cho họ mà truyền làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Giêsu*.

Nhưng sau đó chúng ta lại thấy thánh Phê-rô cũng chẳng đi xa hơn. Ngài trở về Giêrusalem đối diện với cộng đoàn Hội Thánh tại đây, trả lời cuộc chất vấn: Ông đã vào nhà những kẻ không cắt bì và ngồi ăn uống với họ. Người ta không chất vấn về việc làm phép rửa cho dân ngoại mà chất vấn về việc ông Phê-rô vào nhà những kẻ không cắt bì và ngồi ăn uống với họ.

Như vậy điều khúc mắc đối với cộng đoàn là làm sao người Do Thái có thể ở cùng nhà, ngồi cùng mâm với những kẻ không cắt bì, dù họ có chịu cùng một phép rửa chẳng nữa. Ở chương 6, mới chỉ có hai thành phần Do Thái bản địa và Do Thái thuộc văn hóa Hy Lạp cùng ngồi ăn một mâm mà đã có chuyện không ổn, đến đây lại có cả những kẻ không cắt bì vào ngồi cùng mâm cùng bàn thì sẽ ra sao? Đó là vấn đề gai góc nan giải nhất vẫn kéo dài cho đến ngày nay. Trong bản văn, thánh Phêrô trả lời bằng cách kể lại câu chuyện đã xảy ra, nhấn mạnh hơn vai trò của Thánh Thần bằng cách rút ngắn thời gian rao giảng của ông : *tôi vừa mở miệng nói thì Thánh Thần đã ập xuống trên họ như đã xuống trên chúng ta lúc ban đầu. Nghe thánh Phêrô* biện minh rồi thì cả cộng đoàn ngộ ra một điều mới mẻ: *Vậy ra Thiên Chúa cũng ban cho các dân ngoại ơn sám hối để được sự sống (Cv 11,18).* Tuy nhiên nỗi khúc mắc của cộng đoàn Giêrusalem chưa phải đã được giải quyết xong. Chúng ta sẽ gặp lại vấn đề này ở chương 15 sau khi những kẻ không cắt bì gia nhập “đại trà”, nhờ sứ vụ của hai tông đồ Phaolô và Ba-na-ba.

Những chương tiếp theo lại cho thấy việc rao giảng Tin Mừng cho người ngoài Do Thái vẫn do những người “di tản” thực hiện và gây dựng cả một cộng đoàn ở An-ti-o-khi-a. Lần này thì không thấy các tông đồ được cử đến như ở Sa-ma-ri nữa. Chỉ có ông Ba-na-ba, người có tài an ủi được cử đi thăm viếng mà không cản trở về Giêrusalem tường trình.

Sau khi dân Sa-ma-ri chịu phép rửa thì vẫn chưa nhận được Thánh Thần (hiểu theo nghĩa sự biểu lộ quyền năng Thánh Thần giống như các môn đệ đã lãnh nhận ngày lễ Ngũ Tuần), phải chờ Giêrusalem cử hai tông đồ Phêrô và Gioan xuống cầu nguyện và đặt tay họ mới nhận được. Tại gia đình Co-ne-li-ô, ông Phêrô *vừa mở miệng giảng thì Thánh Thần đã ập xuống trên họ như đã ngự xuống trên chúng ta lúc ban đầu. Còn cộng đoàn An-ti-ô-khi-a, chưa thấy mặt vị* nào trong nhóm 12 hay nhóm 7 có mặt, người đem Tin Mừng cho họ lại là mấy người gốc Síp và Ky-rê-nê, thế mà khi tới nơi và thấy ơn Thiên Chúa như vậy ông Ba-na-ba mừng rỡ và *khuyến nhủ ai nấy bền lòng gắn bó cùng Chúa. Ông là người tốt, đầy Thánh Thần và lòng tin. Và đã có thêm một đám rất đông theo Chúa (Cv 11,23-24).*

Những chi tiết trên đây khiến chúng ta phải thắc mắc : tại sao Sa-ma-ri được một vị trong nhóm 7 rao giảng và làm phép rửa mà vẫn chưa nhận được Thánh Thần, phải chờ hai vị trong nhóm 12 tới cầu nguyện và đặt tay mới nhận được? Trong khi các cộng đoàn khác ở xứ Giuđê không thấy cần Tông đồ nào tới đặt tay. Thánh Phê-rô có đi xuống Lốt và Xê-da-rê là để thăm viếng thôi. An-ti-ô-khi-a là cộng đoàn gồm những người Hy-Lạp cũng không thấy phải chờ Tông Đồ nào tới đặt tay. Muốn hiểu điều này chúng ta phải trở lại các sách ngôn sứ. Sự chia rẽ giữa It-ra-en (Sa-ma-ri) và Giu-đa (Giêrusalem) vẫn là một vết nhơ trong lịch sử Dân Thiên Chúa, nên khi loan báo ơn cứu độ, các ngôn sứ thường loan báo sự hiệp nhất. Đặc biệt ngôn sứ E-dê-khi-ên, chương 37,15-28. Khi toàn thể It-ra-en hiệp nhất trong giao ước mới của Thiên Chúa, bấy giờ, các dân tộc sẽ nhận biết Ta là *Đức Chúa, Đấng thánh hoá It-ra-en. Sách Cv cho thấy lời ngôn sứ ứng nghiệm* khi Giêrusalem và Sa-ma-ri hiệp nhất không phải trên bình diện chính trị, mà trong giao ước mới bằng việc đón nhận cùng một Thánh Thần, trước khi dân ngoại được nghe rao giảng Tin Mừng. Sự hiệp nhất giữa Giêrusalem và Sa-ma-ri là dấu hiệu, là bằng chứng để dân ngoại nhận biết Thiên Chúa. Như vậy chủ đề sự hiệp nhất của Dân Chúa như là bằng chứng để dân ngoại nhận biết Thiên Chúa mà Ga 17 khai triển thì sách Cv đã vận dụng ở đây rồi. Đó là lý do tại sao sách Cv phân biệt giữa cách thức Sa-ma-ri và các cộng đoàn khác nhận được Thánh Thần.

Trở lại câu chuyện cộng đoàn An-ti-ô-khi-a và ông Ba-na-ba. Ông Ba-na-ba là người tốt, đầy lòng tin và Thánh Thần. Đó chính là lý do tại sao ông nhận ra ơn Thiên Chúa nơi cộng đoàn An-ti-ô-khi-a. Đó cũng là lý do khiến ông lập tức trở thành người lãnh đạo cộng đoàn, và sự hiện diện của ông kéo thêm được một đám rất đông theo Chúa (Cv 11,24). Ông lấy sáng kiến đi tìm ông Saulô về An-ti-ô-khi-a. Hai ông cùng làm việc trong Hội Thánh ấy suốt một năm và giảng dạy cho rất nhiều người (11,26). Đó là cách Thánh Thần chuẩn bị để An-ti-ô-khi-a trở thành bàn đạp cho việc đưa Tin Mừng đến tận cùng thế giới, và hai ông Ba-na-ba và Saulô trở

thành hai người được Thánh Thần đích thân sai đi đem Tin Mừng cho dân ngoại. Sách Công Vụ cho chúng ta cảm tưởng là cộng đoàn An-ti-ô-khi-a được Thánh Thần trực tiếp lãnh đạo thông qua các ngôn sứ và thầy dạy (Cv 13,1-3).

Đến đây chúng ta hãy trở lại một sự việc ở đầu chương 8: hồi ấy Hội Thánh tại *Giêrusalem trải qua một cơn bất bớ dữ dội*. Ngoài các tông đồ ra, mọi người đều phải tản mác về các vùng quê miền Giu-đê và Sa-ma-ri. Có cái gì như “ngược đời” ở đây : từ đầu tới giờ các tông đồ là đối tượng chính của các vụ bất bớ, nay thì mọi người phải tản mác về các vùng quê còn các tông đồ ở lại Giêrusalem. Dường như tác giả dàn dựng để làm nổi bật vai trò của các Tông Đồ trong giai đoạn Hội Thánh phát triển ra ngoài Giêrusalem như chúng ta vừa lược qua. ĐHY C.M.Martini coi giai đoạn từ chương 6 đến chương 15 trong sách Cv là giai đoạn Hội Thánh chuyển mình để có thể đem Tin Mừng đến tận cùng mặt đất. Việc thiết lập nhóm 7 là bước chuyển mình về cơ cấu, cuộc bách hại sau cái chết của ông Tê-pha-nô là cơ hội giúp Tin Mừng ra khỏi một Giêrusalem đã “đầy giáo lý của các tông đồ” : *những người phải tản mác này đi khắp nơi loan báo Lời Chúa (Cv 8,4)*. Tác giả không quan tâm giải thích cho chúng ta tại sao cuộc bách hại dữ dội nổ ra mà các tông đồ ở lại Giêrusalem trong khi mọi người đều phải tản mác, nhưng suốt những chương tiếp theo tác giả cho thấy các tông đồ sẽ đóng vai trò “phê chuẩn” từng bước của sự phát triển, bảo đảm tính thống nhất và duy nhất của Tin Mừng: dù được loan báo tại Giêrusalem, Sa-ma-ri, An-ti-o-khi-a hay Rôma thì cũng là một Tin Mừng mà Chúa Giêsu đã trao cho các Tông Đồ loan báo, cũng vì thế mà sau này mỗi chuyến đi truyền giáo của thánh Phaolô đều kết thúc tại Giêrusalem và lại bắt đầu từ Giêrusalem. Chuyến đi cuối cùng của thánh Phaolô cũng bắt đầu từ Giêrusalem trong tư thế một người tù.

Chúng ta hãy điểm lại những chặng chính. Cv 8,14: các tông đồ ở Giêrusalem nghe biết *dân miền Sa-ma-ri đã đón Lời Thiên Chúa, thì cử ông Phêrô và ông Gioan đến với họ*. Việc họ nhận được Thánh Thần do lời cầu nguyện và cử chỉ đặt tay của hai tông đồ như một dấu ấn xác nhận quả thật Lời Chúa đã đến với Sa-ma-ri đúng như Chúa Giêsu đã chỉ thị, dù không phải do các tông đồ đích thân loan báo. Sự việc này cũng xác nhận rằng việc Phục Vụ Lời Chúa không phải là “độc quyền” của nhóm 12 nữa.

Cv 10,44-48: Ông Phêrô còn đang nói những điều đó, thì Thánh Thần đã ngự xuống trên tất cả những người đang nghe Lời Thiên Chúa... *Bấy giờ ông Phêrô nói rằng: Những người này đã nhận được Thánh Thần cũng như chúng ta, thì ai có thể ngăn cản chúng ta lấy nước làm phép rửa cho họ? Rồi ông truyền làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Giêsu Kitô. Sau đó họ xin ông ở lại ít ngày*. Tại Giêrusalem trong ngày lễ Ngũ Tuần, ông Phêrô đã giải thích việc Thánh Thần ngự xuống trên các ông như là bằng chứng về việc Đức Giêsu đã được tôn vinh, được đặt làm Chúa. Tại nhà ông Co-ne-li-ô, ông giải thích việc Thánh Thần ngự xuống trên tất cả những người dân ngoại đang nghe lời Thiên Chúa như là bằng chứng Thiên Chúa chấp nhận họ cũng như đã chấp nhận người Do Thái. Ông không tự tay làm phép rửa mà truyền làm phép rửa cho họ. Ông Phêrô nhận định và giải thích tác động của Thánh Thần, rút ra kết luận. Việc ông Phêrô **truyền làm phép rửa cho những người ngoại đầu tiên đón nhận Lời Thiên Chúa** được nêu lên ở đây có giá trị xác nhận việc rao giảng Lời Chúa và làm phép rửa cho dân ngoại, đón nhận họ vào Hội Thánh. Sau này tại Công Nghị Giêrusalem (Cv 15), thánh Phêrô sẽ nhắc lại kinh nghiệm này và tự coi là người được chọn từ đầu để các dân ngoại được nghe lời Tin Mừng từ miệng tôi mà tin theo.

Ở chương 11, thánh Phêrô bị cộng đoàn Giêrusalem chất vấn, không phải về việc làm phép rửa cho người ngoại, nhưng về việc “vào nhà kẻ không cắt bì và cùng ăn uống với họ”, ngài bình tĩnh kể lại đầu đuôi sự việc và giúp cho cả cộng đoàn đi vào tiến trình nhận định với ngài, kết quả là mọi người đều nhận ra tác động của Thánh Thần, cùng “à” lên một tiếng thoải mái.

Đến đây kinh nghiệm nhận định của thánh Phêrô và cộng đoàn Giêrusalem đã đủ để Hội Thánh Giêrusalem có thể chấp nhận cộng đoàn gốc dân ngoại An-ti-o-khi-a. Vì thế họ không cần phải cử các tông đồ đến đó, nhưng cử ông Ba-na-ba, người có tài an ủi, người trước đây

đã làm môi giới cho các môn đệ ở Giêrusalem chấp nhận ông Sau-lô (x.Cv 9,26-30). Sứ mạng của ông Ba-na-ba không phải là đi kiểm tra, bởi vì ông không trở về báo cáo cho Giêrusalem, mà trẩy đi Tac-xô tìm ông Sau-lô, mời về An-ti-o-khi-a để cùng nhau phục vụ cộng đoàn. Vậy thì ta có thể hiểu sứ mạng của ông Ba-na-ba đúng như cái tên các tông đồ đã đặt cho ông, là an ủi, khích lệ, củng cố cộng đoàn non trẻ này. Ông cũng khởi đi từ một sự nhận định: thấy ơn Thiên Chúa như vậy...

Đến đây ta có thể nhận ra cung cách lãnh đạo của các tông đồ đã thay đổi như thế nào từ chương thứ 6 trong sách Công vụ. Bước đầu là chia sẻ công việc cho nhóm 7 để có thể phục vụ tốt hơn, bước tiếp theo là nhận định và xác nhận tác động của Thánh Thần, giúp cộng đoàn nhận định và vâng phục Thánh Thần: mọi người đã đón nhận Tin Mừng đều có thể rao giảng Tin Mừng và mọi người đều có quyền được nghe loan báo Tin Mừng. Chúng ta có thể rút ra một hệ luận rất quan trọng liên quan tới vai trò của giáo dân trong Hội Thánh: sáng kiến của những người tín hữu phải tản mác khỏi Giêrusalem, đi tới đâu loan báo Lời Chúa đến đó, không những ở miền quê xứ Giuđê và Sa-ma-ri (x.Cv 8,1.4) mà cả Phê-ni-xi, đảo Síp và An-ti-o-khi-a, không những cho người Do Thái và cả người Hy-Lạp nữa (x.Cv 11,19-20), và họ thu được kết quả: vì có bàn tay Chúa ở với họ, nên một số *đồng đã tin và trở lại cùng Chúa* (Cv 11,21). *Chúa xác nhận rằng việc họ làm là do Chúa thúc đẩy*, các tông đồ hoặc người được cử đi như ông Ba-na-ba “thấy ơn Thiên Chúa... thì mừng rỡ” (Cv 11,23). Vậy thì trong Hội Thánh sáng kiến không chỉ đến từ người lãnh đạo mà cả từ phía giáo dân nữa. Thánh Thần tác động nơi mọi thành phần của Hội Thánh, nhưng người lãnh đạo phải nhận định xem có đúng là “bàn tay của Chúa” không.

Còn tiếp nhiều kỳ

VỀ MỤC LỤC

ĐỌC CUỐN SÁCH : FAIRE BOUGER L'EGLISE CATHOLIQUE CỦA CHA JOSEPH MOINGT (DÒNG TÊN)

(N.x.b. Desclée de Brouwer, Paris, 2012, 193 tr.)

Trần Văn Toàn

Xin tạm dịch đầu đề cuốn sách một cách nôm na cho dễ hiểu là : *Làm cho giáo-hội công-giáo nhúc-nhích được*. Đến nay là một nửa thế kỷ sau Công-đồng Vaticano II, mà còn đặt vấn đề như thế, thiết tưởng cũng chưa hẳn là vô lý. Thực vậy, công-đồng đã đem lại cho giáo hội nhiều thay đổi quan trọng về mặt tư-giáo, mục-vụ, nghĩa là có động dấy ở mặt ngoài, nhưng về cơ cấu bên trong, thì xem ra chưa thấy nhúc nhích được là bao nhiêu.

So sánh với những pho sách lớn của nhà thần học lão thành Joseph Moingt, dòng Tên, đã viết hàng nghìn hàng vạn trang nghiên cứu công phu, dành cho các chuyên gia về thần học, thì cuốn sách này thật là khiêm tốn, nó vừa khổ nhỏ, lại vừa ít trang. Tuy nhiên, đối với đại chúng thì thật là quý báu, vì nó tóm tắt được một cách bạo dạn, đáo lý, đủ ý và dễ hiểu, những vấn đề then chốt đang được đặt ra một cách khẩn cấp từ ... gần một thế kỷ nay ở Âu Mỹ, nhưng lại rất ít hiệu quả. Rất ít hiệu quả, vì : *một là* nếu vấn đề do giáo-dân đặt ra, thì giáo quyền coi thường, bỏ qua đi, cho rằng « đàn chiên » đó ít am tường đạo lý, bảo sao thì phải nghe vậy, chứ biết gì mà nói, rồi nếu không khô đạo, thì cũng là đua đòi với những người đời thường ghét đạo ; *hai là* nếu do các nhà thần học đưa ra, thì tuy đôi khi cũng biết rằng họ uyên-bác có thừa, nhưng lại nghĩ họ rất dám ngộ chữ và đặt ra những vấn đề xa thực tế, và nhất là vì họ không được giao phó cái trọng trách như các giám mục, là duy trì đạo giáo cho chính thống,

Cuốn sách này được xuất bản do nhóm *Chrétien en recherche 41*, một nhóm người theo đạo Chúa Giê-su Ki-tô, nhưng nhận định một cách khiêm tốn rằng mình vẫn còn phải tìm hiểu thêm. Sách gồm có ba bài diễn thuyết mới đây : 1) *Loan báo Phúc-âm và cơ cấu của giáo hội* (24/09/2010); 2) *Lập trường nhân bản theo như Phúc-âm* (27/03/2011) ; 3) *Chỗ đứng của nữ giới trong giáo hội ngày nay* (02/04/2011). Trong phần *Phụ-lục* thì căn cứ vào chừng 50 trang trong cuốn sách khác của tác giả là *Dieu qui vient à l'homme* (*Thiên Chúa đến với loài người*, Paris, Ed. du Cerf, 2007, t. II-2, tr 824-867), để bàn rộng thêm về vấn-đề định chế về hàng giáo sĩ, và về các cộng đồng nhỏ.

Đọc xong, thấy thật là thức thời, biết vậy nhưng tôi vẫn đinh ninh là rồi cũng sẽ chẳng đi đến đâu, như chính tác giả đã thừa biết rằng những đề nghị cải cách đó sẽ chẳng có vị bề trên nào dám đem ra thực hành đâu. Lệnh trên đưa xuống thì ai nấy phải răm rắp thì hành ngay : trái lại, xưa nay đã có nhiều đề nghị từ dưới đưa lên, nhưng đến tòa giám mục thì bị hãm lại, vì các vị hữu trách cho rằng có tâu lên Tòa Thánh thì hoặc là sẽ bị bác ngay, hoặc là cũng chẳng ai thèm trả lời. Từ hơn một thế kỷ nay, có nhiều nhà thần học đã dám lên tiếng, nhưng đã bị làm khó dễ : sách in ra là bị cấm ngay, nhưng tệ hơn nữa là mất bài sai, đi vào bóng tối, không được phép dạy thần học công giáo nữa, như : Henri de Lubac, Yves Congar, Hans Küng, v.v., ấy là nếu không bị rút phép thông công. Từ công đồng Vaticano II, thì đã bắt đầu có sửa sai, và có một vài vị đã được phục hồi, và hai ba vị khác được danh dự làm hồng-y cuối mùa, vào lúc đã quá tuổi không còn được bổ phiếu trong các cuộc hội nghị.

Tuy nhiên ngày nay có hoàn cảnh thật bất ngờ, là Đức Giáo-hoàng Biển-Đức thứ XVI từ chức, và với Đức Giáo-hoàng mới, cũng thuộc dòng Tên như cha Moingt, người ta bắt đầu hi-vọng là rất có thể có cải cách do bề trên đứng ra xướng xuất và cổ võ. Cũng vì thế tôi xin giới thiệu cuốn sách nhỏ này, vì nó đáng cho chúng ta để ý suy nghĩ, để sửa soạn tương lai gần đây.

Tôi sẽ chú trọng vào bài thứ nhất, có tính cách bao quát hơn cả, và trong đó sẽ đề ý riêng về hai đề-tài : 1) Trọng tâm của tin mừng Chúa Giê-su loan báo, và 2) Cái gì cần phải sửa đổi trong giáo-hội ?

1) Trọng tâm của tin mừng Chúa Giê-su loan báo

Quan niệm nhân bản mới

Trước khi vào đề, ta có thể nhận xét là các nhà hiền triết xưa nay thường vạch ra cho người ta biết thiên nhiên vận chuyển ra sao, máy trời đưa đẩy đời người ta theo những qui luật cố định như thế nào : hết ngày thì đến đêm, hết đêm thì đến ngày ; trăng tròn rồi lại khuyết, khuyết rồi lại tròn : hết xuân hạ thu đông rồi lại xuân hạ thu đông ; như thế là *chung nhi phục thủy*, hết rồi trở lại ban đầu, hay là *chu nhi phục thủy*, đi vòng tròn rồi trở về bước đầu. Nếu dĩ nhiên là như thế, thì không phải là tin tức, không đáng đưa tin, mà ta có biết cũng chỉ là biết vậy, mà biết rồi thì thôi, chứ không còn hi vọng được cái gì mới, không hi vọng được vào ai nữa, cho nên có sống mãi hết kiếp này sang kiếp khác thì cũng là thừa, nếu không phải là để rồi cứ chông chênh lấy cái khổ, vì lẽ đã kết luận một cách tổng quát rằng : *vạn sự khổ*. Có người cho rằng không làm gì được thì cứ để mặc cho con tạo xoay vần, được ngày nào hay ngày ấy, sống thì nuôi lấy chết chôn đi. Có người nghĩ xa hơn, và kết luận rằng khôn hơn cả là nên tìm cách nào để thoát hẳn ra khỏi cõi đời này. Như thế thật cũng không có gì là đáng mừng cả.

Nếu lời giảng của Chúa Giê-su được gọi là đưa tin, thì là vì có cái gì khác thường, không tất nhiên như thế. Thực vậy, ở đây quan niệm thời gian của con người ta không đi vòng tròn như trong thiên nhiên, mà là đi đường thẳng, từ khởi điểm đến cái tương lai chưa biết, cho nên người ta có thể hi vọng rằng khi ra khỏi cái quá khứ đã biết, thì còn có cái gì mới mà mình hi

vọng là có thể sẽ tốt hơn. Vẫn biết thế giới này không tùy thuộc vào ý định của ta, cuộc đời này có nhiều gian truân, tương lai còn bấp bênh, nhưng nếu may ra có thể tin cậy được vào ai, có quyền lực và có thịnh tình với ta, thì cuộc đời thật là đáng sống, vì có thể hướng tới một mục đích tốt đẹp hơn mà ta không ngờ tới. Nếu có như thế, thì thật là một *tin mừng*. Và đó chính là tin mừng mà Chúa Giê-su cho ta biết : nếu vị Thiên Chúa xuống thế gian làm người, và ở cùng chúng ta, thì không phải là có ý để bảo ta khôn hồn thì nên tìm cách thoát ra ngoài cuộc đời, nhưng là vì cuộc đời ở thế gian này là đáng sống. Như thế, tin tức là dám tin, dám tin cậy, nhưng tin hay không thì tùy nghi. Ai nấy tự do. Triết gia Pháp là Blaise Pascal (1623-1662) đề nghị là cứ đánh cược : nếu có thực như thế thì mình có thể đạt được vận mệnh cao quý, mà nếu không có như thế thì mình cũng chẳng mất vốn mất lãi gì cả.

Bây giờ ta theo cha J. Moingt đi vào trọng tâm của Phúc-âm. Tác giả viết :

« Tin mừng của Chúa Giê-su được nói lên bằng một từ ngữ tượng trưng là « nước Đức Chúa Trời ». Nước Đức Chúa Trời có nghĩa : một là Thiên Chúa sẽ thiết lập - Chúa Giê-su nghĩ là trong một ngày rất gần - một trật tự mới có công bình, hòa bình và tình anh em ; hai là trật tự ấy đã bắt đầu được thực hiện một cách hữu hiệu, trong lời nói và việc làm của Chúa Giê-su : người bệnh tật được chữa lành, người bị quỷ ám được giải thoát, những người nhỏ mọn được yên ủi, những người kình địch nhau được hòa giải, người có lỗi được tha thứ, người ta giúp đỡ nhau, thương yêu nhau mà không sợ lụy đến thân. Và khi nói lên tất cả các điều đó, thì tuyệt nhiên không nhắc nhở gì đến tôn giáo gì cả : trong khi chờ đợi Thiên Chúa đến, thì Chúa Giê-su không để lại cho môn đệ một bộ nghi lễ, luật điều hay giáo điều nào cả, mà chỉ dạy phải lấy con người làm gốc ; quan niệm nhân bản mới [1] này là : người ta phải sống với nhau sao cho hợp với nhận định rằng Thiên Chúa là Cha chung của mọi người. Kỳ dư thì để Chúa Thánh Thần hướng dẫn đồ đệ ngài « cho tới chân lý toàn diện (Ga, 16, 13) » (tr 20-21).

Đọc đến câu « không nhắc nhở gì đến tôn giáo », tôi chợt nhớ ra rằng cách đây mấy chục năm có một số nhà thần học chủ trương đạo Chúa Giê-su không phải là một tôn giáo (religion) như các tôn giáo khác, nhưng là một niềm tin cậy (foi). Vì lẽ rằng *tôn giáo* là con đường mà con người ta tự lực tìm ra để tự giải thoát, để đạt thân, hay là để « lên trời », như những người xây tháp Babel, kể trong Cựu Ước. Thực ra, con người nhỏ bé trong cái vũ trụ bao la, tự sức mình không làm được bao nhiêu, cho nên từ đầu đã phải tựa vào tha lực. Nếu tha lực là một Ông Trời có uy quyền, nạt nộ, bắt người ta phải quỳ xuống lạy lức, thì con người có một chút tự trọng chắc là sẽ không chịu được và cũng không tin cậy được. Đàng này khác, Chúa Giê-su đã cho chúng ta một tin mừng : Đức Chúa Trời là cha nhân từ, và mọi người đều là anh em. Trông vào lời nói và việc làm của người thì các môn đệ chứng thực là đáng tin cậy. và nhận định đó là con đường nên theo. Vì thế mà đạo còn tồn tại sau 20 thế kỷ.

Nói đến « nhân bản mới », tôi lại nhớ đến cái mục đích « học làm người » mà trước đây hơn nửa thế kỷ, người ta bàn tán trong đại học văn khoa Sài-gòn. Chúa Giê-su không có dạy người ta đi « đội đá vá trời », đi tìm bông lai tiên cảnh, hay là tìm đến Đức Chúa Trời xa xăm ở đâu không biết ; nhưng dạy ta cách làm người trong chính cái thế giới này. Thực vậy, 1) Chúa nói : « Thiên Chúa, chưa có ai thấy bao giờ ; nhưng Con một vốn là Thiên Chúa ... đã tỏ ra cho chúng ta biết » (Phúc âm theo thánh Gio-an, Ga 1, 18). Vì thế « ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha » (Ga 12, 9). 2) Đi thêm một bước nữa, khi bàn về các việc bác ái, Chúa lại nói : « Ta bảo thật các ngươi, mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất này của Ta, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy » (Mt 25, 40) [2]. Và giáo dân ta cũng quen đọc kinh ngày chủ nhật rằng : « Mười điều răn ấy tóm về hai này mà chớ : trước kính mến một Đức Chúa Trời trên hết mọi sự, sau lại yêu người như mình ta vậy ».

Nói cho cùng thì Đức Chúa Trời có cần gì ta phải « lấy của Đức Chúa Trời cho ... mà dâng cho Đức Chúa Trời » (như ta đọc trong kinh cảm ơn sau khi rước lễ), nhưng Ngài có từ tâm, ái nhân (philanthropie), cho nên muốn rằng ta nên để tâm đến người khác và làm những việc bác ái cho người khác, và như thế cũng kể là làm cho Chúa vậy. Một số nhà thần học – trong đó có

Đức Giáo-tông Biển-Đức thứ XVI – gọi đó là « phép bí tích huynh đệ » (sacrement du frère). Có nhà thần học còn thêm rằng : các phép bí tích khác thì trong lúc cần kíp đều có thể thay thế được, ví dụ : không chịu lễ thật được thì có thể chịu lễ thiêng liêng, không chịu phép giải tội được thì có thể ăn năn tội cách lộn (trộn), không chịu phép rửa tội được thì có thể, giục lòng ước ao hay là chịu tử vì đạo ; trái lại, phép bí tích huynh đệ này thì không lấy gì mà thay thế được[3].

Nói tóm lại, Chúa không dạy rằng sống đạo là phải tìm cách thoát thân ra bên ngoài thế giới này, mà là sống trong chính cái thế giới này với người khác như là anh em, là con cái của cùng một Cha chung là Đức Chúa Trời.

Cũng nên nhận định thêm rằng tư tưởng đạo đức như thế đã thấm nhuần văn minh Âu châu trong hàng chục thế kỷ, với hai đặc điểm : 1) con người là *nhân vị* đáng tôn trọng, và 2) *tôn giáo phải tách rời ra khỏi chính trị*. Do đó, triết gia người Nga là N. Berdiaev (1874-1948) đưa ra nhận xét : « Nếu không có Thiên Chúa, thì con người hoàn toàn phải tùy thuộc vào thiên nhiên và vào xã hội, vào vũ trụ và vào nhà nước »[4].

Có nhiều người có lý tưởng, nhất là từ Cách mệnh Pháp (1789), tuy vì nhiều lý do không còn tin vào Thiên Chúa nữa, nhưng vẫn còn giữ lại cái viễn tượng đầy hi vọng đó của đạo Giê-su : *tự do, bình đẳng và tình huynh đệ*, và đinh ninh rằng tự sức con người ta có thể thực hiện được. Thế nhưng cho đến nay ta thấy nhiều chính khách đó đây đã chiếm chính quyền, lấy đó làm bàn đạp để vươn lên thực hiện, để lật ngược cái chế độ « người bóc lột người », mà rồi - trở trêu thay ! - sau khi lớp cha ông đã gian lao tranh đấu, ra ngục vào tù, thì mấy chục năm sau, lớp con cháu lại ung dung thừa hưởng và tăng cường cái chế độ đã đảo ngược ra là « người bóc lột người ». Thật đúng như lời nhà văn người Nga là F. Dostoievsky (1821-1881) đã tuyên bố một câu trữ danh : « Nếu không có Thiên Chúa, thì người ta ai làm gì cũng được cả ». Rồi nhà văn người Pháp là Maurice Clavel phụ họa thêm vào rằng : « ..., thì người ta làm gì ai cũng được cả (tout est permis à l'homme et sur l'homme) » !

Chưa hết, ngay cả những người có tin vào Thiên Chúa, thì cũng chưa chắc đã thực hiện ngay được lý tưởng nhân bản như thế ? Vì chưa dễ gì mà « cải tội bảy mối (bảy mối tội đầu) » - nói theo kiểu đạo Thiên Chúa - , chưa dễ gì mà gột rửa được hết *tham, sân, si* – nếu nói theo kiểu nhà Phật. Vì thế cho nên tuy cái lý tưởng đó đã lan rộng ra xã hội thế tục Âu Mỹ, vượt ra ngoài giới hạn giáo hội đạo Thiên Chúa, nhưng chính giáo hội này cũng vẫn còn phải luôn luôn căn cứ vào đó để sửa đổi cho thích thời.

2) Cái gì cần phải sửa đổi trong giáo hội ?

Trước khi đi vào tư tưởng của tác giả, xin chú ý : tôi nói là « sửa đổi », chứ không nói là « sửa sai », vì không phải tất cả những gì không hợp thời đều là sai cả.

Thực vậy, nói cho đúng thì từ những lời giảng dạy có tính cách cụ thể trong Phúc âm, cho đến vô số những mệnh đề thần học và những khẩu hiệu tín lý trừu tượng của các Công đồng, ta thấy có khác đi nhiều. Muốn giữ lại tất cả như là bửu-bối, thì người ta gọi đó là « phép triển khai tín điều » (développement du dogme). Như thế thiết tưởng cũng chưa ổn, vì có những kiểu nói hay khẩu hiệu rất khó mà dung hòa được với nhau. Vì vậy các nhà thần học có ý thức lịch sử thường quan niệm rằng những mệnh đề hay những khẩu hiệu tín lý phải được hiểu theo ngôn ngữ được dùng trong văn hóa của thời đại[5].

Nhận định được đâu là trọng tâm của đạo Chúa, ta có thể tương đối hóa tất cả những định chế, những quan niệm, những lối hành đạo cụ thể mà giáo hội, trong suốt hai mươi thế kỷ, đã đặt ra để thích nghi với hoàn cảnh lịch sử và trình độ văn hóa của các dân tộc, cũng như của

các giai cấp, các cá nhân. Tương đối hóa không có nghĩa là tuyên bố tất cả đều vô giá trị, nhưng là nêu lên tính cách lịch sử, tạm thời, của tín điều và của các thể thức phụng tự và sống đạo.

Vấn đề căn bản được cha J. Moingt có ý đặt ra ở đây là cơ cấu tổ chức của giáo hội.

Trước khi đi vào tư tưởng của tác giả, thiết tưởng cũng cần phải nhắc lại rằng : cái phẩm trật giáo hội rất là phiền phức, đã do nhu cầu của từng thời đại mà được phát triển dần dần trong 20 thế kỷ, và ấn định trong bộ giáo luật của giáo hội Công giáo Roma, thì đã không có sẵn trong Phúc âm hay là trong sách Công vụ các thánh tông đồ. Đã thế, ở miền Đông Địa-trung-hải thì không được Giáo hội Chính thống, và ở miền Tây lại cũng không được các tông phái Tin lành, Anh-giáo công nhận. Thế thì nó ở đâu mà ra ? Chẳng lẽ cứ bóp trán suy luận mà « triển khai tín điều » thì tất nhiên là có ? Trả lời cho câu hỏi này tức là tương đối hóa cái phẩm trật đó. Như thế không có nghĩa là giáo hội đã làm sai ngay từ đầu, và bây giờ phải sửa sai ; nhưng có nghĩa là những cái đã thích nghi với hoàn cảnh lịch sử và văn hóa này, thì nay không tất nhiên còn phù hợp với hoàn cảnh lịch sử khác.

Trong quan niệm như thế, tác giả đã đọc lại lịch sử của phẩm trật Hội thánh, đại khái như sau đây :

Trong giai đoạn thứ nhất, cộng đồng có nhiều *công tác, công vụ*, làm dần dần thì đi đến chỗ chuyên môn, thành ra những *chức vụ*. Đến thế kỷ III, thì bắt đầu có phân biệt : người có chức vụ thì được ban cho *chức thánh*, gọi là *giáo sĩ*, để phân biệt với người giáo dân thường. Như ta biết : người lo việc *giám thị* hay *giám quản* thì được chức là *giám mục*^[6], người lớn tuổi, trưởng lão, tức là *đạo trưởng* (presbytre), thì được chức gọi là *linh mục* (prêtre), rồi đến người giúp việc để lo các công tác vật chất về việc bác ái (diaconos, diacre) cũng có chức thánh nữa. Đến khi việc đạo đặt trọng tâm vào tế tự, thì linh mục hay đạo trưởng gọi là chánh tế, và người giúp việc chuyển thành vị *phó tế*. Cái tôn ti đẳng cấp như thế đã được đặt thêm ra do nhu cầu, cho nên không ai lấy làm lạ, vì khi đạo được truyền bá thì bắt đầu có một số người hiểu lệch lạc đi - gọi là bè rối - , cho nên cần phải đặt những chứng nhân có uy tín vào chức vụ lãnh đạo, để chỉ đường cho giáo dân biết đâu là chính đạo,.

Từ đó mà đi thì giáo hội đã quen thuộc với quan niệm *quyền bính thiêng liêng*, trong cái thế giới đã được tục hóa, Thường thì, như ta biết, xưa nay các tôn giáo khác, nhất là Hồi giáo, không có phân biệt việc đạo với việc đời. Riêng người Do thái, thì Thánh Kinh của họ đã tục hóa vũ trụ và tục hóa chính quyền : vũ trụ thiên nhiên, cũng như chính quyền và bản thân của vua chúa, hay của nhà cầm quyền, đều không có gì là thần thiêng cả. Cho nên có lẽ đây là trường hợp có một không hai : từ khi nước mất nhà tan, phải lưu đầy khắp nơi, từ năm 587 trước Công nguyên cho đến khi tái lập quốc gia năm 1947, nghĩa là trong hơn 25 thế kỷ, họ cố gắng trung thành giữ đạo mà không nhờ vào uy lực của nhà nước nào cả. Đạo Giê-su Kitô từ đạo Do thái mà ra, đã bành trướng quan niệm tục hóa thế giới này như thế, nhất là ở Âu châu, cho nên tôn giáo không còn can thiệp vào khoa học về vũ trụ thiên nhiên, không còn làm nền tảng cho tổ chức xã hội, cho luân thường đạo lý, cho triết học nữa.

Tuy nhiên, người theo đạo thì nhiều khi cũng bị quyền rũ như người khác, mà coi những yếu tố tương đối, tạm thời, trong đạo như là lời dạy dứt khoát, tuyệt đối, của Thiên Chúa, không thay đổi được. Mà quên đi rằng xã hội tục hóa ở Âu châu này không phải là vì đã mất ảnh hưởng của đạo Giê-su, nhưng chính là vì một phần đang nhằm thực hiện cái ý hướng căn bản của đạo.

Như vừa nói, giáo hội không còn có tham vọng gì về quyền bính thế tục, đồng thời cũng không muốn để cho quyền bính thế tục tìm đủ cách lợi dụng, mà chỉ căn cứ vào quyền bính thiêng liêng mà thôi. Trong phạm vi hạn hẹp này, sự phân biệt giáo sĩ^[7] với giáo dân, tuy lúc đầu là do nhu cầu tạm thời, nhưng sau mười mười hai thế kỷ, khi hoàn cảnh văn hóa xã hội đã

thay đổi, thì không còn thích thời nữa, và sinh ra nhiều vấn đề nan giải. Thực vậy, khi đại đa số giáo dân chưa biết đọc biết viết, thì giáo sĩ dĩ nhiên là bậc thầy : nhưng từ thời Phục hưng ở Âu châu, số người được đi học đã tăng lên, lại vào lúc phát minh ra kỹ thuật in sách, cho nên văn hóa cũng như sách thánh được phổ biến rộng, không còn phải là phép bí truyền của hàng giáo sĩ nữa.

Ai cũng biết như thế, nhưng cái gì đã thành tập tục « kinh niên » thì rất khó thay đổi. Vào đầu thế kỷ XVI, gặp lúc mà giáo triều Roma còn đang suy đồi, tranh quyền với vua chúa ngoài đời, thì thầy dòng Martin Luther (1483-1546) đòi phải cải cách giáo hội : một đảng thì trở về nguồn là *Thánh Kinh*, một đảng khác thì trở về tổ chức giáo hội như trước khi phân biệt giáo dân với *giáo sĩ có chức thánh*. Vì lẽ trong bức thư thứ I của thánh Phê-rô có viết về các tín hữu rằng : « Còn anh em, anh em là *giống nòi được tuyển chọn, là hàng tư tế, vương giả, là dân thánh, dân riêng của Thiên Chúa, để loan báo những kỳ công của Người* » (1 Pr 2, 9). Như thế có nghĩa là tất cả các *giáo dân là hàng tư tế, là dân thánh*, chứ không riêng gì một số người được chức thánh. Nhưng đó là điều mà người ta hay lơ đi, không nhắc tới. Đòi hỏi cải cách này đã đến vào lúc cơ hội chưa thuận tiện, và kết quả là Luther bị kết án là làm bẻ rối - từ đó sinh ra chia rẽ Công giáo với Tin lành -, và phía Công giáo Roma càng tăng cường quan niệm về chức thánh của giáo sĩ, đồng thời ít để ý học hỏi về Thánh Kinh như bên Tin lành[8].

Bây giờ ta đi vào quan niệm và đề nghị của cha J. Moingt. Cha viết vào lúc cơn khủng hoảng của giáo hội Công giáo Âu châu đã tới cao độ, tưởng chừng như đã tới giai đoạn tối cao. Nhiều người đã đánh chuông báo động nhưng không có hiệu quả là bao nhiêu.

Thực vậy, sau Cách mệnh Pháp, và nhất là vào cuối thế kỷ XIX, giáo hội không còn là một thế lực chính trị về phần đời nữa, tuy vẫn giữ sứ mệnh truyền đạo. Muốn chu toàn sứ mệnh, Tòa thánh nhận định là cần phải có giáo dân tham gia, cho nên đầu thế kỷ XX đã đứng ra lập phong trào Công Giáo Tiến Hành cho giáo dân làm ; nhưng lại cứ nhất định là giáo dân phải được hàng giáo phẩm chính thức ủy nhiệm và kiểm soát. Sau này phong trào các linh mục làm thợ đã sáng lập bên Pháp, nhưng sau mấy năm hoạt động thì bị Tòa thánh Roma bắt phải ngừng năm 1953.

Vẫn chưa hết, ở Âu châu từ mấy chục năm nay, nhất là ở Pháp, số linh mục càng ngày càng ít đi, cho nên mỗi vị phải coi từ ba bốn cho đến mười mười lăm xứ đạo, thật là mệt mỏi đến gần như thất vọng. Rồi dăm sáu giáo phận chung nhau mở một đại chủng viện, và mỗi giáo phận thì mỗi năm, hay là hai ba năm, mới được một linh mục mới[9]. Có nhiều công việc trước đây là do linh mục đảm nhiệm, mà ngày nay đã giao phó một phần cho giáo dân, không những như : dạy giáo lý cho trẻ em và cho người lớn dự tòng, lo việc tang chế, quản lý ngân quỹ nhà thờ, mà cả trọng trách làm giáo sư dạy thần học trong đại chủng viện và trong phân khoa thần học ở cấp đại học[10]. Giải pháp dễ dãi mà các giám mục Âu châu đã dùng là : sang nước Ba-lan, hay là quay trở lại các xứ truyền giáo cũ ở Phi châu, ở Ấn-độ, Việt Nam, v.v. để tuyển dụng hàng nghìn linh mục sang coi xứ bên này. Có những linh mục Phi châu làm việc ở bên này mấy năm trong khi du học, thì lại không muốn hồi hương làm việc, tuy bên nhà còn thiếu linh mục hơn ở Âu châu. Cho đến nỗi Tòa thánh đã phải viết thư cảnh cáo[11]. Đã có người đề nghị truyền chức thánh cho một số người đã có gia đình, như trong dăm sáu thế kỷ đầu của giáo hội, nhưng không được[12], và thực ra cũng chưa phải là giải quyết vấn đề.

Đứng trước tình trạng đó, cha J. Moingt đã có những suy luận và đề nghị sau đây :

Một là : Cần nhất là giáo dân phải tạo nên một cộng đồng, nhằm mục đích là đọc, học hỏi về Thánh Kinh và chia sẻ với nhau, rồi họp nhau để cùng cầu nguyện.

Cha viết : « Buổi cầu nguyện dần dần sẽ được tổ chức phong phú hơn, và rồi rất có thể là một ngày nào đó anh chị em sẽ phải quyết định rằng buổi cầu nguyện như thế sẽ thay cho lễ ngày chủ nhật : và đây là một hành động mới, thay đổi hẳn thói quen phụng vụ kỳ cựu »[13].

« Buổi đầu thì còn giống giống như những buổi họp ngày chủ nhật mà không có linh mục (ADAP : assemblée dominicale en l'absence de prêtre). Rồi dần dần sẽ biến chuyển sang hình thức mới của buổi phụng tự mà trung tâm là phép Thánh Thể ; vì lẽ rằng không có lý do gì để từ chối không cho một cộng đồng được hưởng lương thực tự nhiên và cần thiết cho đời sống ki-tô-hữu, tức là đặc điểm riêng của người theo đạo Chúa Cứu thế » (Sđd, tr 63).

Dĩ nhiên là không dễ gì mà làm ngay như thế được, vì sẽ đụng chạm rất nhiều. Vì dù sao linh mục tuy rất ít, nhưng vẫn còn đó, thì để làm gì ? Và rồi vẫn sẽ có ơn kêu gọi làm linh mục.

Cha viết tiếp : « Hi vọng là sẽ có ơn kêu gọi làm linh mục, như thế có được không ? Xã hội nào không phát sinh ra linh mục nữa, thì tức là xã hội ấy không còn muốn tiếp tục sống theo như cái mẫu mực tôn giáo đã đặt ra từ xa xưa. Một khi ta không còn ảo vọng như thế nữa, thì ta sẽ thấy một cách hiển nhiên là nếu có thay đổi, thì chỉ có thể thay đổi từ dưới lên mà thôi, và khi giáo dân, do sức Chúa Thánh Thần thúc đẩy, đã bắt đầu ra tay hành động, thì toàn thể giáo hội sẽ nhận ra được đó là con đường cứu rỗi » (Sđd, tr 65).

Hai là : Xét về cái định chế về linh mục như ngày nay, thì cha J. Moingt có viết một đoạn sách rất quan trọng[14], được trưng dẫn ra trong sách này (tr 159-180), mà đề tài là : *Phê bình định chế linh mục. Đề nghị những cơ cấu mới (Examen critique de l'institution sacerdotale. Nouvelles structures proposées)*. Nội dung là như sau :

a) *Phê bình định chế linh mục*

Cái định chế về linh mục bị vướng vào hai khuyết điểm : 1) vì không thể chứng minh rằng đó là do chính Thiên Chúa đã sáng lập ra ; 2) vì nó quá khích, đến nỗi coi đó là bản quyền tư tế của hàng giáo sĩ có chức thánh, trong khi trong thư đã dẫn của thánh Phê-rô, thì rõ ràng dân Chúa, giáo dân, ngay từ đầu đã là *hàng tư tế, là dân thánh*, chứ không riêng gì một số người sau này mới được chức thánh.

Bây giờ ai cũng biết là như thế. Nhưng cái tập tục đã có từ nghìn năm thì khó mà lay chuyển. Ví dụ chính Công đồng Vaticanô II, tuy đã chấp nhận dân Chúa là hàng tư tế, nhưng lại cho rằng chức vụ ấy phải tùy phụ vào hàng giáo sĩ có chức thánh mà trong Tân Ước không có nói đến : nói thế khác, dân Chúa có thể tham dự vào, nhưng vì không có chức thánh cho nên không có thể tham gia tích cực vào được. Nói cho đúng thì nếu dân Chúa là dân có chức tư tế, « nếu mọi người đều là thầy tư tế, thì như thế không còn có thầy tư tế (thầy cả thượng phẩm) như trong Cựu Ước nữa ; lại cũng không thể có một thiểu số giữ bản quyền làm thầy tư tế riêng cho mình, mà cấm không cho người khác làm » (Sđd, tr 169). Thiểu số đó cũng là thành phần dân Chúa như các người khác. Có thể thôi.

Nhưng riêng về điểm này thì Công đồng Vaticanô dạy rằng chức tư tế của mọi người và chức tư tế của hàng giáo sĩ thiểu số đó « không những khác nhau về mức độ, mà khác hẳn nhau về bản tính » (*Lumen gentium*, số 10). Cha J. Moingt không đồng ý, cho rằng suy luận như thế thật là không hợp lý chút nào, vì không có lý do gì mà sau khi đã công nhận rằng « hai thứ tư tế đó đều là hai thể thức tham dự vào chức tư tế duy nhất của một Chúa Ki-tô » thì lại thêm rằng hai thể thức đó « không những khác nhau về mức độ, mà khác hẳn nhau về bản tính ». Cha viết : « Chẳng lẽ hai thể thức tham gia đặc biệt (vào cùng một thực tại) lại làm cho bản tính hai bên khác hẳn nhau ? » (Sđd, tr 173).

b) Đề nghị những cơ cấu mới

Cha J. Moingt đề nghị là nên phân biệt ra hai loại tư tế, phụng tự : phụng tự có tính cách công cộng, và phụng tự có tính cách riêng tư trong những cộng đồng nho nhỏ. Phụng tự công cộng thì dành riêng cho lớp giáo sĩ « có chức thánh », nhưng cả hai loại phụng tự đều phải được vị giám mục sở tại chuẩn y, nhất là chuẩn y cộng đồng nhỏ. Sau đây là lý luận của cha :

« Cộng đồng phải được giám mục thừa nhận mới được hoàn toàn là thành phần lịch sử của dân Chúa có chức tư tế, nhưng tính cách riêng tư của hành động phụng tự không đòi hỏi phải có thầy tư tế đã được truyền chức. Phép Mình Thánh Chúa được cử hành ở đây trong cộng đồng đã được giám mục chuẩn y và người đứng đầu chủ tọa buổi lễ với tư cách là chủ tịch cộng đồng và nhân danh chức tư tế của chung dân Chúa » (Sđd, tr 179-180).

« Có lẽ giáo hội sẽ bó buộc phải truyền chức cho những người đã có gia đình và cho phụ nữ nữa, để bù vào số ít người có ơn kêu gọi làm linh mục, miễn là giải pháp này không có ý là để giáo dân phải luôn luôn bám vào lớp giáo sĩ đã được truyền chức, mà không nhờ vào được ơn ích của chức tư tế chung cho cả dân Chúa » (Sđd, tr 180).

Thiết tưởng phải có nhiều hiểu biết và nhiều can đảm mới đề nghị ra được giải pháp này, một giải pháp vừa không động chạm gì đến các giáo sĩ đã được truyền chức theo như truyền thống lâu đời của giáo hội, nhưng lại càng ngày càng ít đi ; mà trái lại còn làm bớt gánh nặng cho các vị đó. Đồng thời gây cho giáo dân ý thức trách nhiệm đối với giáo hội, và bảo đảm cho giáo dân ở xa nơi có linh mục được hưởng quyền tham dự vào phép Mình Thánh Chúa. Sau cùng thì giải pháp này tránh cho giáo hội cái nạn, mà ta thường thấy trong nhiều tổ chức lấy danh nghĩa Chúa Giê-su Ki-tô, là bất cứ ai tự tiện làm gì cũng được.

Lambersart, ngày 11/08/2013

TRẦN Văn Toàn.

[1] *Humanisme nouveau* : đó là quan niệm *nhân bản mới*, được trình bày trong bài thứ hai của cuốn sách này.

[2] Đó là nội dung bài *Lập trường nhân bản theo như Phúc âm*, tức là bài thứ hai của cuốn sách mà鄙 nhân đang giới thiệu.

[3] Xem : Louis Evely, *Une religion pour notre temps*, Ad Lucem, Paris, 1962, tr 115 : « Le Seigneur nous a donné un sacrement sans suppléance : les pieds de votre voisin à laver ... Alors Il vous a donné le lavement des pieds qui surpasse tous les Sacrements, puisque tous les Sacrements admettent des suppléances, mais pas votre voisin : celui-là vous l'avez toujours à votre portée ».

[4] Xem : *Essai d'Autobiographie spirituelle*, Paris, Buchet-Chastel, 1958, tr 222.

[5] Ví dụ như cố giáo sư Antoine Chavasse (1909-2005) đã dạy thần học ở đại học công giáo Lyon (1938-1956) và ở đại học Strasbourg (1956-1983). Khi giảng dạy về tín lý, thì trước hết căn cứ vào Thánh Kinh, sau đó thì xem trong lịch sử cổ nhân (các thánh giáo phụ) đã triển khai ra như thế nào bằng từ ngữ thông thường và bằng từ ngữ của triết học từng thời đại (Platon, Aristoteles, Thomas, v.v.), và sau cùng thì giáo sư dùng từ ngữ đương thời của triết học nhân vị (Maurice Nédoncelle) và triết học hiện sinh (Maurice Merleau-Ponty), để nói lên cho người đương thời hiểu được.

[6] « Mục » là « chẵn dất » như chẵn chiên, chẵn trâu : *pasteur* là *mục đồng*, *mục tử* hay là *mục sư*.

[7] « Sĩ » đứng hàng đầu trong bốn hàng : *sĩ, nông, công, thương*. Khi bắt đầu giảng đạo ở Việt Nam, thì người giảng đạo tự xưng là « thầy », nghĩa là bậc nhì trong ba cấp : *quân, sư, phụ*. Giám mục là « đức thầy », linh mục là « thầy cả ». Từ đó sinh ra tổ chức « nhà thầy », gồm thêm : *thầy cai, thầy giảng (kẻ giảng)*, v.v... Sau này mới dùng đến những danh từ có tính cách gia đình : *cha, đức cha, đức thánh cha, đức ông, cụ, cố*, v.v.

[8] Cho đến nỗi, như ở Việt Nam trước đây hơn nửa thế kỷ, giáo dân được dạy là ngày chủ nhật, phải đi xem lễ, cần nhất là xem từ khi vào « canon », nghĩa là từ kinh đại-tạ, còn phần trước là phần đọc sách thánh (bằng tiếng la-tinh), có đến không kịp mà phải mất, thì cũng không mất lễ.

[9] Có một số người xin vào đại chủng viện (ở đây không còn tiểu chủng viện nữa) sau khi đã có ăn học, có nghề nghiệp làm ăn mấy năm ở ngoài đời, như kỹ sư, giáo sư, trạng sư, nông dân, thợ thuyền, v.v.

[10] Ví dụ trong phân khoa thần học ở Lyon, Lille, Angers thì đã có những người không có chức thánh, cả đàn ông lẫn đàn bà, được bầu làm khoa trưởng. Vào khoảng năm 1970, đã có người đặt vấn đề với hàng giám mục : có một số giáo dân đã được huấn luyện, có bằng cấp về thần học, vậy giáo hội có biết dùng sở trường của họ làm gì cho giáo hội hay không ? Nhưng không thấy ai trả lời cả.

[11] *Instruction sur l'envoi et la permanence à l'étranger des prêtres du clergé diocésain des territoires de mission (12/06/2001)* do Bộ truyền giáo ở Roma.

[12] Thực ra thì ở Pháp đã có truyền chức linh mục cho mấy người đã đến tuổi về hưu, góa vợ, và con cái đã thành thân cả rồi. Như tôi biết thì trước đây hơn nửa thế kỷ thì ở hai giáo phận bên Đức, là Mainz và Paderborn, đã có truyền chức cho mấy vị mục sư Tin lành đã trở về Công giáo, mà vẫn còn được giữ gia đình, vợ, con.

[13] Xem : *Faire bouger l'Eglise catholique*, tr 60. - Bên anh em Tin lành thì thường họp nhau ngày chủ nhật để đọc sách thánh, chia sẻ, nghe giảng và cầu nguyện, rồi thỉnh thoảng (hai ba chủ nhật một lần) mới có chia sẻ bánh rượu như trong thánh lễ mi-sa (đại tạ).

[14] Đoạn sách này trích ra từ bộ sách *Dieu qui vient à l'homme*, tập II / quyển 2, tr 824-867.

VỀ MỤC LỤC

YÊU THẬT – MẤY AI?

Mẫu Bút Chì

(Trích tập san ghxhcg tập 9)

Những ngày đầu tháng 7 tại Huế

Xã hội ngày nay tràn ngập sự giả dối: hàng giả, học vị giả, đám cưới giả (chồng giả, vợ giả!); công ty ảo, tài chánh ảo, vinh hoa ảo; sống hình thức bề ngoài, xã giao hình thức bề ngoài, và... xây cất cũng hình thức bề ngoài nốt! Tình hình đó khiến lòng người cứ nơm nớp, hoang mang với hai xu hướng: Một là cảnh giác, e dè, thậm chí sợ hãi sự dối trá lọc lừa; hai là thềm được “gặp” cái thật, “ở chung” với “người thật, việc thật”. Thế nhưng **mấy ai** quyết chí SỐNG theo sự thật, TÌM KIẾM sự thật và XÂY DỰNG sự thật?

“**Mấy ai**” nghĩa là vẫn có, vẫn còn những “ai” – dù ít nhưng có. “**Mấy ai**” ấy phải mang trong mình một tình yêu rất thật, xuất phát từ Đấng Tối Cao, đủ mạnh để vượt qua tuổi tác, khó nghèo, và đủ thứ ngăn trở khác.

Tôi biết một linh mục già, đã quá tuổi “thất thập cổ lai hy” mà vẫn miệt mài ngược xuôi phổ biến giáo huấn xã hội của Giáo Hội, mong muốn xây dựng một xã hội lành mạnh, tôn trọng phẩm giá con người và trật tự luân lý.

Tôi biết một linh mục trẻ, vì nhiệt huyết rao giảng Tin Mừng, đã không ở yên nơi thâm nghiêm kín cổng cao tường mà can trường bước ra chốn đầu sóng ngọn gió, đứng mũi chịu sào.

Tôi còn biết nhiều linh mục khác, có tuổi cũng như trẻ tuổi, thương mến giáo dân vô cùng. Có vị ra tận ngõ đón đợi giáo dân (làm tôi cứ nhớ đến người cha nhân hậu trong dụ ngôn Tin Mừng), để mà truyền dạy hết lòng những bài học quý báu cho dù giữa trưa hè oi ả. Có vị “chẳng có gì làm của” ngoài sự khó nghèo, nhưng để được ai biếu món gì ngon lại gói ghém đem cho giáo dân, bề ngoài khiêm nhu hết mực nhưng bề trong lại chứa đựng một ý chí rất kiên cường. Có vị “tuổi đời còn mệnh mông” nhưng dấn thân cho công lý, cho người nghèo không hề mệt mỏi, cho dù lắm lúc phải “tróc vẩy, trầy vè”.

Tôi biết có những tu sĩ nam nữ âm thầm trong đời sống khó nghèo, mai danh nhưng không ẩn tích, mà hòa vào dòng đời lắm lúc như những đợt sóng dữ. Ngày ngày la cà ở các bờ kênh hôi thối hay các khu nhà ổ chuột, lân la trò chuyện, đánh bạn với các trẻ đánh giày hay bán bánh mì, vé số. Các vị ấy cũng làm thân với các cô gái phải bán thân để nuôi gia đình, hoặc những người mang những căn bệnh bị xã hội hắt hủi rẻ khinh, để rồi trong ơn Chúa, tìm cách băng bó những mảnh đời bất hạnh, những tâm hồn tan nát ấy.

Đâu đó trong cuộc đời, tôi gặp những con người rất thành đạt, có học vị, có lợi danh. Nhưng họ lại làm tôi ngỡ ngàng, ngạc nhiên quá đôi khi họ sống quá giản dị, đơn sơ. Họ làm việc hối hả để cống hiến cho đời. Họ như sợ những tháng ngày của đời người lướt qua như bóng câu qua cửa sổ. Và tôi cũng gặp những con người có cuộc sống thật túng thiếu, khó khăn, nhưng trái tim thật quảng đại. Họ như nhận ra Chúa mượn đôi chân họ để đến với tha nhân, mượn đôi tay họ để chăm sóc người nghèo. Đó là những người thật đáng kính trọng!

Sẽ là thiếu sót nếu chỉ tán phục, ngợi khen những con người đáng mến ấy mà không nhắc đến những bậc làm cha mẹ, những người vợ, người chồng hay những người con đang âm thầm cổ vũ những hành vi đẹp, những hy sinh quên mình cho tha nhân. Họ hết thủy đều mang trong mình một tình yêu rất thật, rất đẹp, lấp lánh dung mạo của Thiên Chúa Tình Yêu.

Chẳng “**mấy ai**” nhưng nếu có kể cũng không cùng.

Tôi cũng biết một “chuyện tình” giữa những tâm hồn đồng điệu thật đẹp: “**Mấy ai**” Sài Gòn đi tìm “**mấy ai**” Huế để nối rộng vòng tay. Chỉ có bấy nhiêu mà sao như cảm thấy cả đất trời và lòng người đều nao nao xúc động.

Cơn mưa Huế bắt chợt giữa mùa hè nóng bức như rửa trôi những căng thẳng, lo âu của lòng người, trả lại cho Huế cái nhẹ nhàng, lắng sâu. Cơn mưa như phép màu, như cái ôm hôn

nhẹ nhàng của Chúa Cha nhân từ dành cho những đứa con bé nhỏ. Cơn mưa giữ chân người ở lại cùng nhau, để bày tỏ những điều cần thiết, để cõng mở và kết liên.

Rồi bữa cơm chia tay, cơn mưa lại đến, nhũn nhặn, nấn ná, để bầu khí trò chuyện càng thân tình. Bao nhiêu xúc động, suy tư, bao nhiêu trải nghiệm tuôn trào. Huế - Sài Gòn bắt tay nhau, nối kết nên một.

Sống cho sự thật vốn đã khó, yêu thật giữa dòng đời dối trá này lại càng khó hơn. Trong niềm tin tôn giáo, tôi tin tình yêu ấy đến từ trời: Một “tình yêu tay ba mang hình Thập Tự”, như tình yêu giữa Huế - Thiên Chúa - Sài Gòn.

Tôi luôn tin rằng mọi Tình Yêu chân chính bền vững – giữa cá nhân với cá nhân, tập thể với tập thể - đều phải có sự hiện diện của Chúa, Ngài ở giữa. Ngài là chất keo nối kết tuyệt vời.

VỀ MỤC LỤC

SỐNG SỰ THẬT NÂNG CAO PHẨM GIÁ

Cát Minh

Người ta kể lại rằng em về trung tâm này trong một bộ dạng “chẳng giống ai”: đen đui, ốm tồng ốm teo, chân đi lòng không, còn giọng nói thì tiếng được tiếng mất...

Thưở còn thơ, cha bỏ ba mẹ con em từ khi em chưa chào đời. Mấy mẹ con dất dứ đầu đường xó chợ xin ăn. Rồi mẹ và người em gái cũng bỏ em mà ra đi mãi mãi. Em chẳng nhớ nổi mặt mẹ, cũng chẳng nhớ người đã cưu mang em trong những ngày sống lang thang ấy. Người ta đưa em về đến trung tâm này, tưởng rằng từ đây cuộc đời em sẽ được bù đắp những thiếu thốn, con đường tương lai em rộng mở phía trước. Khốn thay, người ta xử lý với những ngộ nghich trẻ con của em bằng roi đòn, bằng sự quất nạt, nhục mạ. Phòng của chú bảo vệ là nơi trú ngụ an toàn của em sau những trận đòn roi. Rồi thì những hứa hẹn ban đầu của nơi ấy cũng chẳng níu chân em được.

Em bỏ đi, đi lâu tới nỗi người ta gạch tên em trong sổ hộ khẩu của trung tâm mà chẳng cần truy tìm xem em đang phiêu bạt nơi nào, cũng chẳng cần xét đến việc ấy có ảnh hưởng tới tương lai sau này của em ra sao. Rồi giấy chứng minh nhân dân – thứ giấy tờ hợp pháp còn lại cuối cùng chứng minh với xã hội rằng em là công dân chính hiệu nước Việt Nam – cũng thất lạc đâu đó. Bao năm nay em đi tìm xin (!) cho mình quyền được là công dân hợp pháp, thứ trước đây em đã có, tìm hoài tìm hủy mà chưa được. Em nói sự thật về bản thân mình, tìm đủ cách để chứng minh cho người ta biết rằng “người thật, việc thật” là đây, nào có mấy người tin; nhưng không tin cũng vẫn còn đường: Người ta nói rằng giả như em có tiền thì sự thể đã khác. Vậy mới biết rằng ở trên đời này, có nhiều thứ được giải quyết bằng lòng tin, nhưng cũng có vô số thứ chỉ cần tiền, có nhiều tiền, là đủ, là có thể “biến không thành có, có thành không”.

Em lấy vợ, vợ em xinh xắn, giỏi giang. Gia đình vợ em từ mặt hai vợ chồng em vì họ không muốn gả con gái mình cho một đứa “khổ rách áo ôm”, không cha không mẹ như em. Em nghèo khổ, em không cha không mẹ, điều đó là thật, nhưng còn một sự thật khác quan trọng hơn: em là người hiền lành, tốt bụng, luôn nỗ lực kiếm tiền bằng sức lao động của mình và trên hết là hai vợ chồng em yêu thương nhau hết mực. Người ta đã chẳng thấy sự thật ấy, và vì vậy, người ta không cho em cơ hội được nhìn nhận đúng với phẩm giá của mình.

Em muốn sự thật về bản thân mình được nhìn nhận như bao người khác. Không biết trên đường đời muôn nẻo em sẽ xoay sở thế nào. Cầu xin ơn trên cho em vẫn vững tin vào những điều thật và được sống trọn vẹn với sự thật về mình, để phẩm giá em được nhìn nhận đúng nghĩa và trở nên tròn đầy hơn.

(Trích tập san GHXH tập 9)

VỀ MỤC LỤC

ĐƯỢC SAI ĐI

Tôi vừa trở lại thành phố sau những ngày tham dự một lễ hội tạ ơn ở Pleikly. Pleikly, một vùng đất cách thành phố Pleiku vào khoảng 80 km theo quốc lộ 14 về hướng Buôn Ma Thuột. Lễ hội mừng 50 năm khánh dòng của các Cha Giuse Trần Sĩ Tín CSsR. và Phêrô Nguyễn Đức Mậu CSsR., Hai cha là hai trong các thừa sai 44 năm trước đến Pleikly, sống và loan báo Tin Mừng ở nơi đây (1963 -2013).

Câu chuyện về 44 năm trước đây tính lãng mạn và hào hùng, nhưng nghe đôi dòng sử liệu về công cuộc loan báo Tin Mừng thì chúng ta lại thấy lộ rõ đằng sau niềm vui là chất bi ai của sự gian nan khổ khó.



Ngày 10 tháng 10 năm 1963, Đức Cha Paul Seitz lấy chiếc xe Jeep cùng các thừa sai DCCT. đến Pleikly, bỏ các vị thừa sai xuống giữa làng mạc của núi rừng, ngài mở sách Phúc Âm tuyên đọc đoạn Tin Mừng Lc. 10, 1 - 6, đọc xong ngài chúc lành cho các thừa sai rồi lên xe đi về lại Kontum. Các thừa sai ở lại, ngơ ngác vào làng, và bắt đầu một cuộc sống nên người J'rai vì người J'rai. Hơn 20 năm làm người J'rai, sống, làm việc, buồn vui với bản làng, mồ hôi, nước mắt cả

mạng sống nữa (thầy Marco Đàn đã bị bắt, bị giết chết). Cuối thập niên 80, sau biến cố tuyên phong các Thánh Tử vì đạo tại Việt Nam, người J'rai nhận biết Chúa, từ đó khắp núi đồi sông suối vang lời tuyên xưng đức tin, hạt giống Tin Mừng nảy nở mạnh mẽ trên vùng đất J'rai.

Tham dự đêm diễn nguyện, nhìn anh em tôi, nhìn đồng bào J'rai ca hát nhảy múa, hồn nhiên và mạnh mẽ, tôi cảm nhận sức sống Tin Mừng tuôn tràn trên mảnh đất cao nguyên, ánh lửa bập bùng, tiếng cồng chiêng nhịp nhàng, những vũ điệu giản đơn chan chứa tình người, người J'rai cuốn mình vào bầu khí thờ phượng, đơn sơ mà mãnh liệt.

Thánh lễ tạ ơn cử hành giữa đất trời, gió sáng se lạnh, ánh dương lên ấm áp theo lời kinh, tiếng cồng chiêng vang vọng núi đồi, cộng đoàn đức tin cử hành phụng vụ sống động, họ đồng đưa theo điệu nhạc rừng, ánh mắt đầy tin yêu, bập bùng bập bùng, vang lên không dứt.

Sau Thánh lễ, anh chị em chia nhau từng gói xôi, từng miếng thịt, hơn 5.000 người không hề xảy ra giành giật, không ai lấy hai phần, không ai không có phần. Xôi và thịt gà được gói lại để thành một đồng, cứ vậy từng người đến lấy, không xếp hàng nhưng không xô đẩy, thừ tự một cách lạ lùng, không cần đếm danh, không cần phân biệt đoàn này đoàn kia. Ăn xong, anh chị em quây quần soạn (múa thờ phượng Chúa), một vòng tròn, thêm một vòng tròn nữa, thêm một vòng nữa, ... không ai bảo ai, không ai nhắc ai, trật tự lạ lùng, họ cầu nguyện bộc phát, chân thành, đơn sơ, nồng nàn, tha thiết ...



Những người đến từ thành phố gần ngơ nhìn anh chị em J'rai sống đức tin, cử hành đức tin, tuyên xưng đức tin, làm chứng đức tin,.... thật sống động. Rồi tự hỏi "ai truyền giáo cho ai?". Họ đi bộ hàng chục cây số, có người trên 100 cs, họ ngủ ngoài trời, co ro trong những chiếc khăn khoác, đồ lửa điều thuốc trên môi, các sơn nữ điệu dàng trong áo váy ngày hội, kết thêm vài dải tua cho hợp thời trang, khúc khích cười chúi vào nhau đi thành từng đám. Nhưng những con người có

về làm lì ít nói đó lại là những chứng nhân, họ sẵn sàng bất cứ lúc nào để nói về niềm vui được Chúa cứu, nỗi hạnh phúc được làm con Chúa, niềm hy vọng và lòng tạ ơn. Họ làm chứng chân thành, đơn sơ và dung dị. Mấy ai là người văn minh thành phố có được hạnh phúc này ?

Nhìn các Cha ca hát cùng con cái, nhảy múa cùng con cái, hồn nhiên cùng con cái, Tin Mừng như toát ra từ chính những cái "cùng" đó. Lạ lùng, 44 năm trước, những người trai trẻ ngoài 20 tuổi, vừa tuyên khấn được 6 năm, bỏ ngõ trước một nếp sống không hề được biết trước, chẳng có kế hoạch, chẳng có nghiên cứu xã hội, chẳng có phương tiện nào trong tay, chỉ có Chúa, chỉ có Tin Mừng, chỉ có tâm hồn tận hiến. Tin Mừng từ chính cuộc sống, từ trong lòng người, trong lòng cộng đồng dân Thiên Chúa.

Nhìn vào cộng đồng anh chị em J'rai hôm nay, chúng ta có thể hy vọng vào ngày mai, cái ngày mai của Chúa Thánh Thần tự do và sáng tạo. Bài đọc hai trong lễ Chúa nhật 28



Thường niên C, trích từ thư thứ hai của Thánh Phaolô gửi cho Timôtê có câu: **“Vi Tin Mừng đó mà cha phải đau khổ đến phải chịu xiềng xích như một kẻ gian ác, nhưng lời của Thiên Chúa đâu có bị xiềng xích!”** Không ai có thể ngăn được lời Chúa, không ai có thể xích xiềng được lời của Ngài, Thần Khí sáng tạo và ban sự sống.

Lm. Vĩnh Sang, dcct.

12/10/2013

VỀ MỤC LỤC

ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN - THIÊN CHÚA CÔNG BẰNG NHÂN TỪ VÀ HÌNH PHẠT HỎA NGỤC- VẤN ĐỀ 14 :

VẤN ĐỀ 14 : *Nói rằng Thiên Chúa là Đấng công bằng và nhân từ vô cùng. Vậy tại sao Ngài lại nhấn tâm phạt những người chỉ phạm một tội trọng trong giây lát, phải chịu hình khổ hỏa ngục đến muôn đời ?*

TRẢ LỜI :

I. HỎA NGỤC LÀ MỘT THỰC TẠI CHẮC CHẮN :

Giáo hội không bày ra hỏa ngục để dọa những người dễ tin, làm cho họ sợ hãi mà sống ngay lành như có người làm tưởng. Quả thực **Hỏa ngục là một thực tại** mà chính Đức Giê-su và các Tông đồ đã nhiều lần nhắc đến:

- Đức Giê-su nói về hỏa ngục như sau : “Nếu tay anh làm cớ cho anh sa ngã, thì chặt nó đi; Thà cụt một tay mà được vào cõi sống còn hơn là có đủ hai tay mà phải **sa hỏa ngục, phải vào lửa không hề tắt**. Nếu chân anh làm cớ cho anh sa ngã, thì chặt nó đi; Thà cụt một chân mà được vào cõi sống còn hơn là **có đủ hai chân mà bị ném vào hỏa ngục**. Nếu mắt anh làm cớ cho anh sa ngã, thì móc nó đi; Thà chột mắt mà được vào Nước Thiên Chúa còn hơn là có đủ hai mắt mà bị **ném vào hỏa ngục, nơi giới bọ không hề chết và lửa không hề tắt**” (Mc 9,43-47).

- Đức Giê-su cũng hứa thiên đàng với người trộm lành trên cây thập tự : “Tôi bảo thật anh : Hôm nay anh sẽ được ở với tôi trên thiên đàng” (Lc 23,43). Trong dụ ngôn người phú hộ và người nghèo La-gia-rô, Đức Giê-su nói đến số phận của hai người thật khác nhau : người nghèo khó La-gia-rô được đưa vào trong lòng ông Ap-ra-ham **trên thiên đàng**, còn người phú hộ phải vào **trong âm phủ** để chịu cực hình (x. Lc 16,22-23). Thánh Phaolô cũng đề cập đến **thiên đàng** trong thư gửi giáo đoàn Co-rinh-tô như sau : “**Điều mắt chúng ta chưa hề thấy, tai chưa hề nghe, lòng chưa hướng tới**, đó là những gì Thiên Chúa đã chuẩn bị cho kẻ yêu mến Ngài” (1 Cr 2,7-10)

- **Giáo lý Hội Thánh Công giáo dạy về thiên đàng** như sau : Ai chết trong ân sủng và tình nghĩa với Thiên Chúa, ai hoàn toàn được thanh luyện **sẽ sống muôn đời với Đức Ki-tô**. Họ luôn luôn **giống Thiên Chúa**, vì họ đã **thấy Ngài như Ngài hiện hữu, mặt đối mặt** như thư thánh Gio-an : “Chúng ta biết rằng, khi Đức Ki-tô xuất hiện, chúng ta sẽ nên giống như Người. Vì Người thế nào, chúng ta **sẽ thấy Người như vậy**” (1 Ga 3,2 b)... Mầu nhiệm này vượt quá mọi hiểu biết và có một số hình ảnh biểu trưng như sau : sức sống, ánh sáng, bình an, tiệc cưới, rượu thiên quốc, nhà Cha, Giê-ru-sa-lem trên trời, thiên đàng... (GLCG số 1023-1029).

- Như vậy, **chắc chắn có hỏa ngục và hình phạt trong hỏa ngục thì kéo dài đời đời** như lời Đức Giê-su đã nói : “Lửa đời đời, lửa không hề tắt”. Và những người bị đẩy vào hỏa ngục phải chịu 2 thứ khổ hình : Về tinh thần : Bị lương tâm cắn rứt vì phải lìa xa Thiên Chúa muôn

đời. Về thể xác : Phải chịu hình khổ thiêu đốt giống như lửa hồng nung nấu và “Ở đó sẽ phải khóc lóc và nghiền răng” (x. Mt 22,13).

Những hình khổ vừa nói thực nặng nề khủng khiếp. **Nhưng có người đặt vấn đề : tại sao Thiên Chúa là Đấng công bằng và nhân từ vô cùng lại nhân tâm phạt xuống hỏa ngục đời đời, đang khi con người chỉ phạm một tội trọng trong chốc lát ?**

II. HỎA NGỤC KHÔNG TRÁI VỚI ĐỨC CÔNG BẰNG VÀ NHÂN TỪ CỦA THIÊN CHÚA :

- Hỏa ngục sẽ là bất công nếu người bị đẩy xuống đó chỉ vì phạm những tội nhẹ, hoặc phạm tội nặng nhưng do nhẹ dạ và vô ý thức:

Nhưng thực ra không phải vậy: chỉ những kẻ phạm tội nặng, nghĩa là những người biết rõ ràng đó là **tội nặng** mà **cố tình từ chối lời nhắc bảo** của Thiên Chúa qua tiếng nói lương tâm và nhiều người thân... **Có sự tự do** chứ không bị ép buộc để làm điều xấu và **có thái độ cố chấp không chịu hồi tâm hối cải**... thì mới phải chịu hình phạt hỏa ngục.

- Hỏa ngục sẽ là bất công nếu người bị đẩy xuống đó không được cảnh báo trước:

Nhưng thực ra không phải vậy: Thiên Chúa đã sai Con Một của Ngài là Đức Giê-su xuống thế để **dạy loài người biết được con đường dẫn đến sự sống đời đời**. Đức Giê-su đã thiết lập Hội Thánh để loan báo Tin Mừng khắp thế gian, giúp loài người nhận biết tin thờ Thiên Chúa và sống theo con đường của Thiên Chúa để được ơn cứu độ. Trong dụ ngôn về người nhà giàu bị phạt trong hỏa ngục đã ghi lại câu nói của tổ phụ Áp-ra-ham cho thấy **chỉ những người cố chấp mới phải chịu hình phạt hỏa ngục** như sau: “Mô-sê và các Ngôn Sứ mà họ chẳng chịu nghe, thì người chết có sống lại, họ cũng chẳng chịu tin” (Lc 16,31). Gần đây trong buổi triều yết chung ngày 28 tháng 7 năm 1999, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã nói: “Hỏa ngục chỉ tình trạng của những người tự do và cố ý tự tách rời khỏi Thiên Chúa, nguồn của mọi sự sống và niềm vui”. Nói cách khác, người ta **chỉ có thể vào hỏa ngục khi người ta muốn**, và do đó không mâu thuẫn gì đến chân lý Thiên Chúa là Tình Yêu.

Còn những ai khi còn sống trên trần gian **không được nghe giảng Tin Mừng** của Đức Giê-su, nhưng **vẫn theo lương tâm ăn ngay ở lành**, thì **Chúa sẽ lo liệu cho họ có đủ phương tiện cần thiết để tin nhận Người vào giờ sau hết**, và sẽ được Chúa phán xét công minh theo lương tâm ăn ngay ở lành của họ.

- Hỏa ngục sẽ là bất công, nếu con người không được ơn Chúa trợ giúp :

Nhưng thực ra không phải vậy: Thiên Chúa là Cha vô cùng nhân hậu, là tình yêu tuyệt đối, đã **ban cho mọi người những ơn cần thiết để họ được ơn cứu độ** như thánh Phao-lô dạy : **“Thiên Chúa muốn cho mọi người được cứu độ, và nhận biết chân lý”** (1 Tm 2,4). Nơi khác ngôn sứ Ê-giê-ki-en đã tuyên sấm lời Đức Chúa: **“Chẳng lẽ Ta lại vui thích vì kẻ gian ác phải chết. Ta lại không muốn cho nó từ bỏ đường lối của nó mà được sống sao ?”** (Ed 18,23). Thánh Phê-rô cũng viết: **“Chúa kiên nhẫn đối với anh em, vì Người không muốn cho ai phải diệt vong, nhưng muốn cho mọi người đi tới chỗ ăn năn hối cải”** (2 Pr 3,9).

TÓM LẠI

PHÚT HỒI TÂM :

LỜI CHÚA : Thánh Phê-rô dạy : **“Anh em thân mến, một điều duy nhất xin anh em đừng quên : đối với Chúa, một ngày ví thể ngàn năm, ngàn năm cũng tựa một ngày. Chúa không chậm trễ thực hiện lời hứa, như có kẻ cho là Người chậm trễ. Kỳ thực, Người kiên nhẫn đối với anh em, vì Người không muốn cho ai phải diệt vong, nhưng muốn cho mọi người đi tới chỗ ăn năn hối cải. Nhưng ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm. Ngày đó các tầng trời sẽ âm âm sụp đổ, ngũ hành bốc cháy tiêu tan, mặt đất và các công trình trên đó sẽ bị thiêu hủy”** (2 Pr 3,8-10).

LỜI CẦU : Lạy Chúa Cha giàu lòng từ bi thương xót. Cha đã sai Con Cha là Đức Giê-su đến dạy dỗ loài người chúng con nhận biết Cha. Đã hy sinh chịu chết trên thập giá để đền tội thay và sống lại để ban ơn cứu độ cho chúng con. Xin cho chúng con biết đi theo con đường hẹp và sống tình mến Chúa yêu người của Đức Giê-su để sau này được về trời hưởng hạnh phúc muôn đời với Cha. Xin đừng để chúng con cố chấp nghe theo ma quỷ để làm điều gian ác, hầu tránh hình phạt hỏa ngục, nơi dành cho ma quỷ và những ai theo chúng. - AMEN.

LM ĐAN VINH - HHTM

PHỤ CHÚ :

CÓ LUYỆN NGỤC KHÔNG ?

Luyện ngục là một tình trạng, trong đó những linh hồn chết trong ơn nghĩa Chúa, nhưng chưa thánh thiện đủ để được hưởng kiến thánh nhan Thiên Chúa, nên cần được thanh luyện cho sạch mọi vết tội lỗi trước khi được Chúa cho về thiên đàng. Đây không những là một điều **hợp lý theo sự khôn ngoan và đức công bình** của Thiên Chúa, mà còn là một **chân lý đức Tin dựa trên Lời Chúa trong Thánh Kinh** và được Hội Thánh xác nhận như sau :

1. CÁC BẰNG CHỨNG VỀ LUYỆN NGỤC :

a) Thánh Kinh Cựu và Tân Ước:

- Câu chuyện về một Thủ lĩnh dân Do Thái là ông Mác-ca-bê: Sau khi chiến thắng quân thù, do tin có sự sống lại của những kẻ đã chết, nên đã quyên góp được một số tiền gửi về Đền Thờ Giê-ru-sa-lem xin dâng lễ đền tội cầu cho các chiến binh tử trận. Tác giả Sách Thánh thuật lại như sau : “Ông Giu-đa quyên được khoảng hai ngàn quan tiền và gửi về Giê-ru-sa-lem để xin dâng lễ đền tội cho họ; Ông làm cử chỉ rất tốt đẹp và cao quý này vì cho rằng người chết sẽ sống lại. Thực thế, **nếu ông không hy vọng rằng những chiến binh đã ngã xuống sẽ sống lại, thì cầu nguyện cho người chết quả là việc dư thừa và ngu xuẩn**. Nhưng vì ông nghĩ đến phần thưởng rất tốt đẹp dành cho những người đã an nghỉ trong tinh thần đạo đức. Đó là lý do khiến ông đến **dâng lễ tế đền tạ cho những người đã chết, để họ được giải thoát khỏi tội lỗi**” (2 Mcb 12,43–46).

- Đức Giê-su cũng ám chỉ phần nào về tình trạng luyện ngục khi Người nói : “Thầy bảo thật cho anh biết : **Anh sẽ không ra khỏi đó, trước khi trả hết đồng xu cuối cùng**” (Mt 5,26).

- Dựa vào những đoạn Thánh Kinh nói trên, ta có thể biết được: phải có một tình trạng gọi là luyện ngục, trong đó những linh hồn chưa được lên trời vì còn tội phải đền, hoặc những linh hồn tuy không bị hình phạt hỏa ngục vì không theo ma quỷ để phạm tội chống lại Thiên Chúa, bị giam cầm cho tới khi đền tội xong hoặc được thanh tẩy hết mọi bợn nhơ tội lỗi.

b) Giáo huấn Hội Thánh trong các Công Đồng: Chân lý có luyện ngục đã được Hội Thánh xác định trong nhiều giáo huấn Công Đồng Chung như sau :

- **Công đồng Lyon** (1245 và 1247), **Công đồng Florence** (1438-1445), và nhất là **Công đồng Trentô** (1545-1563) trong khóa 6, số 22 và 25 dạy rằng: "Ai dám quả quyết sau khi được ơn thánh sủng, tội lỗi được tha và hình phạt đời đời được xóa bỏ cho các hối nhân, **và không có hình phạt tạm bởi tội ở đời này cũng như trong luyện ngục trước khi cửa Thiên đàng được mở**, thì kẻ ấy phải vạ tuyệt thông".

- **Công đồng Trentô** khóa 25, ngày 4 tháng 12 năm 1563 tuyên ngôn thêm: "Giáo hội Công Giáo được Chúa Thánh Thần dạy, theo các văn kiện và truyền thống xa xưa của các Giáo phụ, và mới đây trong Công đồng này dạy rằng: **Có luyện ngục, và các linh hồn được thanh tẩy tại đó, được giúp đỡ nhờ những lời cầu nguyện của các tín hữu, và nhất là do công nghiệp Thánh lễ Misa**".

- **Công đồng Vaticanô II** (năm 1962-1965) trong Hiến chế Tín lý về Giáo hội đã tuyên ngôn: "Cho tới khi Chúa ngự đến trong uy nghi, có tất cả các thiên thần theo Người, và khi sự chết bị

hủy diệt, mọi vật đều qui phục Người, thì trong số các môn đệ Chúa, có những kẻ còn tiếp tục cuộc hành trình nơi dương thế, **có những kẻ đã hoàn tất cuộc sống này và đang được tinh luyện**, và có những kẻ được hiển vinh đang chiêm ngưỡng rõ ràng chính Thiên Chúa duy nhất trong Ba ngôi như Ngài hằng có" (GH 49)

2. VỀ CÁC HÌNH PHẠT TRONG LUYỆN NGỤC VÀ SỰ TRỢ GIÚP :

a) Các linh hồn bị giam cầm trong luyện ngục phải chịu **những hình phạt đau khổ không rõ như thế nào. Nhưng có lẽ đau khổ nhất là bị xa cách Thiên Chúa**. Tuy vậy, họ cũng vẫn vui mừng trông cậy vào Chúa sẽ tha thứ và nhờ đó họ sẵn lòng chịu đau khổ để được thanh luyện cho đến khi nên thanh sạch hoàn toàn để được về thiên đàng hưởng Nhan Thánh Chúa.

b) Ngoài ra, các linh hồn đang bị thanh luyện trong luyện ngục cũng được **hưởng những việc lành phúc đức của các tín hữu còn sống theo tín điều Các Thánh Thông Công**. Chân lý này an ủi những người còn sống có người thân qua đời, vì họ vẫn có thể giúp đỡ các linh hồn ấy bằng việc thực hiện các **việc bác ái từ thiện**, bằng lời **cầu nguyện hy sinh**, hưởng các **ân xá** và thi hành những **việc đền tạ** nhất là bằng việc **dâng thánh lễ** cầu nguyện cho các người thân qua đời. Bù lại, các linh hồn nơi luyện ngục cũng có thể cầu nguyện cho chúng ta. "Đó là lý do tại sao ông Giuđa Macabê đã truyền phải dâng hy lễ đền tội này cho các người đã chết, để họ được giải thoát khỏi tội lỗi của mình" (2 Mcb 12,46).

c) Sau cùng, tình trạng luyện ngục cũng **chỉ tạm thời mà thôi**. Đến ngày tận thế, sau khi thân xác mọi người đã chết đều được Chúa dùng quyền năng cho sống lại để chịu phán xét chung thì bấy giờ sẽ **chỉ còn hai tình trạng là thiên đàng và hỏa ngục** mà thôi.

: Chúng ta có thể quả quyết: Thiên Chúa không phạt bất cứ ai phải xuống hỏa ngục, nhưng **chính tội nhân đã tự đẩy mình vào hỏa ngục**, khi **cố tình làm ác và không chịu hồi tâm sám hối** trở về làm hòa với Chúa, như Đức Giêsu đã nói về **tội cứng lòng của các kinh sư Do thái vì họ đã nói Đức Giê-su bị thần ô uế ám** : "Thầy bảo thật anh em: mọi tội của con cái loài người, kể cả tội nói phạm thượng, và nói phạm thượng nhiều đến mấy đi nữa, thì cũng còn được tha. **Nhưng ai nói phạm đến Thánh Thần, thì chẳng đời nào được tha, mà còn mắc tội muôn đời**" (Mc 3,28-29). Tội cứng lòng là tội chống lại ơn thánh hóa của Chúa Thánh Thần khiến họ sẽ bị phạt trong hỏa ngục : "Vì họ nhìn mà không nhìn, nghe mà không nghe không hiểu. Thế là đối với họ đã ứng nghiệm lời sấm của ngôn sứ I-sai-a rằng: Các người có lắng tai nghe cũng chẳng hiểu, có trở mắt nhìn cũng chẳng thấy; **vì lòng dân này đã ra chai đá: chúng đã bịt tai nhắm mắt, kéo mắt chúng thấy, tai chúng nghe, và lòng hiểu được mà hoán cải, và rồi Ta sẽ chữa chúng cho lành**" (Mt 13,14-15).

VỀ MỤC LỤC

Tôi là nhà trí thức sao?

Lm. Minh Anh chuyển ngữ

Nguyên tác: Taking Flight - Bay Lên Đi

Tác giả: Anthony de Mello, S.J.

Chỉ dẫn:

Tốt nhất, các câu chuyện sẽ được đọc theo thứ tự như đã sắp xếp. Mỗi lần đọc không quá một hoặc hai mẩu chuyện nếu bạn ước ao có được một cái gì đó hơn là chỉ giải trí.

Lưu ý:

Các chuyện kể trong tập sách này đến từ nhiều đất nước, nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; chúng thuộc về những di sản thiêng liêng, những câu chuyện hài hước được ưa chuộng của dòng đời nhân loại.

Những gì tác giả làm là xâu kết chúng lại với nhau theo một ý hướng đặc thù. Công việc của tác giả là công việc của người thợ dệt và thợ nhuộm, tác giả chẳng có công trạng gì về những tấm vải và những sợi chỉ.

LTS. Chỉ dẫn và lưu ý trên đây là của tác giả. Tuy nhiên, vì Đặc San GSVN chỉ phát hành 2 tuần một lần nên mỗi số báo BBT xin giới thiệu trung bình từ 5 đến 7 mẫu chuyện. Bạn đọc có thể lưu lại để nghiền ngẫm suy tư.

Chủ đề : CHÂN LÝ

224. Tôi là nhà trí thức sao?

Chân lý không được tìm thấy trong công thức...

Một người đàn ông đang uống trà với bạn trong nhà hàng. Anh chăm nhìn ly trà hồi lâu rồi chậm rãi thở dài và nói, “Này, cuộc đời giống như một tách trà”.

Người bạn ngẫm nghĩ một lúc, chăm chú nhìn tách trà của mình hồi lâu và hỏi, “Tại sao, tại sao cuộc đời lại giống một tách trà?”.

Anh ta trả lời, “Làm sao tôi biết được? Tôi là nhà trí thức sao?”.

ﷲ

225. Chứng nào có thể

...hoặc trong những con số...

“Hồi bị cáo”, chánh án nói, “Ông phạm đến hai mươi ba điều khoản. Vì thế, thời hạn cầm tù của ông tổng cộng là một trăm bảy mươi lăm năm”.

Bị cáo là một ông lão. Ông bật khóc. Gương mặt chánh án dịu lại. “Tôi không có ý gay gắt”, ông nói, “Tôi biết án phạt mình đưa ra là một án phạt rất nghiêm trọng. Thực sự ông không phải thụ án toàn bộ”.

Mắt tù nhân sáng lên niềm hy vọng.

“Đúng thế”, thẩm phán bảo. “Ông chỉ thụ án chứng nào ông có thể!”.

ﷲ

226. Hai lần hai mươi lăm

Một giám mục ra chỉ thị, những bà giúp việc cho các linh mục phải ít nhất là năm mươi tuổi. Khi đi thăm địa phận, ngài ngạc nhiên thấy một linh mục nghĩ mình đã giữ luật bằng cách nuôi hai cô nội trợ, mỗi cô hai mươi lăm.

ﷲ

227. Đặt tên cho con

...cũng không được tìm thấy trong danh tính...

Đã đến lúc đặt tên cho con đầu lòng, đôi vợ chồng họ bắt đầu cãi nhau. Cô muốn đặt tên cháu theo tên ông ngoại; anh lại muốn đặt tên cháu theo tên ông nội. Cuối cùng họ phải nhờ kinh sư giải quyết vụ tranh cãi.

“Tên của cha anh là gì?”, kinh sư hỏi người chồng.

“Abijah”.

“Và tên của cha chị là gì?”, ông hỏi người vợ.

“Abijah”.

“Vậy thì sao lại có vấn đề?”, giáo sĩ bối rối hỏi.

“Thưa ngài, ngài thấy đấy”, người vợ thưa, “Cha con là một học giả và cha của anh ta là một tên ăn cắp ngựa. Làm sao con có thể để con trai mình mang tên của một người như thế được?”.

Kinh sư suy nghĩ cẩn thận vì đây thực sự là một vấn đề tế nhị. Ông không muốn ai trong hai người cảm thấy mình thắng hay thua.

Cuối cùng, ông nói, “Đây là điều tôi đề nghị. Hãy gọi thằng bé là Abijah. Rồi chờ xem liệu nó có trở thành một học giả hay một tên trộm ngựa hay không và anh chị sẽ biết nó được đặt tên theo ai”.

ﷲ

228. Bán xe

...hay trong những biểu tượng...

“Ta bảo con bán chiếc xe đạp của con đi”.

“Con bán rồi”.

“Con bán bao nhiêu?”

“Ba mươi đô”.

“Đó là một giá hợp lý”.

“Dạ đúng. Nhưng nếu con biết người mua sẽ không trả tiền cho con thì con sẽ đòi ông ta gấp đôi”.

ﷲ

229. Tôi sẽ được tăng lương?

...cả trong lý thuyết...

Vừa dự xong một buổi họp khích lệ sản xuất, một quản lý nhân viên vào văn phòng bảo trợ lý, “Từ nay anh được phép lên kế hoạch và tự kiểm soát công việc của mình. Điều đó sẽ làm tăng năng suất, tôi đảm bảo thế”.

“Tôi sẽ được tăng lương?”, trợ lý hỏi.

“Không, không. Tiền bạc không phải là lý do kích thích chúng ta và anh sẽ chẳng hài lòng khi được tăng lương đâu”.

“Ồ, nếu sản lượng tăng, lương tôi sẽ tăng chứ?”.

“Này”, quản lý nói, “Rõ ràng anh chưa hiểu lý thuyết động lực sản xuất. Hãy mang cuốn sách này về nhà và đọc; nó sẽ giải thích điều gì thực sự thôi thúc anh”.

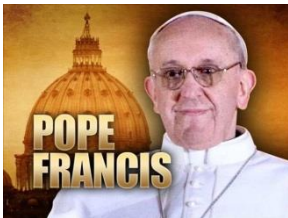
Khi đi ra, anh ta dừng lại và nói, “Nếu đọc cuốn sách này, tôi có được tăng lương không?”.

ﷲ

VỀ MỤC LỤC

TÔNG HIỆU

Lm. Stêphanô Huỳnh Trụ



Vào Lúc 20 giờ 12 ngày 13 tháng 3 năm 2013 (giờ Rôma), Đức Hồng Y Jean Louis Tauran tuyên bố: “*Annuntio vobis gaudium magnum: Habemus Papam; Eminentissimum ac reverendissimum Dominum, Dominum Jorge Mario, Sanctæ Romanæ Ecclesiæ Cardinalem Bergoglio, Qui sibi nomen imposuit Franciscum.*” (Tôi thông báo cho anh chị em một niềm vui lớn lao: Chúng ta đã có một vị giáo tông! Người khả kính và đáng tôn trọng của Thiên Chúa, Jorge Mario, Đức Hồng Y của Hội Thánh Rôma, Bergoglio, ngài sẽ gọi mình là Phanxicô). Đa số các bản tin tiếng Việt đều dịch “*Nomen pontificale*” là tên gọi, tông hiệu.... Vậy *Nomen pontificale* phải dịch thế nào?

1. Nghĩa của *Nomen pontificale* (Tiếng Anh: *The pontifical name*).

1.1. *Nomen*: (*đt.*) Một chữ, từ hay nhóm chữ dùng để gọi người, nơi chốn, hay sự vật, tên gọi.

1.2. *Pontificalis*: (*tt.*) Thuộc về đức thánh cha, thuộc về Chúa, thuộc về giám mục hay thượng tế.

1.3. *Nomen pontificale*: Còn gọi là *nomen papa* (Tiếng Anh: *papal name*) Thường người ta chỉ dịch là tên gọi của đức thánh cha, cũng có người dùng tông hiệu.

1.4. *Tông hiệu* là danh xưng mới gắn với chức vụ giáo tông trong nhiệm kỳ của ngài. Ở những thế kỷ đầu, sau khi nhậm chức, đức giáo tông vẫn dùng tên khai sinh của mình cho nhiệm kỳ giáo tông, sau này mới có việc chọn một tên khác. Vị đầu tiên thực hiện việc này là

Đức Giáo Tông Gioan II vào năm 533. Tên khai sinh của ngài là Mercurius (sao Thủy), là tên của vị thần ngoại giáo, nên ngài đổi tên này. Từ đó hình thành thói quen dùng tông hiệu. Vị cuối cùng dùng tên khai sinh của mình làm tông hiệu là Đức Giáo Tông Marcellus II vào năm 1555. Thông thường, tông hiệu được chuyển sang tiếng địa phương. Ví dụ Đức Thánh Cha Franciscus (Latinh) tiếng Ý là Francesco, tiếng Tây Ban Nha là Francisco, tiếng Pháp là François, tiếng Anh là Francis, tiếng Việt là Phanxicô, tiếng Hoa là Phương Tế Các[1]. Kể từ Đức Gioan XXIII, tông hiệu trở thành cách nhấn mạnh về đường hướng mục vụ ngài nhắm tới, mà không nhắm đến mục đích khác. Ví dụ Đức Giáo Tông Phanxicô, Ngài sẽ ưu tiên lo cho người nghèo và bệnh tật. Một khi được bầu làm giáo tông, quyết định quan trọng đầu tiên của ngài là chọn tông hiệu, việc này đã trở thành truyền thống, mặc dù không có luật hay quy tắc yêu cầu một vị giáo tông chọn một tên khác làm tông hiệu. Sự lựa chọn này phản ánh linh đạo cá nhân của ngài. Tông hiệu mới cũng cho thấy khuynh hướng thần học ngài muốn áp dụng trong nhiệm kỳ của ngài.

2. Nghĩa của tông hiệu.

2.1. Tông: có nhiều chữ Hán縱(纵), 宗, 𣎵, 驢, 𢆶(驢), 鬆, 鬢, 髻, 淙, 琮, 嶠, 惊, 棕, 櫟, 猊, 𪔐. Trong trường hợp này là chữ 宗 (tông), thuộc loại chữ hội ý. Có bộ 宀(miên) và chữ 示(thị). 宀(miên) nghĩa là nhà, 示(thị) nghĩa là thần, là tế tự tổ tiên trong nhà. Chữ này theo phiên thiết là 作(tác) 東(đông), lấy âm “t” của chữ “tác” nối với âm “ông” của chữ “đông” nên phải đọc là tông. Vẫn chữ này trước thời triều Nguyễn vẫn đọc là tông, sau vì kiêng húy vua Thiệu Trị (Nguyễn Phúc Miên Tông) mới đọc là tôn, vì vậy thuật từ nào có liên quan đến chữ này đều đọc là tôn, như: tôn giáo, nhưng lại nói tông đường. Tông hay tôn có những nghĩa sau đây: đt (1) Tổ tiên: *liệt tông*; (2) Ông tổ, người sáng lập; (3) Đỉnh trưởng tử: *Tông huỳnh*. (4) Miếu thờ tổ tiên: *tông miếu*; (5) Họ hàng: *đồng tông*; (6) Căn bản, cái gốc, đáng làm mẫu: *tông sư (người được người khác noi theo), nhất đại thi tông (nhà thơ giỏi nhất đương thời)*; (7) Nhóm theo cùng một thuyết: *chính tông; tông giáo (chủ thuyết dạy lối phải tin tưởng và hành động: religion)*; (8) Họ Tông; (9) Danh hiệu của vua; đt (10) Kính trọng; (11) Tôn sùng; tt (12) Cùng họ với nhau; (13) Chủ yếu: tôn chỉ; (lượng từ) (14) Từ giúp đếm, (sự, món, vu): *Nhất tông tâm sự*.

Nghĩa Nôm: Giống nói qua các thể hệ: *Yêu nhau yêu cả đường đi; ghét nhau ghét cả tông chi họ hàng*.

2.2. Hiệu: có nhiều chữ Hán: 校, 效, 効, 號(号), 佼, 數, 數(敦), 皎, 顥, 顥, 傲, trong trường hợp này là chữ 號, nghĩa là: (đt) (1) Tên: *Quốc hiệu*. (2) Biệt danh: *biệt hiệu* (tên tự chọn). (3) Mệnh lệnh: *Hiệu lệnh*. (4) Cơ sở làm ăn: *Phân hiệu* (chi nhánh). (5) Cờ: *Đại hiệu* (cờ lớn). (6) Dấu: *Ký hiệu*. (7) Dấu trong toán học: *Gia hiệu* (dấu cộng). (8) Số sắp theo thứ tự: *Điện thoại hiệu mã* (số điện thoại). (9) Loại: *Giá hiệu nhân vật* (loại người này). (10) Kèn lệnh: *Quân hiệu*. (đt) (11) Kêu gọi: *Hiệu triệu toàn dân* (kêu gọi toàn dân). (12) Lệnh: *Phát hiệu*. (13) Tuyên bố, khoe: *Hiệu xưng thiện hạ đệ nhất* (tuyên bố nhất thế giới). (14) Gọi là: *Hiệu Trương Sở* (gọi là Trương Sở). (14) Bắt mạch: *Hiệu mạch*.

Nghĩa Nôm: (1) Tiệm: *Hiệu buôn*. (2) Ra dấu: *Làm hiệu*.

2.3. Ngoài tên gọi đã có, đặt thêm tên thì gọi là hiệu, tức là biệt hiệu, biệt danh. Hiệu trên thực tế rất quan trọng, thời xưa những văn sĩ viết văn chỉ dùng hiệu, nếu không biết hiệu của họ, thì cũng không biết tác giả là ai. Thời Xuân Thu Chiến Quốc (770-221 TCN) bên Trung

Quốc đã có hiệu, như Đào Uyên Minh[2], hiệu là Ngũ Liễu Tiên Sinh. Thi sĩ Tô Thức[3], có hiệu là Đông Ba, nhiều người chỉ gọi ông là Tô Đông Ba. Gọi bằng hiệu là tôn trọng người ta. Trong văn hoá xưa, trực tiếp gọi tên người là vô lễ, nên khi cần gọi, thì gọi bằng hiệu. Hiệu có khi phản ánh tình hình thời đại, có khi thể hiện tình cảm của mình đối với đất nước hay nói lên ý chí của mình.

2.4. Tông hiệu: Tên mới gắn với chức vụ của giáo tông. Sau khi được bầu lên làm giáo tông, theo truyền thống, giáo tông sẽ có tên riêng khác với tên đã có sẵn, tiếng Latinh cũng chỉ dùng lại chữ *nomen* (Anh: name), tức là tên thôi. Trong tiếng Việt có thể dùng chữ hiệu, dùng chữ hiệu ở đây rất hay.

3. Kết luận.

Lựa chọn *tông hiệu* không chỉ là một quyết định mang tính truyền thống và lịch sử, mà còn có ý nghĩa biểu tượng. Theo truyền thống của Hội Thánh, tân giáo tông sẽ chọn một *tông hiệu* để thể hiện bản thân mình trong suốt quá trình lãnh đạo Giáo Hội. Truyền thống này đã được duy trì trong suốt nhiều thế kỷ qua, mặc dù không có điều luật hoặc quy định nào buộc giáo tông phải lựa chọn một tên gọi mới (tông hiệu).

Khi giáo tông có *tông hiệu* rồi, người ta sẽ gọi ngài bằng tông hiệu, để tỏ lòng tôn trọng, giống như tên hiệu của người xưa. Nên trong thuật từ *Nomen pontificale* chữ *nomen* dịch là *hiệu* thì rất đúng. Mà thuật từ *Nomen pontificale* cũng có người dịch là danh hiệu, thánh hiệu, như vậy thì không diễn tả được đặc thù của chức vụ giáo tông, nên thiết nghĩ, thuật từ *tông hiệu* là đúng nhất.

[1] Franciscus: Người Hoa tại Trung Quốc, Hồng Kông và Việt Nam vẫn dịch là Phương Tế Các. Riêng tại Đài Loan dịch là Phương Tế, nên đương kim giáo tông được gọi là Giáo Tông Phương Tế. Ngày 8-4-2013, Phủ Quốc Vụ Khanh Toà Thánh yêu cầu Hội Đồng Giám Mục Đài Loan phải thống nhất dịch là Giáo Tông Phương Tế Các. Việc làm này rất hiếm thấy trong Hội Thánh, nhưng cho thấy *tông hiệu* rất quan trọng.

[2] Nhà thơ lớn Trung Quốc thời Đông Tấn (365 - 427).

[3] Văn hào và thi sĩ thời Bắc Tống (1037-1101).

Lm. Stêphanô Huỳnh Trụ

VỀ MỤC LỤC

DỊ ỨNG THỰC PHẨM

Mấy phút sau khi ăn món tráng kem miệng với dâu tươi, bà Cúc thấy trong người bần thần, mặt nóng bừng, lưng ngứa và đổ mồ hôi. Sau đó ruột bà cồn cào như muốn ói. Chạy vội vào nhà vệ sinh, bà tống xuất hết những thức ăn vừa ăn vào. Đây không phải là lần đầu tiên bà bị như thế này. Bà nhớ lại là mình không ăn được món dâu tươi!

...Đang vui vẻ quanh bàn nhậu với mấy chai bia, vài con cua rang muối, anh Vinh bỗng thấy môi ngứa, mắt chảy nước cay sè, mũi nghẹt và khó thở. Anh phải ngưng ăn chạy vào trong phòng nằm nghỉ và nhờ vợ lấy cho mấy viên Bénédryl, vì anh tự biết mình đã bị dị ứng với thức ăn...

Những trường hợp vừa nêu trên không phải là cá biệt, mà là rất thường gặp. Nhiều người luôn luôn có cùng những phản ứng với một vài thức ăn, những thứ mà thường ra có công dụng nuôi dưỡng cơ thể. Họ đã bị dị ứng đối với các loại thực phẩm này.

Theo thống kê, trên thế giới cứ 100 người thì có khoảng 2 người bị dị ứng với thực phẩm và thường gặp nhất là ở trẻ em. Riêng tại Hoa Kỳ thì tỷ lệ người bị dị ứng nói chung lên đến 19% dân số. Tuy nhiên, các quan sát mới đây cho thấy là trong một số trường hợp người ta đã sai lầm khi ta gán cho thực phẩm những điều bất lợi mà thực sự chúng không gây ra. Do nhận xét sai lầm này, có nhiều người đã tránh không ăn một số thực phẩm cần thiết cho cơ thể chỉ vì sợ phản ứng, và điều này dẫn đến tình trạng kém dinh dưỡng. Những lo ngại không chính đáng chỉ là do sự thiếu hiểu biết đầy đủ và không nắm vững được vấn đề.

Dị ứng thực phẩm

Dị ứng thực phẩm đã được dùng để giải thích nhiều triệu chứng đôi khi có liên hệ hoặc không có liên hệ tới thực phẩm mà ta ăn vào. Nhiều người dễ dàng gán cho thực phẩm là thủ phạm của sự mệt mỏi, nhức đầu, kinh nguyệt không đều nhưng thực ra lại do căng thẳng tâm thần; có nhiều người cứ tưởng mình dị ứng với một món ăn mà thực ra họ không bị.

Dị ứng thực phẩm liên can tới hiện tượng miễn dịch với chất trung gian Histamin. Dị ứng khác với hiện tượng không dung nạp (*intolerance*) thực phẩm trong đó không có Histamine.

Dị ứng có thể gây tổn thương cho da, miệng, bao tử-ruột và hệ thống hô hấp.

Da là bộ phận chính mà dị ứng thực phẩm thường tấn công. Một giờ sau khi ăn phải món ăn gây dị ứng là da đã nổi đỏ, ngứa, thậm chí sưng tấy. Trẻ con bị dị ứng thực phẩm thường nổi ngứa phần da trên mặt, chân tay và đầu.

Người bị dị ứng thường nôn mửa, đau bụng đi tiêu chảy. Niêm mạc miệng sưng và ngứa. Hô hấp rối loạn như nghẹt mũi hoặc chảy nước mũi, hắt hơi, ngứa lỗ mũi, khó thở... Dị ứng thực phẩm nhiều khi cũng gây ra cơn suyễn ở người có sẵn căn bệnh này.

Bình thường, các triệu chứng trên chỉ thoáng qua, nhưng đôi khi có thể kéo dài và trầm trọng hơn. Nạn nhân có thể bị nghẹt thở, tim đập nhanh, huyết áp xuống thấp, đưa tới hôn mê, đôi khi tử vong. Đó là những trường hợp phản ứng quá mẫn cảm.

Dị ứng thực phẩm gây ra **do chất đạm** của thực phẩm. Bất cứ chất đạm nào cũng có thể gây ra phản ứng này, nhưng thường thường ta chỉ có vấn đề với vài ba món ăn mà thôi.

Trẻ em hay bị dị ứng với sữa, trứng, đậu phộng, đậu nành, lúa mì, cá. Người lớn thì thường dị ứng với tôm cua, đậu phộng, cá, trái dâu. Trước đây sô-cô-la cũng được gán cho là gây dị ứng. Nhiều người bị dị ứng vì ảnh hưởng tâm lý chứ thực phẩm đó thực ra không gây dị ứng.

Vài điều cần lưu ý về dị ứng với thực phẩm:

-Dị ứng có thể xảy ra tức thì hoặc vài giờ sau khi ăn;

-Dị ứng thường xảy ra vào những lúc có nhiều căng thẳng , xúc động;

-Với một số người, dị ứng chỉ xảy ra khi ăn với một số lượng khá nhiều, nhưng với người khác thì chỉ cần một chút thức ăn là đã có thể gây khó chịu;

-Thực phẩm cùng họ có thể gây ra dị ứng như nhau. Chẳng hạn như, người bị dị ứng với hành thì cũng có thể dị ứng với tỏi;

-Cùng một loại thực phẩm có thể gây ra các triệu chứng khác nhau ở mỗi người;

-Dị ứng có thể xảy ra giống nhau ở nhiều người trong cùng một gia đình vì hiện tượng miễn dịch là do di truyền kiểm soát.

-Dị ứng có thể đưa tới tình trạng kém dinh dưỡng, vì người bị dị ứng tránh không ăn hoặc không hấp thụ được món đó nhưng không biết tìm những món tương đương để thay thế;

-Dị ứng thường thấy ở trẻ em nhiều hơn người lớn.

Xác định và điều trị dị ứng thực phẩm

Chưa có thử nghiệm nào để xác định là một người có dị ứng đối với một thực phẩm nào đó hay không. Vì thế, để có thể xác định thì đơn giản nhất là dùng phương pháp loại trừ. Nếu sau khi ăn một loại thực phẩm nghi là gây dị ứng mà không có triệu chứng gì thì loại trừ khả năng dị ứng với loại thực phẩm đó, còn nếu có những phản ứng khó chịu thì đúng là dị ứng rồi.

Có thể dùng phương pháp thử nghiệm trên da với một số lượng nhỏ thức ăn để xem thức ăn đó có gây dị ứng hay không. Đôi khi cũng có thể thử máu để xem có sự hiện diện kháng thể của một thực phẩm đáng nghi nào đó.

Hiện nay không có thuốc gì để điều trị cho khỏi bị dị ứng với thực phẩm, nên chỉ có cách tốt nhất là dù thèm muốn đến đâu cũng phải tránh xa loại thực phẩm đã gây ra dị ứng cho mình.. Với thời gian, sự miễn cảm ở trẻ em có thể mất dần đi, nhưng với người lớn thì hầu như sẽ tồn tại suốt đời.

Dị ứng thường không gây ra hậu quả trầm trọng, ngoại trừ những hiện tượng thông thường như ngứa đỏ ngoài da, nghẹt mũi, chảy nước mắt... Trong những trường hợp này, chỉ cần dùng thuốc kháng histamin để giảm các triệu chứng do chất này gây ra hoặc thoa thuốc trị ngứa trên da. Những thuốc kháng histamin thường dùng là Benadryl, loratadine (Claritin), Tavist...

Nhưng nếu có các triệu chứng như nghẹt thở, tim đập nhanh, huyết áp giảm, da mặt tái xanh, đau đầu như búa bổ, đau bụng, đi tiêu chảy, sưng lưỡi, sưng cuống họng, sưng môi, ngứa toàn thân...thì đó là trường hợp *phản ứng quá miễn cảm (anaphylactic reaction)*, hay còn gọi là *sốc phản vệ (anaphylactic shock)*, có thể dẫn đến tử vong và cần được điều trị tức thì tại phòng cấp cứu.

Có nhiều ý kiến khuyên người hay bị phản ứng quá miễn cảm cần biết sử dụng thuốc *Epinephrine* để tự cấp cứu trong khi chờ đợi được đưa đến bệnh viện. Tuy nhiên trong thực tế có nên làm như thế hay không cần phải có ý kiến và hướng dẫn cụ thể của bác sĩ điều trị. Để việc tự cứu chữa được an toàn.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.bsnguyenyduc.com

Giới thiệu: Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe do Bác sĩ Nguyễn Ý Đức thực hiện

Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thầy Lang](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet, tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

====> <http://www.youtube.com/user/DrNguyenYDuc/videos>

VỀ MỤC LỤC

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 01 đến 06

(6 Chia sẻ)

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 01

MỘT VÀI KINH NGHIỆM LOAN TIN MỪNG QUA CON ĐƯỜNG ĐẠO HIẾU

Tháng Mười lại về, hết vụ Hè Thu tới vụ Đông Xuân. Với lúa ngắn hạn, trên nhiều cánh đồng các vụ gieo và gặt như gối đầu liên tục, không còn phân biệt theo mùa truyền thống... Ta lại nhắc nhau trách nhiệm loan Tin mừng Cứu rỗi cho anh chị em.

Tin mừng đã đến trên quê hương này 480 năm. Một số nhà truyền giáo thuở đầu đã nhìn truyền thống Đạo Hiếu của phương Đông như một cánh cửa rộng mở để đưa mọi người và mọi gia tộc về với Thiên Chúa Cha, Đấng là nguồn gốc mọi gia tộc trên trời dưới đất (x. Ep 3,15).

Thế nhưng rồi cánh cửa đã khép lại. Sau nhiều tranh luận của các nhà truyền giáo, Tòa Thánh đã quyết định rằng người tín hữu Công giáo phương Đông chỉ được bày tỏ tâm tình thiêng liêng đối với Ông Bà Tổ Tiên theo phụng vụ Rôma, và phải ngưng những biểu lộ bên ngoài theo truyền thống văn hóa địa phương. Suốt hơn 200 năm, người Công giáo đành mang tiếng "theo Đạo là bỏ Ông bỏ Bà" để giữ một đức tin tinh tuyền, chưa kể sự ngộ nhận ấy còn góp phần khiến cơn bách hại thêm khốc liệt.

Năm 1964, Tòa Thánh áp dụng cho người Công Giáo Việt Nam **huấn thị Plane Compertum est** đã đề ra cho Giáo hội tại Trung Hoa năm 1938, chấp thuận cho người tín hữu Á Đông được thờ cúng ông bà theo lối xưa. Ngày 14-6-1965, Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đã ra thông cáo chính thức về việc áp dụng huấn thị của Tòa Thánh.

Cho tới nay sự giải tỏa đã được **gần 50 năm**, người Công giáo Việt Nam đã mò mẫm từng bước để hội nhập lại vào một truyền thống bị gián đoạn đã quá lâu đời. Nhiều luận văn của sinh viên Công giáo và nhiều sách báo đề cập vấn đề này cũng như nhiều sáng kiến thực hành đã giúp hóa giải được phần nào ngộ nhận nói trên.

Nhân dịp sắp đến kỷ niệm 50 năm việc áp dụng huấn thị Plane compertum est, tôi cũng muốn được đóng góp cho anh chị em đồng đạo một kinh nghiệm kiếm tìm và một số minh họa, mong phần nào gợi hứng để các bạn trẻ Công giáo dần thân cho mối liên kết dòng họ bên nội và bên ngoại của chính mình. Sau nữa, tôi cũng mong được chia sẻ với đồng bào ngoài Công giáo những nỗi khó khăn và những xác tín sâu xa của người Công giáo trên đường về với

nguồn cội. Chắc hẳn những chia sẻ chân thành cũng ôm theo nhiều vụng về, đôi khi thái quá hoặc bất cập, mong được mọi người rộng lượng cảm thông và góp ý.

Tháng Mười mở đầu với lễ Chị Thánh Têrêxa Hải Đồng Giêsu, vị thánh gắn liền với giấc mơ Loan báo Tin mừng cho người Việt, và cũng là vị thánh được nâng niu giữa tình gia đình và tình gia tộc. Xin ký thác cho Chị loạt bài này như một phương án mới, một con đường giản dị để đến với anh chị em lương dân và đưa họ đến với Chúa, không còn phải là con đường lẻ loi của từng người hay từng gia đình nhưng là một con đường hành động tập thể: con đường dòng họ, họ Nguyễn cho họ Nguyễn, họ Lê cho họ Lê, họ Trần cho họ Trần, họ nào truyền giáo cho họ nấy.

Có thể là sẽ không kết thúc được với Tháng Mười, phải kéo dài sang tháng Mười Một. Tuy nhiên như vậy cũng có cái hay, để nói rằng tháng Mười chỉ là một khởi điểm để đưa sứ vụ loan báo Tin mừng đi vào cuộc sống chứ không phải chỉ là tháng để hô hào suông. Một số đoạn trích lại từ quyển "Về Với Cội Nguồn", Nxb PĐ 2012. Độc giả nào muốn, có thể xem toàn văn quyển sách tại:

<http://gpquinhon.org/qn/news/nuoc-man/Ve-voi-coi-nguon-633/#.UhHDI9lvnqE>

Mọi góp ý xin gửi về: tinmunggiesu@gmail.com.

Lm TRĂNG THẬP TỰ VÕ TÁ KHÁNH

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 02

VẤN ĐỀ THỜ CÚNG ÔNG BÀ TRONG LỊCH SỬ GIÁO HỘI VIỆT NAM

Tự bản thân, Đạo Hiếu rất gần với Đạo Chúa. Đang khi một số tôn giáo Á Đông tin luân hồi, cho rằng con người chết rồi đầu thai hóa kiếp thành loài này loài khác thì Đạo Hiếu dạy rằng linh hồn Ông Bà Tổ Tiên bất tử, linh hiển và gần gũi con cháu. Đạo Hiếu và Đạo Chúa có chung một niềm tin linh hồn bất tử, tiếc thay, đã gặp một sự hiểu lầm suốt mấy thế kỷ.

Hoàn cảnh thế kỷ XVII đã khiến một số nhà truyền giáo ngộ nhận, cho rằng việc thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam là một tôn giáo, trong đó tổ tiên được coi như những vị thần. Ngộ nhận này một phần là do chưa nghiên cứu cận kề:

- Nhiều vị tưởng rằng khi cúng lễ gia tiên, gia chủ phải đọc những lời thần bí rất tỉ mỉ. Thật ra, gia chủ không tụng kinh (đọc lớn một công thức) cũng không niệm kinh (đọc thầm) mà chỉ nói với tổ tiên của mình như một đứa con nói với người cha hiện đang còn sống, trong ngôn ngữ thông thường.

- Nhiều vị tưởng chữ "lễ" trong lễ gia tiên có cái ý nghĩa nguyên thủy của nó là "các quy tắc của các lễ nghi tôn giáo". Thật ra, chính Đức Khổng Tử đã giải thích chữ "lễ" theo một nghĩa khác. Theo ngài, các "lễ" hoặc các nghi thức chỉ là phương tiện cho người quân tử dùng để xử lý tiếp vật trong mỗi tình huống cuộc sống. Chúng nêu rõ cách ứng xử người ta phải có trong nhà, ngoài phố, ở triều đình, ở các lễ hội; chúng bộc lộ ra bên ngoài những tình cảm bên trong mà người ta cảm thấy trong tình huống này hoặc tình huống nọ. Vậy, các nghi thức chỉ là những quy phạm của phép xã giao, các quy tắc phép lịch sự mà mục đích gần nhất là giáo hóa con người. Đó là những quy luật của "lễ phép xã hội", như chính Khổng Tử nói, khiến ngày qua ngày người ta đến gần điều thiện và tránh xa điều ác mà không ngờ. Nghi thức khi cúng gia tiên cũng mang ý nghĩa ấy, chỉ là những lễ phép bày tỏ lòng kính trọng quý mến đối với tổ tiên mình.

- Lý do mạnh nhất đẩy Giáo Hội đến chỗ chấp nhận theo một thái độ ngờ vực đối với sự thờ cúng tổ tiên, chính là vì một số người tin rằng vong hồn của những người chết ở trong các bài vị, và người ta ghi rõ "đây là nơi ở của hồn (ông A, bà B)", cách riêng là ở trong tấm lụa đặt trước bài vị, được gọi là "hồn bạch", thường là tấm lụa đã phủ trên khuôn mặt người hấp hối và

được cho là hồn đã nhập vào đó. Tuy nhiên đó chỉ là tin tưởng sai lạc của một số người. Theo những tin tưởng chính thống của người Hoa cũng như người Việt, sau khi chết, con người được coi như đã vĩnh viễn rời bỏ cõi đời này để an nghỉ ở cõi "suối vàng". Tại các từ đường, người ta chỉ giữ lại bài vị của năm đời, còn các bài vị của những thế hệ xưa được đem chôn. Nếu thật người ta tin bài vị là nơi hồn nương tựa thì sẽ không chôn như thế, vì không còn bài vị, những hồn ấy sẽ ở đâu? Vả lại, ngày nay, các gia đình dễ dàng thay thế các bài vị bằng những bức chân dung, cho thấy họ không nghĩ rằng linh hồn các bậc tổ tiên ở trong các bài vị. Nếu hồn không ở trong các bài vị thì vai trò của các bài vị ấy là gì? Dưới con mắt của người Hoa cũng như là người Việt, ít ra là của các nhà nho, các bài vị chỉ có mục đích duy nhất là để nhắc nhở người sống tưởng nhớ những người đã khuất.

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 03

MỘT SỐ THỰC HÀNH GÂY ÁI NGẠI

Có những nhà truyền giáo cho rằng việc thờ cúng Ông Bà là một tôn giáo nhưng lại có những nhà truyền giáo khác khẳng định rằng người Việt không bao giờ xem tổ tiên của họ là "những vị thần", cũng không bao giờ xem cha mẹ họ là "những vị thần tương lai" (Chỉ một số nhỏ tiền hiền ở các địa phương được các triều vua phong thần làm "thành hoàng" của làng xã, với cái nhìn tương tự như các thánh bổn mạng trong Kitô giáo chứ không phải là những vị thần đúng nghĩa). Đã đành là có bàn thờ dành cho Tổ tiên và Tổ tiên là đối tượng của một sự phụng tự nhưng phụng tự này chẳng là gì khác hơn một phụng tự tưởng nhớ, khác với sự thờ Trời. Do đó có thể kết luận ngay rằng sự thờ cúng tổ tiên không phải là một tôn giáo theo nghĩa đen của từ này (Chúng ta vẫn thường được nghe trả lời như sau: "Chúng tôi chỉ thờ cúng ông bà chứ không theo đạo nào cả."). Hơn nữa, khi truyền bá sự thờ cúng này, người xưa (cụ thể như Đức Khổng Tử) nhắm thiết lập những mối liên hệ xác thực giữa những người sống và những người chết, củng cố sự liên đới giữa các thế hệ và phát huy kỷ luật xã hội, tức là chỉ vì những mục tiêu xã hội và chính trị chứ không hề có ý tưởng tôn giáo nào.

Ta cứ giả thiết như việc thờ cúng này bắt đầu có ý nghĩa từ khi có loài người, sẽ thấy sự khác biệt giữa hai chữ "thờ" ấy. Con cháu thờ ông bà, thế hệ sau thờ thế hệ trước. Còn người đầu tiên của loài người thờ ai? Dĩ nhiên họ chỉ thờ Thiên Chúa. Hai chữ thờ đó khác nhau trời vực. Thờ Thiên Chúa là tâm tình của thụ tạo lệ thuộc Tạo Hoá, từng phục Ngài một cách tuyệt đối và yêu mến Ngài với trọn tình con. Còn thờ tổ tiên là tưởng nhớ người xưa và cố gắng không làm ô danh người xưa.

Thế nhưng trong thực tế, đối với nhiều người, các nghi lễ dành cho tổ tiên cũng dần dần mang thêm một ý nghĩa tôn giáo. Người ta đi đến chỗ thờ tổ tiên như thần thánh, và có khi dành cho tổ tiên một tâm tình thờ phượng tuyệt đối như thờ phượng Thiên Chúa. Chính đây là điều không thể nào đi đôi với giáo lý Kitô giáo. Chỉ có một Thiên Chúa độc nhất và chân thật. Không thể thờ bất cứ thụ tạo nào như Thiên Chúa được.

Nghi lễ thờ cúng ông bà ở các thế kỷ trước quả thật có bị lây nhiễm một số tin tưởng sai lạc đáng ngại. Chẳng hạn, tin rằng hồn ông bà về hưởng của cúng. Người ta sợ rằng không cúng tế thì hồn người chết sẽ đói khát, không đốt vàng mã thì hồn người chết không có tiền tiêu. Những tin tưởng sai lạc như thế cũng không thể đi đôi với giáo lý Kitô giáo.

Ngoài ra còn có những mê tín khác.

Các nhà truyền giáo đã tranh luận hết sức nghiêm túc qua nhiều năm, một bên cho rằng những sai lạc trên đây có thể điều chỉnh được, một bên cho là khó lòng thay đổi được náo trạng của dân chúng. Cuối cùng, để bảo đảm cho niềm tin của tín hữu được tinh ròng, Giáo Hội đã quyết định rằng người Công Giáo chỉ được tôn kính tổ tiên theo cách Giáo Hội quen làm, chứ không được thờ cúng theo hình thức cổ truyền địa phương. Giáo Hội biết đây là một chọn lựa phải trả giá đắt, rất bất lợi cho công cuộc truyền giáo. Trước khi có quyết định ấy, số người hưởng ứng Đạo Chúa tại Việt Nam càng lúc càng đông, cả đến trong triều đình vua Lê cũng có

hiều người theo Đạo. Việc cấm thờ cúng tổ tiên theo lối cũ đã khiến người ta tẩy chay tôn giáo mới, thậm chí đã thành một trong những lý do biện minh cho các cuộc bách hại của nhà Tây Sơn, nhà Nguyễn và chiến dịch Văn Thân. Đã hẳn việc cấm thờ cúng nói đây có phần do ngộ nhận nhưng dù sao nó cũng cho thấy đức tin Kitô giáo phải là một chọn lựa quyết liệt đến mức nào.

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 04

QUAN ĐIỂM MỚI CỦA TÒA THÁNH

Mãi đến thế kỷ 20, khi Đạo Hiếu không còn bị ngộ nhận là một tôn giáo và những tin tưởng sai lạc cũng không còn phải là chuyện chung của quảng đại quần chúng, năm 1964, Toà Thánh đã chấp thuận cho người Công Giáo Việt Nam được thờ cúng ông bà theo lối xưa. Ngày 14-6-1965, Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đã ra thông cáo chính thức về vấn đề này.

Sau phần đầu nhắc lại mấy nguyên tắc về thái độ của Giáo Hội đối với nền văn hoá và truyền thống của dân tộc, bản thông cáo nói đến thể thức áp dụng Huấn thị "Plane compertum est" đã được Toà Thánh đã đề ra cho Giáo hội tại Trung Hoa năm 1938. Nguyên văn:

1. Nhiều hành vi, cử chỉ xưa, tại Việt Nam, có tính cách tôn giáo, nhưng nay vì tiếp xúc với bên ngoài và vì tâm tình tập quá đã thay đổi nhiều, nên chỉ còn là những cách biểu lộ lòng hiếu thảo tôn kính đối với tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sĩ. Những cử chỉ, thái độ, nghi lễ có tính cách thể tục, lịch sự và xã giao ấy, Giáo Hội Công Giáo chẳng những không ngăn cấm mà còn mong muốn và khuyến khích cho nó được diễn tả bằng các cử chỉ riêng biệt của mỗi nước, mỗi xứ, và tùy theo trường hợp.

Vì thế, những cử chỉ, thái độ và nghi lễ tự nó hoặc do hoàn cảnh, có một ý nghĩa thể tục rõ ràng là để tỏ tình thân ái quốc, lòng hiếu thảo, tôn kính, hoặc tưởng niệm tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sĩ (như treo ảnh, hình, dựng tượng, nghiêng mình bái kính, trưng đèn hoa, tổ chức ngày kỵ giỗ) thì được thi hành và tham dự cách chủ động.

2. Trái lại, vì có nghĩa vụ bảo vệ cho đức tin công giáo được tinh tuyền, Giáo Hội không thể chấp thuận cho người tín hữu có những hành vi, cử chỉ hoặc tự nó hoặc do hoàn cảnh, có tính cách tôn giáo trái với giáo lý mình dạy.

Vì thế, các việc làm có tính cách tôn giáo không phù hợp với giáo lý công giáo (như bất cứ lễ nghi nào biểu lộ lòng tùng phục và sự lệ thuộc của mình đối với một thụ tạo như là đối với Thiên Chúa) hay những việc dị đoan rõ rệt (như đốt vàng mã), hoặc cử hành ở những nơi dành riêng cho việc tế tự (của các tôn giáo khác)... thì giáo hữu không được thi hành và tham dự. Trong trường hợp bất đắc dĩ, chỉ được hiện diện một cách thụ động, như đã ấn định trong giáo luật khoản 1258.

3. Đối với những việc mà không rõ là thể tục hay tôn giáo thì phải dựa theo nguyên tắc này, là nếu những hành vi đó, theo dư luận dân chúng địa phương không coi như sự tuyên xưng tín ngưỡng của một tôn giáo (ngoài Kitô giáo) mà chỉ biểu lộ một tâm tình tự nhiên, thì được coi như không trái với đức tin, nên được thi hành và tham dự.

Trong trường hợp chưa hết nghi nan, thì có thể hành động theo tiếng lương tâm lúc ấy: nếu cần thì phải giải thích chủ ý của mình một cách thật khéo léo, hợp cảnh, hợp thời. Sự tham dự cũng chỉ được có tính cách thụ động.

Đó là những nguyên tắc chung, giáo hữu cần phải dựa vào mà xét đoán theo lương tâm và hoàn cảnh. Trong trường hợp hồ nghi, mọi người liên hệ không được theo ý riêng mình, mà sẽ phán đoán theo chỉ thị của Toà Thánh, và sẽ bàn hỏi với các giáo sĩ thành thạo.

Yêu cầu quý cha phổ biến rộng rãi và giải thích tường tận thông cáo này không những trong những nhà thờ mà cả mỗi khi có dịp, không những cho anh em giáo hữu mà cả cho người ngoài công giáo.

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 05

DƯỚI MÁI TỪ ĐƯỜNG CỦA TRĂM HỌ

Loạt bài này khá dài, những ai không có giờ, chỉ cần đọc bài này và một vài bài kế tiếp. Những ai muốn nhặt nhanh thêm kinh nghiệm có thể đọc tiếp những điều Chúa đã cho tác giả trải nghiệm hơn 20 năm qua, giúp hiểu ý nghĩa một trào lưu văn hóa và vận hội nó đang đem lại cho sứ vụ loan Tin mừng của Giáo hội.

Việc thực hành rất đơn giản, bất cứ giáo xứ hay giáo họ nào cũng làm được.

Sau tết Quý Tỵ 2013 vừa qua tại giáo xứ Song Mỹ thuộc giáo phận Nha Trang, một số bạn trẻ họ Võ đã có sáng kiến xin cha sở một thánh lễ cầu nguyện cho những người cùng họ còn sống và đã qua đời. Với bức tâm thư trang trọng gửi đến mọi gia đình họ Võ trong giáo xứ, đã có trên 100 người đến dự lễ. Sau thánh lễ hơn 50 người đã ở lại gặp nhau tại hội trường giáo xứ. Họ chia sẻ tâm tình thật chan hòa rồi thảo luận sôi nổi và đi đến bốn quyết định: Thứ nhất, đề cử ra một ban liên lạc họ Võ Công giáo của giáo xứ; thứ hai, mỗi lần có người họ Võ trên địa bàn giáo xứ qua đời, sẽ tặng một vòng hoa phúng điếu ghi dòng chữ: "Ban Liên lạc họ Võ Công giáo giáo xứ Song Mỹ thành kính phân ưu"; thứ ba: anh chị em đồng tộc Công giáo sẽ nhắc nhau sống tốt hơn để khỏi phụ lòng bà con đồng tộc ngoài Công giáo; Thứ tư: Từ đây về sau, mỗi năm tới ngày này, đều xin lễ như thế và mỗi gia đình họ Võ Công giáo sẽ mời một gia đình họ Võ người lương đến dự thánh lễ. Có thể lắm người được mời sẽ không đến nhưng nhiều người khác sẽ đến. Họ sẽ hiểu thế nào là gia đình con cái Chúa, sẽ hiểu cách người Công giáo tôn kính và cầu nguyện cho ông bà tổ tiên.

Điều nhóm anh chị em ấy đã làm, thiết tưởng bất cứ nhóm đồng tộc nào tại mỗi giáo xứ, dù đông người hay ít người, cũng đều có thể làm được. Sau bao năm ly loạn, khi hòa bình lập lại, đa số người mình, lương cũng như giáo, hiện không còn gia phả, không còn từ đường, lắm khi không còn nhớ ngày giỗ của dòng họ mình. Thế nhưng khi ta nhận biết Thiên Chúa là Cha, Ngài đã cho lại chúng ta tất cả và còn hơn thế nhiều. Không còn gia phả, nhưng chúng ta biết rõ mình là anh em con một Cha trên trời. Không còn từ đường nhưng chúng ta lại có chung một nhà Chúa là từ đường của muôn dân, bởi lẽ hai chữ **từ đường** trong tiếng Hán dịch sang tiếng Việt không gì khác hơn là **nhà thờ**. Có thể không còn nhớ ngày giỗ của dòng họ nhưng chúng ta có ngày lễ của những vị thánh tử đạo cùng dòng họ. Trong số các thánh tử đạo người Việt, có 28 vị ta không rõ thuộc họ nào; còn 69 vị khác thuộc về 17 dòng họ: họ Bùi (2), họ Đặng (1), họ Đinh (3), họ Đỗ (3), họ Đoàn (3), họ Hà (2), họ Hồ (1), họ Hoàng/Huỳnh (1), họ Lê (7), họ Nguyễn (24), họ Phạm (5), họ Phan (3), họ Tạ (1), họ Tống (1), họ Trần (4), họ Trương (2), họ Vũ/Võ (6).

Thử hình dung xem, mỗi năm trong mái ấm từ đường của trăm họ tại giáo xứ liên tiếp có ngày giỗ Công giáo của họ Lê, họ Nguyễn, họ Phạm, họ Phan, họ Trần, vv... và các bà con đồng tộc người lương cùng đến dự. Rồi tới ngày tế hiệp của họ, họ lại mời các đồng tộc Công giáo và cả vị thủ từ của từ đường muôn dân là cha xứ đến dự. Dòng họ là con đường thật hồn nhiên để ta đến với anh em và đưa anh em đến với Chúa. Ta có những cơ hội tốt nhất để giải thích cho bà con lương dân hiểu giáo lý của Hội Thánh Công giáo về Đạo Hiếu và việc thờ cúng Tổ Tiên để giúp họ nhận biết và thờ phượng Cội Nguồn muôn đời muôn thuở là Cha trên trời.

Từ năm này sang năm khác, sự giao lưu gặp gỡ lương giáo sẽ ngày càng thêm dày và thêm thân tình. Chắc hẳn sau năm, bảy năm, không ít người sẽ nhờ đó mà nhận được ơn đức tin vào Chúa Cứu Thế Giêsu.

Với hy vọng ấy, tôi tha thiết mời quý độc giả, mỗi người hãy gặp gỡ những người Công giáo cùng dòng họ trong giáo xứ, trao đổi và thảo luận xem sẽ bắt đầu công việc như thế nào. Họ nào loan Tin mừng cho họ nấy: Rủ nhau sống tốt, hẹn nhau trong một thánh lễ truyền thống hằng năm, và mời bà con đồng tộc người lương cùng đến dự.

Dĩ nhiên việc gieo trồng không kém phần vất vả nhưng rồi mùa gặt đến, giọng hân hoan, mặt rạng rỡ, ta sẽ ôm những bó lúa trĩu nặng trên tay mà trở về trong tiếng hát tạ ơn vì những bà con cùng dòng họ với mình và cả nhiều anh chị em khác đã trở nên con cái Chúa. Cúi xin Chúa chúc lành cho những ước mơ đang lớn dậy trong lòng chúng ta.

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 06

GIA PHẢ, CHÌA KHÓA MỞ LÒNG ANH EM

Ngày truyền thống đồng tộc Công giáo mở ra một cánh cửa giao lưu, để ta có thể mời anh chị em đồng tộc người lương đến với mái từ đường của trăm họ. Tình thân cần được tiếp nối qua sự thăm viếng. Giáo xứ nào cũng có những nhóm thăm viếng các bệnh nhân, người neo đơn hoặc già cả. Giờ đây, sẽ thêm một đối tượng nữa là những gia đình có thiện cảm với Đạo Chúa qua việc tham dự ngày truyền thống đồng tộc tại nhà thờ Công giáo. Mỗi lần đi ngang nhà, ta nhớ ghé thăm.

Câu chuyện có thể không bao giờ cạn là chuyện chia sẻ những thông tin về gia phả. Sau chiến tranh hầu hết chứng từ bị mai một, việc dựng lại gia phả riêng từng cụm từng nhóm lắm khi hết sức khó, khiến nhiều người nản lòng bỏ cuộc. Việc tìm tòi liên hệ nối kết giữa những nhánh đã đứt đoạn hàng thế kỷ và đã trôi dạt tới những địa phương khác nhau, mặc dù lý thú, càng là chuyện chẳng có mấy hy vọng.

Xưa gia phả dòng họ thường được bảo quản trong một hộp sơn son thếp vàng đặt trên bàn thờ của từ đường. Hằng năm vào dịp tế đầu xuân (xuân thủ) hoặc dịp giỗ chung của gia tộc, người ta thỉnh gia phả xuống và ghi tên những người đã khuất trong năm qua. Việc chép gia phả gắn liền với ngày giỗ chung, cho nên khi việc cúng giỗ đứt đoạn, gia phả cũng đứt đoạn.

Bên cạnh những khó khăn vì chiến tranh ly loạn, còn có một khó khăn đến từ tấm lòng thành kính của con cháu đối với tổ tiên. Ngay cả khi ở từ đường vẫn còn gia phả ghi rõ tên vị thủy tổ, phần đông trong gia tộc vẫn không biết vị thủy tổ tên gì, chỉ vì các thế hệ con cháu hết sức kính trọng tên của tổ tiên, không bao giờ nhắc tới. Đàng khác, gia phả được ghi bằng cổ văn và cổ tự, con cháu có mở ra cũng không đọc được.

Tòa Thánh đã giải tỏa lệnh cấm về việc thờ cúng Tổ Tiên từ nửa thế kỷ, nhưng mãi đến nay, thành kiến "theo Đạo bỏ ông bỏ bà" vẫn chưa được gột sạch. Để hóa giải những hiểu lầm đã quá ăn sâu, thiết tưởng người tín hữu Công giáo cần nhập cuộc vào nỗ lực tìm nguồn cội của dòng họ mình. Mất gia phả là thảm trạng chung cả cho người lương lẫn người giáo. Bao nhiêu năm chiến tranh loạn lạc, nay ít gia tộc còn giữ được gia phả lâu đời. Do thời thế đổi thay, nhiều bi ký, bút tích và sử liệu đã thành tro bụi, những chứng cứ tìm được thật hiếm hoi, không đủ rọi sáng những khoảng tối và những tồn nghi lịch sử. Người ta đành hài lòng với những suy diễn và phỏng đoán. Chẳng ai nổi trách ai.

Một giải đáp chung hiện đang được các gia tộc cố gắng làm xong sớm, là chuyển các bản gia phả bằng Hán Nôm sang chữ quốc ngữ. Càng ngày số người thông thạo Hán Nôm càng hết sức hiếm hoi, việc chuyển dịch các gia phả sang quốc ngữ càng trở thành một việc khẩn cấp. Đó là những đề tài mà những ai quan tâm tới cội nguồn có thể nói mãi không hết.

Một phương tiện khác là hỏi han chia sẻ qua điện thoại. Nếu ta có lòng với người đồng tộc, thì sẽ sớm có hàng chục và hàng trăm số điện thoại. Nếu máy có 2 sim, ta cho những số điện thoại này vào một sim. Nếu chỉ có một sim, nên lưu rõ cả họ và tên để máy sẽ tự động xếp những người đồng tộc vào một chuỗi. Khi liên hệ đồng tộc vượt ranh giới làng xã, cũng cần ghi thêm vài chi tiết sau tên của mỗi người, để khi họ gọi đến, ta nhận ra ngay đó là ai.

Lm TRĂNG THẬP TỰ VÕ TÁ KHÁNH

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA